Biểu số: 007.N/BCB-NNPTNT
Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 27 tháng 3 năm báo cáo

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT SẢN PHẨM NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN CHỦ YẾU

Năm ...

Đơn vị báo cáo:
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Sản phẩm	Đơn vị tính	Mã số	Năm trước năm báo cáo	Kế hoạch năm báo cáo	So sánh (%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3) = (2:1)×100
I. TRỒNG TRỌT					
1. Cây hàng năm					
- Lúa	Nghìn tấn	01			
Trong đó:					
+ Lúa đông xuân	Nghìn tấn	02			
+ Lúa hè thu	"	03			
+ Lúa thu đông, vụ ba	"	04			
+ Lúa mùa	"	05			
- Ngô/bắp	"	06			
- Sắn/Mỳ	"	07			
- Mía	"	08			
- Rau các loại	"	09			
- Hoa các loại	"	10			
2. Cây lâu năm cho sản phẩm					
- Điều	Nghìn tấn	11			
- Hồ tiêu	"	12			
- Cao su	"	13			
- Cà phê	"	14			
- Chè búp	"	15			
- Dừa	"	16			
- Xoài	"	17			
- Chuối	"	18			

Sản phẩm	Đơn vị tính	Mã số	Năm trước năm báo cáo	Kế hoạch năm báo cáo	So sánh (%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3) = (2:1)×100
- Thanh long	"	19			
- Dứa/thơm/khóm	"	20			
- Sầu riêng	"	21			
- Cam	"	22			
- Bưởi	"	23			
- Nhãn	"	24			
- Vải	"	25			
II. CHĂN NUÔI					
- Trâu	Nghìn tấn	26			
- Bò	"	27			
- Lợn	"	28			
- Gia cầm	"	29			
+ Trong đó: gà	"	30			
- Trứng gia cầm	Triệu quả	31			
- Sữa bò tươi	Nghìn tấn	32			
III. LÂM NGHIỆP					
- Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn ha	33			
- Sản lượng gỗ khai thác từ rừng	Nghìn m^3	34			
IV. THỦY SẢN					
Tổng sản lượng thủy sản (1+2)	Nghìn tấn	35			
1. Sản lượng nuôi trồng	Nghìn tấn	36			
Trong đó:					
+ Cá tra	"	37			
+ Tôm sú	"	38			
+ Tôm thẻ chân trắng	"	39			

Sản phẩm	Đơn vị tính	Mã số	Năm trước năm báo cáo	Kế hoạch năm báo cáo	So sánh (%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3) = (2:1)×100
2. Sản lượng khai thác	"	40			
Trong đó: Khai thác biển	"	41			

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 007.N/BCB-NNPTNT: Kế hoạch sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu

1. Khái niệm, phương pháp tính

Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản là kết quả hữu ích thu được từ quá trình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong kỳ, gồm sản phẩm cây trồng, vật nuôi.

Sản lượng cây trồng là khối lượng sản phẩm chính của từng loại cây hoặc một nhóm cây nông nghiệp thu được trong một vụ sản xuất hoặc trong năm của một đơn vị sản xuất nông nghiệp, một địa phương hay cả nước, gồm:

- Sản lượng thu hoạch các loại cây hằng năm (thóc, ngô, khoai lang, sắn, rau, đậu, đỗ tương, mía, thuốc lá, lạc, cói,..) được tính theo vụ sản xuất.

- Sản lượng thu hoạch các loại cây lâu năm (chè búp, cà phê, cao su, hồ tiêu, cam, xoài, nhãn, vải, chôm chôm, dứa,...). Sản lượng cây lâu năm gồm sản lượng của diện tích trồng tập trung, sản lượng cây trồng phân tán đã cho sản phẩm ổn định và sản lượng cây lâu năm trồng tập trung cho thu bói.

Sản lượng cây trồng được tính theo hình thái sản phẩm quy định cho từng loại sản phẩm. Đối với các sản phẩm như: thóc, ngô, đỗ xanh, đỗ tương,...tính theo hình thái hạt khô; các loại như: khoai lang, khoai tây, sắn tính theo củ tươi; chè tính theo búp tươi, cà phê tính theo nhân khô, cao su tính theo mủ khô, cam tính theo quả tươi,...

Sản lượng sản phẩm chăn nuôi là sản lượng sản phẩm chính của gia súc, gia cầm và vật nuôi chủ yếu khác do lao động chăn nuôi kết hợp với quá trình sinh trưởng tự nhiên của vật nuôi tạo ra trong một thời kỳ nhất định.

Sản lượng gỗ khai thác từ rừng là sản lượng sản phẩm chính của các loại cây lâm nghiệp thân gỗ được khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng.

Sản lượng thủy sản là khối lượng sản phẩm hữu ích thu được từ hoạt động khai thác hoặc nuôi trồng thủy sản trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

Sản lượng thủy sản bao gồm cá, động vật giáp xác (tôm, cua, ghẹ,...), nhuyễn thể hai mảnh vỏ (ngao, sò, ốc móng tay,...), động vật thân mềm (ốc, sò, hàu, sứa,...), rong biển và các loại thủy sản khác (ếch, ba ba, ngọc trai, hải sâm,...).

Sản lượng thủy sản không bao gồm sản lượng hà mã, hải cẩu, tổ yến, rắn.

Sản lượng thủy sản không bao gồm số lượng con giống, số lượng cá cảnh.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong kỳ trước kỳ báo cáo. Số liệu được lấy theo thông tin công bố của Ngành Thống kê.

- Cột 2: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu xây dựng kế hoạch trong năm báo cáo.

- Cột 3: Ghi thông tin so sánh tương ứng của các chỉ tiêu xây dựng kế hoạch so với cùng kỳ năm trước năm báo cáo.

- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê.

BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Thời điểm, thời kỳ số liệu	Ngày nhận báo cáo
1	001.N/BCB-KHĐT	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Năm	Số liệu năm báo cáo (tại ngày 31 tháng 12 năm báo cáo)	Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau năm báo cáo

Biểu số: 001.N/BCB-KHĐT
Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau năm báo cáo

TỶ LỆ KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT ĐANG HOẠT ĐỘNG CÓ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG
Có tại ngày 31 tháng 12 năm …

Đơn vị báo cáo:
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

	Mã số	Tổng số	Chia ra:		Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (Khu)	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)
			Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang xây dựng chưa hoạt động (Khu)	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động (gồm cả hoạt động một phần) (Khu)		
(A)	(B)	(1) = (2)+(3)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4:3)×100
Tổng số	**01**					
1. Chia theo hình thức hoạt động						
- Độc lập	02					
- Tập trung	03					
2. Chia theo địa phương						
2.1.Vùng đồng bằng sông Hồng (Mã 04 = Mã 05 +… + Mã 15)	**04**					
Hà Nội	05					
Vĩnh Phúc	06					
Bắc Ninh	07					
Quảng Ninh	08					
Hải Dương	09					
Hải Phòng	10					
Hưng Yên	11					
Thái Bình	12					
Hà Nam	13					
Nam Định	14					

	Mã số	Tổng số	Chia ra:		Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (Khu)	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)
			Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang xây dựng chưa hoạt động (Khu)	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động (gồm cả hoạt động một phần) (Khu)		
(A)	(B)	(1) = (2)+(3)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4:3)×100
Ninh Bình	15					
2.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc (Mã 16 = Mã 17 +... + Mã 30)	**16**					
Hà Giang	17					
Cao Bằng	18					
Bắc Kạn	19					
Tuyên Quang	20					
Lào Cai	21					
Yên Bái	22					
Thái Nguyên	23					
Lạng Sơn	24					
Bắc Giang	25					
Phú Thọ	26					
Điện Biên	27					
Lai Châu	28					
Sơn La	29					
Hòa Bình	30					
2.3. Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (Mã 31 = Mã 32 +... + Mã 45)	**31**					
Thanh Hóa	32					
Nghệ An	33					
Hà Tĩnh	34					

	Mã số	Tổng số	Chia ra:		Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (Khu)	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)
			Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang xây dựng chưa hoạt động (Khu)	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động (gồm cả hoạt động một phần) (Khu)		
(A)	(B)	(1) = (2)+(3)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4:3)×100
Quảng Bình	35					
Quảng Trị	36					
Thừa Thiên Huế	37					
Đà Nẵng	38					
Quảng Nam	39					
Quảng Ngãi	40					
Bình Định	41					
Phú Yên	42					
Khánh Hòa	43					
Ninh Thuận	44					
Bình Thuận	45					
2.4. Vùng Tây Nguyên (Mã 46 = Mã 47 +... + Mã 51)	**46**					
Kon Tum	47					
Gia Lai	48					
Đắk Lắk	49					
Đắk Nông	50					
Lâm Đồng	51					
2.5. Vùng Đông Nam Bộ (Mã 52 = Mã 53 +... + Mã 58)	**52**					
Bình Phước	53					
Tây Ninh	54					
Bình Dương	55					

	Mã số	Tổng số	Chia ra:		Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (Khu)	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)
			Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang xây dựng chưa hoạt động (Khu)	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động (gồm cả hoạt động một phần) (Khu)		
(A)	(B)	(1) = (2)+(3)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4:3)×100
Đồng Nai	56					
Bà Rịa - Vũng Tàu	57					
TP. Hồ Chí Minh	58					
2.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long (Mã 59 = Mã 60 +... + Mã 72)	**59**					
Long An	60					
Tiền Giang	61					
Bến Tre	62					
Trà Vinh	63					
Vĩnh Long	64					
Đồng Tháp	65					
An Giang	66					
Kiên Giang	67					
Cần Thơ	68					
Hậu Giang	69					
Sóc Trăng	70					
Bạc Liêu	71					
Cà Mau	72					

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 001.N/BCB-BKHĐT: Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Khái niệm

Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường so với tổng số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động.

b) Phương pháp tính

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (\%)} = \frac{\text{Số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường}}{\text{Tổng số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số các khu công nghiệp, khu chế xuất của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố và của từng vùng kinh tế - xã hội có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Cột 2: Ghi số khu công nghiệp, khu chế xuất đang xây dựng của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố và của từng vùng kinh tế - xã hội có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Cột 3: Ghi tổng số các khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố và của từng vùng kinh tế - xã hội có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Cột 4: Ghi tổng số các khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố và của từng vùng kinh tế - xã hội có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Cột 5: Ghi tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt tiêu chuẩn môi trường của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố và của từng vùng kinh tế - xã hội có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

Lưu ý: Cột 5 = (Cột 4 : Cột 3) ×100

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có):

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Thời điểm, thời kỳ số liệu	Ngày nhận báo cáo
1	001.N/BCB-LĐTBXH	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Năm	Số liệu năm báo cáo (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12)	Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau năm báo cáo
2	002.N/BCB-LĐTBXH	Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp	Năm	Số liệu năm báo cáo (tại ngày 31 tháng 12)	Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau năm báo báo

Biểu số: 001.N/BCB-LĐTBXH
Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau năm báo cáo

TỶ LỆ LAO ĐỘNG ĐÃ QUA ĐÀO TẠO
Năm .....

Đơn vị báo cáo:
Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo
(A)	(B)	(1)
Tổng số	**01**	
1. Chia theo giới tính		
- Nam	02	
- Nữ	03	
2. Chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật		
- Lao động đã qua đào tạo có bằng/chứng chỉ		
- Lao động qua đào tạo không bằng/chứng chỉ		
3. Chia theo nhóm tuổi		
- 15 - 19	...	
- 20 - 24		
- 25 - 29		
- 30 - 34		
- 35 - 39		
- 40 - 44		
- ...		
4. Chia theo ngành kinh tế cấp I *(Ghi theoHệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2018)*		
-		
-		
..		
5. Chia theo thành thị, nông thôn		
- Thành thị		
- Nông thôn		
6. Chia theo địa phương		

	Mã số	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo
(A)	(B)	(1)
6.1. Vùng đồng bằng sông Hồng		
Hà Nội		
Vĩnh Phúc		
Bắc Ninh		
Quảng Ninh		
Hải Dương		
Hải Phòng		
Hưng Yên		
Thái Bình		
Hà Nam		
Nam Định		
Ninh Bình		
6.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc		
Hà Giang		
Cao Bằng		
Bắc Kạn		
Tuyên Quang		
Lào Cai		
Yên Bái		
Thái Nguyên		
Lạng Sơn		
Bắc Giang		
Phú Thọ		
Điện Biên		
Lai Châu		
Sơn La		
Hòa Bình		
6.3. Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung		
Thanh Hóa		
Nghệ An		

	Mã số	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo
(A)	(B)	(1)
Hà Tĩnh		
Quảng Bình		
Quảng Trị		
Thừa Thiên Huế		
Đà Nẵng		
Quảng Nam		
Quảng Ngãi		
Bình Định		
Phú Yên		
Khánh Hòa		
Ninh Thuận		
Bình Thuận		
6.4. Vùng Tây Nguyên		
Kon Tum		
Gia Lai		
Đắk Lắk		
Đắk Nông		
Lâm Đồng		
6.5. Vùng Đông Nam Bộ		
Bình Phước		
Tây Ninh		
Bình Dương		
Đồng Nai		
Bà Rịa - Vũng Tàu		
TP. Hồ Chí Minh		
6.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long		
Long An		
Tiền Giang		
Bến Tre		
Trà Vinh		

	Mã số	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo
(A)	(B)	(1)
Vĩnh Long		
Đồng Tháp		
An Giang		
Kiên Giang		
Cần Thơ		
Hậu Giang		
Sóc Trăng		
Bạc Liêu		
Cà Mau		

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 001.N/BCB-LĐTBXH: Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo

1. Khái niệm, phương pháp tính

Lao động đã qua đào tạo, gồm:

- Lao động đã qua đào tạo có bằng/chứng chỉ: Là người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp, đã từng theo học và tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên môn kỹ thuật thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đồng thời được cấp một trong các loại bằng hoặc chứng chỉ sau: Sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, tiến sĩ khoa học.

- Người chưa theo học một chương trình đào tạo chuyên môn kỹ thuật nào nhưng do tự học, do được truyền nghề hoặc vừa làm vừa học nên họ đã có được kỹ năng, tay nghề, tương đương với bậc 1 của công nhân kỹ thuật có bằng/chứng chỉ cùng nghề và thực tế đã từng làm công việc này với thời gian từ 3 năm trở lên. Nhóm này thường được gọi là công nhân kỹ thuật không bằng/chứng chỉ.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (\%)} = \frac{\text{Số lao động đã qua đào tạo}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tương ứng với các dòng của cột A.

- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

Biểu số: 002.N/BCB-LĐTBXH
Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau năm báo cáo

TỶ LỆ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀO HỌC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Có tại ngày 31 tháng 12 năm ...

Đơn vị báo cáo:
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

	Mã số	Tổng số (Người)	Trong đó: học sinh/sinh viên tuyển mới năm t+1 tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông năm t (Người)			Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp (%)	Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học giáo dục nghề nghiệp (%)	Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp (%)
			Tổng số	Chia theo cấp học				
				Trung học cơ sở	Trung học phổ thông			
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Số học sinh/ sinh viên tuyển mới năm t+1	**01**							
1. Chia theo loại hình								
- Công lập	02							
- Ngoài công lập	03							
2. Chia theo trình độ đào tạo								
- Trình độ sơ cấp	04							
- Trình độ trung cấp	05							
- Trình độ cao đẳng	06							
- Trình độ đào tạo khác	07							

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 002.N/BCB-LĐTBXH: Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp

1. Khái niệm, phương pháp tính

Giáo dục nghề nghiệp là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số học sinh/sinh viên tuyển mới năm học t + 1 của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Cột 2: Ghi số học sinh/sinh viên tuyển mới năm t+1 tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông năm t theo các dòng tương ứng của cột A.

- Cột 3: Ghi số học sinh/sinh viên tuyển mới năm t+1 tốt nghiệp Trung học cơ sở năm t theo các dòng tương ứng của cột A.

- Cột 4: Ghi số học sinh/sinh viên tuyển mới năm t+1 tốt nghiệp Trung học phổ thông năm t theo các dòng tương ứng của cột A.

- Cột 5: Ghi tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp vào học giáo dục nghề nghiệp theo các dòng tương ứng của cột A. Số liệu cột 5 bằng số liệu cột 2 chia cho tổng số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông năm t.

- Cột 6: Ghi tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học giáo dục nghề nghiệp theo các dòng tương ứng của cột A. Số liệu cột 6 bằng số liệu cột 3 chia cho tổng số học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở năm t.

- Cột 7: Ghi tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp theo các dòng tương ứng của cột A. Số liệu cột 6 bằng số liệu cột 4 chia cho tổng số học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông năm t.

- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Tại thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

- Chế độ báo cáo thống kê của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Chế độ báo cáo thống kê của ngành giáo dục.

BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Thời điểm, thời kỳ số liệu	Ngày nhận báo cáo
01	001.Q/BCB-VĐTC	Kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng	Quý	Thực hiện quý trước quý báo cáo; ước thực hiện quý báo cáo	Báo cáo quý: Ngày 27 tháng cuối quý báo cáo
02	002.Q/BCB-VĐTC	Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm	Quý	Thực hiện quý trước quý báo cáo; ước thực hiện quý báo cáo	Báo cáo quý: Ngày 27 tháng cuối quý báo cáo
03	003.Q/BCB-VĐTC	Danh mục các dự án, công trình thực hiện thuộc nguồn vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng	Quý	Thực hiện quý trước quý báo cáo; ước thực hiện quý báo cáo	Báo cáo quý: Ngày 27 tháng cuối quý báo cáo

Biểu số: 001.Q/BCB-VĐTC
Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 27 tháng cuối quý báo cáo

KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DO BỘ, NGÀNH SỬ SỤNG

Quý ….. năm …..

Đơn vị báo cáo:
Bộ …..
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

	Mã số	Đơn vị tính	Vốn Ngân sách Nhà nước	Trong đó: Vốn nước ngoài (ODA)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
I. TỔNG SỐ	**01 = 02+03**	**Tỷ đồng**		
1. Kế hoạch vốn năm 202…	02	Tỷ đồng		
2. Kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm 202…	03	Tỷ đồng		
II. ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I				
1. Ước thực hiện quý I	04	Tỷ đồng		
2. Tỷ lệ thực hiện quý I so với kế hoạch vốn năm 202…	05 = 04:01	%		
III. ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG				
1. Chính thức quý I	06	Tỷ đồng		
2. Ước tính quý II	07	Tỷ đồng		
3. Ước tính 6 tháng	08 = 06+07	Tỷ đồng		
4. Tỷ lệ thực hiện 6 tháng so với kế hoạch vốn năm 202…	09 = 08:01	%		
IV. ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG				
1. Chính thức quý I	10	Tỷ đồng		
2. Chính thức quý II	11	Tỷ đồng		
3. Ước tính quý III	12	Tỷ đồng		
4. Ước tính 9 tháng	13 = 10+11+12	Tỷ đồng		
5. Tỷ lệ thực hiện 9 tháng so với kế hoạch vốn năm 202…	14 = 13:01	%		
V. ƯỚC THỰC HIỆN 12 THÁNG				

	Mã số	Đơn vị tính	Vốn Ngân sách Nhà nước	Trong đó: Vốn nước ngoài (ODA)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
1. Chính thức quý I	15	Tỷ đồng		
2. Chính thức quý II	16	Tỷ đồng		
3. Chính thức quý III	17	Tỷ đồng		
4. Ước tính quý IV	18	Tỷ đồng		
5. Ước tính 12 tháng	19 = 15+16+17+18	Tỷ đồng		
6. Tỷ lệ thực hiện 12 tháng so với kế hoạch vốn năm 202…	20 = 19:01	%		

Ghi chú:

Ước thực hiện quý I: báo cáo mục I và II;

Ước thực hiện 6 tháng: báo cáo mục I và III;

Ước thực hiện 9 tháng: báo cáo mục I và IV;

Ước thực hiện 12 tháng: báo cáo mục I và V.

Ngày... tháng... năm...

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 001.Q/BCB-VĐTC: Kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng

1. Khái niệm, phương pháp tính

Biểu này áp dụng cho các bộ, cơ quan trung ương được giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

Kế hoạch vốn đầu tư công: Là số kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước giao cho các bộ, cơ quan trung ương tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm. Kế hoạch vốn đầu tư công trong năm báo cáo gồm cả kế hoạch vốn được giao trong năm và kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm báo cáo.

Thực hiện vốn đầu tư công: Là khối lượng thực hiện của dự án/công trình trong kỳ báo cáo (bao gồm cả khối lượng thực hiện của kế hoạch vốn được giao trong năm và khối lượng thực hiện của kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm báo cáo).

Khối lượng thực hiện dự án/công trình bao gồm cả khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu và chưa được nghiệm thu của dự án/công trình.

Lưu ý: Đây không phải là số liệu giải ngân vốn đầu tư.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số liệu vốn ngân sách Nhà nước theo kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng theo các thời điểm tương ứng từng dòng ở cột A.

- Cột 2: Ghi số liệu vốn nước ngoài (ODA) theo kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng theo các thời điểm tương ứng với từng dòng ở cột A:

+ Ước thực hiện quý I: Thời điểm 25 tháng 3

+ Ước thực hiện 6 tháng: Thời điểm 25 tháng 6

+ Ước thực hiện 9 tháng: Thời điểm 25 tháng 9

+ Ước thực hiện 12 tháng: Thời điểm 25 tháng 12

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

Biểu số 002.Q/BCB-VĐTC
Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 27 tháng cuối quý báo cáo

NĂNG LỰC MỚI TĂNG CỦA CÁC DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH TRONG NĂM

Quý ….. năm …

Đơn vị báo cáo:
Bộ …..
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

STT	Tên dự án/công trình	Tên chủ đầu tư/Ban quản lý dự án	Địa điểm xây dựng (Tên tỉnh, thành phố)	Thời gian khởi công		Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành		Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực mới tăng		Thực hiện quý trước quý báo cáo (Tỷ đồng)	Dự tính quý báo cáo (Tỷ đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo (Tỷ đồng)	Cộng dồn từ khi khởi công đến cuối quý báo cáo (Tỷ đồng)	Ghi chú
				Tháng	Năm	Tháng	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính					
(A)	(B)	(C)	(D)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1															
2															
3															

STT	Tên dự án/công trình	Tên chủ đầu tư/Ban quản lý dự án	Địa điểm xây dựng (Tên tỉnh, thành phố)	Thời gian khởi công		Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành		Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực mới tăng		Thực hiện quý trước quý báo cáo (Tỷ đồng)	Dự tính quý báo cáo (Tỷ đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo (Tỷ đồng)	Cộng dồn từ khi khởi công đến cuối quý báo cáo (Tỷ đồng)	Ghi chú
				Tháng	Năm	Tháng	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính					
(A)	(B)	(C)	(D)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 002.Q/BCB-VĐTC: Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm

1. Khái niệm, phương pháp tính

Công trình hoàn thành là công trình đã hoàn thành đồng bộ, hoàn chỉnh toàn bộ các giai đoạn thực hiện đầu tư theo thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công đã được duyệt, đã nghiệm thu đạt các thông số kỹ thuật và đã bàn giao cho đơn vị sử dụng (bao gồm các hạng mục công trình chính, phụ, kể cả vườn hoa, cây cảnh nếu có).

Năng lực mới tăng của dự án/công trình là khả năng sản xuất hoặc phục vụ sản xuất tính theo thiết kế khi nghiệm thu bàn giao dự án/công trình.

2. Cách ghi biểu

Quý I năm báo cáo ghi toàn bộ danh sách dự án/công trình hoàn thành/dự kiến hoàn thành trong năm báo cáo, bao gồm dự án/công trình được khởi công từ những năm trước hoặc trong năm báo cáo; từ quý II trở đi thực hiện rà soát, bổ sung và cập nhật tiến độ thực hiện của dự án/công trình theo thực tế.

- Cột A: Ghi số thứ tự từ 1 đến hết và giữ nguyên STT của dự án/công trình trong các quý báo cáo tiếp theo cho đến khi dự án/công trình hoàn thành; trường hợp bổ sung dự án/công trình thì ghi STT nối tiếp STT của dự án/công trình cuối cùng trong danh mục.

- Cột B: Ghi tên dự án/công trình xây dựng hoàn thành/dự kiến hoàn thành trong năm.

- Cột C: Ghi tên chủ đầu tư/ban quản lý dự án theo quyết định đầu tư.

- Cột D: Ghi địa điểm xây dựng (Tên tỉnh, thành phố) nơi thực hiện thi công dự án/công trình.

- Cột 1, 2, 3, 4: Ghi thời gian khởi công/hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành theo thực tế của dự án/công trình.

- Cột 5: Ghi tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư của dự án/công trình tại cột A.

- Cột 6, 7: Ghi cụ thể đơn vị tính và số lượng theo đơn vị tính của năng lực thiết kế khi bàn giao đưa vào sử dụng. Trường hợp mở rộng, đổi mới thiết bị hoặc khôi phục từng phần của dự án/công trình xây dựng thì chỉ tính phần năng lực mới tăng thêm do đầu tư mới tạo ra (không được tính năng lực của dự án/công trình cũ).

Ví dụ:

+ Tên dự án/công trình: Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Năng lực/công suất thiết kế (cột 6): 515, Đơn vị tính (cột 7): Km.

+ Tên dự án/công trình: Nhà máy sản xuất mô tơ Công ty TNHH YB Việt Nam, Năng lực/công suất thiết kế (cột 6): 60, Đơn vị tính (cột 7): Triệu sản phẩm/năm.

+ Tên dự án/công trình: Công trình chung cư 1A Lê Nin, Năng lực/công suất thiết kế (cột 6): 5, Đơn vị tính (cột 7): Nghìn m2 sàn".

- Cột 8, 9, 10, 11: ghi giá trị khối lượng thực hiện theo thực tế của chủ đầu tư/ban quản lý dự án (không phải giá trị thanh toán/giải ngân).

- Cột 12: Các dự án/công trình xây dựng phục vụ nhiều mục tiêu (giao thông, thủy lợi…) nếu có nhiều năng lực mới tăng: ghi cụ thể các năng lực mới tăng trong mục ghi chú.

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

Biểu số 003.Q/BCB-VĐTC
Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 27 tháng cuối quý báo cáo

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN THUỘC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DO BỘ, NGÀNH SỬ DỤNG

Quý ….. năm …

Đơn vị báo cáo:
Bộ …
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tên dự án/công trình	Mã dự án (Mã TABMIS)	Chủ đầu tư	Nhóm dự án (Quan trọng quốc gia, A, B, C, khác)	Địa điểm đầu tư (Tỉnh, thành phố)	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế		Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng vốn đầu tư được phân bổ năm 202… (bao gồm cả kế hoạch vốn kéo dài của năm trước)	Chia ra		Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm
					Năm khởi công	Năm hoàn thành/dự án kết thúc	Năng lực thiết kế	Đơn vị tính			Kế hoạch vốn được phân bổ trong năm	Kế hoạch vốn được kéo dài từ năm trước sang				
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1. Dự án khởi công mới																
- Dự án …																
- Dự án																

Tên dự án/công trình	Mã dự án (Mã TABMIS)	Chủ đầu tư	Nhóm dự án (Quan trọng quốc gia, A, B, C, khác)	Địa điểm đầu tư (Tỉnh, thành phố)	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế		Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng vốn đầu tư được phân bổ năm 202… (bao gồm cả kế hoạch vốn kéo dài của năm trước)	Chia ra		Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm
					Năm khởi công	Năm hoàn thành/dự án kết thúc	Năng lực thiết kế	Đơn vị tính			Kế hoạch vốn được phân bổ trong năm	Kế hoạch vốn được kéo dài từ năm trước sang				
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
…																
- …																
2. Dự án chuyển tiếp																
- Dự án …																
- Dự án …																
- …																

Tên dự án/công trình	Mã dự án (Mã TABMIS)	Chủ đầu tư	Nhóm dự án (Quan trọng quốc gia, A, B, C, khác)	Địa điểm đầu tư (Tỉnh, thành phố)	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế		Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng vốn đầu tư được phân bổ năm 202… (bao gồm cả kế hoạch vốn kéo dài của năm trước)	Chia ra		Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm
					Năm khởi công	Năm hoàn thành/dự án kết thúc	Năng lực thiết kế	Đơn vị tính			Kế hoạch vốn được phân bổ trong năm	Kế hoạch vốn được kéo dài từ năm trước sang				
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3. Dự án dự kiến hoàn thành trong năm																
- Dự án …																
- Dự án …																

Tên dự án/công trình	Mã dự án (Mã TABMIS)	Chủ đầu tư	Nhóm dự án (Quan trọng quốc gia, A, B, C, khác)	Địa điểm đầu tư (Tỉnh, thành phố)	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế		Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng vốn đầu tư được phân bổ năm 202… (bao gồm cả kế hoạch vốn kéo dài của năm trước)	Chia ra		Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm
					Năm khởi công	Năm hoàn thành/dự án kết thúc	Năng lực thiết kế	Đơn vị tính			Kế hoạch vốn được phân bổ trong năm	Kế hoạch vốn được kéo dài từ năm trước sang				
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
- …																

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 003.Q/BCB-VĐTC: Danh mục các dự án, công trình thực hiện thuộc nguồn vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tương tự Biểu số 001.Q/BCB-VĐTC: Kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng.

Báo cáo tình hình thực hiện theo các dự án/công trình được giao kế hoạch vốn trong năm báo cáo và kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm báo cáo.

Kế hoạch vốn đầu tư công: Là số kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước giao cho các bộ, cơ quan trung ương tại Quyết định và Thông báo của cấp có thẩm quyền về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm. Kế hoạch vốn đầu tư công trong năm báo cáo gồm cả kế hoạch vốn được giao trong năm và kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm báo cáo.

Biểu này áp dụng cho các bộ, cơ quan trung ương được giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước và thống nhất với số liệu báo cáo tại biểu **Biểu số 001.Q/BCB-VĐTC.**

2. Cách ghi biểu

- Cột A: Ghi tên dự án/công trình theo từng loại dự án (dự án khởi công mới, dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm).

- Cột 2: Địa điểm đầu tư: Ghi đủ tên các tỉnh/thành phố mà dự án/công trình thực hiện trên các tỉnh/thành phố đó.

- Cột 11, 12, 13, 14: Ghi số liệu thực hiện vốn ngân sách nhà nước là khối lượng thực hiện thực tế phát sinh trong kỳ của từng dự án/công trình tại cột A (không phải số liệu giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước) theo thời điểm:

+ Ước thực hiện quý I: Thời điểm 25 tháng 3.

+ Ước thực hiện 6 tháng đầu năm: Thời điểm 25 tháng 6

+ Ước thực hiện 9 tháng đầu năm: Thời điểm 25 tháng 9

+ Ước thực hiện cả năm: Thời điểm 25 tháng 12

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

DANH SÁCH BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Gửi góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

(Lần 1)

TT	Đơn vị	Nhất trí	Góp ý	Ghi chú
I	**CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**			
1	Bộ Tài nguyên và Môi trường		×	
2	Bộ Khoa học và Công nghệ	×		
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo		×	
4	Bộ Thông tin và Truyền thông		×	
5	Bộ Y tế		×	
6	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	×		
7	Bộ Nội vụ		×	
8	Bộ Tư Pháp		×	
9	Bộ Công An	×		
10	Bộ Quốc phòng		×	
11	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	×		
12	Tòa án Nhân dân tối cao		×	
13	Ban Tổ chức Trung ương Đảng		×	
14	Bộ Tài chính		×	
15	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×	
16	Bảo hiểm xã hội Việt Nam		×	
17	Bộ Giao thông vận tải		×	
18	Bộ Công Thương		×	
19	Bộ Xây dựng	×		
20	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	×		

TT	Đơn vị	Nhất trí	Góp ý	Ghi chú
21	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (**các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư**)			
22	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội		×	
23	Bộ Ngoại giao	×		
24	Ủy Ban Dân tộc	×		
25	Kiểm toán Nhà nước	×		
26	Thanh tra Chính phủ		×	
27	Đài Tiếng nói Việt Nam	×		
28	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	×		
29	Thông tấn xã Việt Nam	×		
30	Đài Truyền hình Việt Nam	×		
31	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp		×	
32	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	×		
II	**CƠ QUAN ĐỊA PHƯƠNG**	46	17	63 Cơ quan địa phương (UBND tỉnh, thành phố, Cục Thống kê tỉnh thành phố trực thuộc trung ương)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 748 /BTNMT-KHTC	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.	*Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Phụ lục I. Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai sửa đổi (Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024), có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Theo đó, tại khoản 6 Điều 59 quy định: "Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả thống kê đất đai hằng năm của cả nước và công bố trước ngày 30 tháng 6 hằng năm; tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và công bố kết quả kiểm kê đất đai 05 năm của cả nước trước ngày 30 tháng 9 của năm kế tiếp của năm kiểm kê đất đai".

Tại khoản 2 Điều 57 quy định:

"Thời gian thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai như sau:

Thống kê đất đai được thực hiện hằng năm, tính đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thống kê, trừ năm thực hiện kiểm kê đất đai;

Kiểm kê đất đai được thực hiện 05 năm một lần, tính đến hết ngày 31 tháng 12 của năm có chữ số cuối là 4 hoặc 9".

Do đó, tại Phụ lục I của Dự thảo Nghị định, đề nghị điều chỉnh thời hạn báo cáo của các biểu: (1) Biểu số 001.N/BCB-TNMT. Hiện trạng sử dụng đất chia theo đối tượng sử dụng, quản lý; (2) Biểu số 002.N/BCB-TNMT. Hiện trạng sử dụng đất chia theo địa phương; (3) Biểu 003.N/BCB-TNMT. Cơ cấu sử dụng đất chia theo địa phương: Ngày 30 tháng 6 năm sau năm báo cáo.

Đối với các năm thực hiện kiểm kê đất đai (có chữ số cuối của năm là các số: 4,9), thời hạn báo cáo: Ngày 30 tháng 9 năm sau năm báo cáo.

2. Phụ lục II. Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với các bộ, ngành

Đề nghị rà soát, chỉnh sửa các chỉ tiêu về loại đất; đối tượng quản lý, sử dụng đất tại các biểu: (1) Biểu số 001.N/BCB-TNMT. Hiện trạng sử dụng đất chia theo đối tượng sử dụng, quản lý; (2) Biểu số 002.N/BCB-TNMT. Hiện trạng sử dụng đất chia theo địa phương; (3) Biểu 003.N/BCB-TNMT. Cơ cấu sử dụng đất chia theo địa phương đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.Hg.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Quý Kiên

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 307 /BKHCN-TTKHCN V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 30tháng 01năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu và nhất trí với nội dung được nêu trong các Dự thảo: Tờ trình Chính phủ; Nghị định và 02 phụ lục kèm theo; và Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng gửi ý kiến để Quý Bộ tổng hợp, hoàn thiện Dự thảo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TTKHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
VỤ THỨ TRƯỞNG

Lê Xuân Định

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 601 /BGDĐT-CNTT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024*
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng cục Thống kê (Cục thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê).

Thực hiện yêu cầu tại công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/20224 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (sau đây gọi tắt là Dự thảo), Bộ Giáo dục và Đào tạo (viết tắt là GDĐT) có ý kiến góp ý như sau:

1. Cơ bản thống nhất với kết cấu, nội dung quy định chung của Dự thảo Nghị định.

2. Đối với nhóm Biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Bộ GDĐT, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung:

2.1. Thống nhất với Biểu mẫu: 001.N/BCB-GDĐT, 002.N/BCB-GDĐT, 003.N/BCB-GDĐT; 006.N/BCB-GDĐT, đề nghị điều chỉnh một số nội dung khái niệm các chỉ tiêu đảm bảo thống nhất với các văn bản liên quan và trong toàn bộ dự thảo (như học sinh dân tộc thiểu số, trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên, trường chuyên biệt dành cho trẻ em bị khuyết tật, lớp của các cấp học thống nhất cách viết chữ số, phòng học kiên cố...).

2.2. Đối với dự thảo Biểu báo cáo Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông, đề nghị bổ sung và điều chỉnh:

- Để đảm bảo nguồn dữ liệu tính toán cho chỉ tiêu 1503, đề nghị bổ sung Biểu số 004a.N/BCB-TK. Dân số độ tuổi đi học phổ thông, do Tổng cục Thống kê cung cấp;

- Điều chỉnh Biểu mẫu 004b.N/BCB-GDĐT Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông gồm Tỷ lệ đi học chung và Tỷ lệ đi học đúng tuổi.

2.3. Biểu mẫu 005.N/BCB-GDĐT, đề nghị sửa thời điểm báo cáo là 30/8, là thời điểm đã có kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông của năm học báo cáo, thay cho thời điểm 30/9 là thuộc năm học sau.

(Các nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung đã góp ý, sửa trực tiếp vào Dự thảo kèm theo công văn này).

3. Đối với nội dung nhóm Biểu báo cáo áp dụng cho các bộ, ngành có sử dụng vốn đầu tư công, gồm Biểu 001.Q/BCB-VĐTC; 002.Q/BCB-VĐTC; 003.Q/BCB-VĐTC:

Bộ GDĐT thấy rằng theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 51 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ, "Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công" do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý. Định kỳ theo quy định tại Điều 70 Luật Đầu tư công, Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ thì Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính (báo cáo bản giấy và báo cáo trên "Hệ thống"). Như vậy, Chế độ báo cáo, thông tin theo Luật Đầu tư công (nêu trên) là rất đầy đủ và cụ thể, vì vậy đề nghị không yêu cầu các bộ, ngành báo cáo lại. Căn cứ thông tin, số liệu, danh mục dự án, hạn mức vốn, công năng, quy mô, kết quả thực hiện tháng, quý, năm của từng dự án, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết nối dữ liệu trên "Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công", cụ thể là Trung tâm Tin học - Vụ Tổng hợp Kinh tế quốc dân thuộc Bộ Kế hoạch Đầu tư cung cấp dữ liệu cho Tổng Cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch Đầu tư để tổng hợp thông tin thống kê.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) nghiên cứu điều chỉnh Dự thảo Nghị định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Hoàng Minh Sơn (để báo cáo);
- TT Phạm Ngọc Thưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, CNTT.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Sơn Hải

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 620 /BTTTT- KHTC	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v góp ý dự thảo Chế độ báo cáo thống kê quốc gia	*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định Chế độ báo cáo thống kê quốc gia (kèm dự thảo Nghị định về Chế độ báo cáo và dự thảo Tờ trình Chính phủ). Sau khi nghiên cứu Bộ Thông tin và Truyền thông nhất trí cơ bản với các nội dung dự thảo Chế độ báo cáo và đề nghị xem xét bổ sung một số nội dung tại Phụ lục kèm theo.

Trân trọng./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Hoàng Phương

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Tổng cục Thống kê (Bộ KHĐT);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Lưu: VT, KHTC.

PHỤ LỤC

Góp ý dự thảo Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

(Kèm theo Công văn số /BTTTT-KHTC ngày .../.../2024)

---

1. Góp ý chung đối với các biểu mẫu:

Biểu mẫu báo cáo được dự thảo dựa theo mẫu báo cáo bằng bản giấy, đề nghị Ban soạn thảo xem xét khi thực hiện trên môi trường số thì cần có sự thay đổi cho phù hợp, giảm khâu trung gian, tiết kiệm thời gian cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thu thập, cung cấp, sử dụng số liệu.

2. Một số ý kiến cụ thể đối với nhóm biểu mẫu áp dụng đối với Bộ TT&TT.

STT	Tên Biểu	Đề nghị xem xét
1	Biểu số 001.Q/BCB-TTTT (doanh thu dịch vụ bưu chính kỳ Quý) Biểu số 002.N/BCB-TTTT (sản lượng, doanh thu dịch vụ bưu chính - kỳ năm)	Biểu báo cáo khá phức tạp[1], chỉ phù hợp với thực hiện bằng ứng dụng công nghệ. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét: + Chỉ áp dụng khi đã có hệ thống công nghệ hỗ trợ. + Lược bỏ phần phân tổ (doanh thu) theo địa bàn ở kỳ báo cáo quý. (Chỉ áp dụng phân tổ này ở kỳ báo cáo năm).
2	Biểu số 003.Q/BCB-TTTT và Biểu 004.N/BCB-TTTT Doanh thu dịch vụ viễn thông	- Theo quy định tại Luật Viễn thông và văn bản hướng dẫn hiện hành[2]: Dịch vụ Internet là một loại hình dịch vụ viễn thông. Doanh thu dịch vụ viễn thông sẽ bao gồm trong đó doanh thu dịch vụ Internet. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét phân tổ đối với chỉ tiêu "Doanh thu dịch vụ viễn thông" tại biểu mẫu cho phù hợp. - Đơn vị tính: Đề nghị xem xét là tỷ đồng (để đồng bộ với quy định báo cáo chỉ tiêu này đang áp dụng đối với các doanh nghiệp viễn thông).

[1] Lý giải tính phức tạp :

(1) Yêu cầu báo cáo ước tính khi chưa kết thúc kỳ báo cáo; phân tổ vừa theo loại hình dịch vụ, vừa theo loại hình kinh tế, vừa theo địa bàn hành chính cấp tỉnh.

(2) Để phân tổ theo loại hình kinh tế thì cần truy cập thông tin từ thông tin Đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo phân loại doanh nghiệp đang thuộc loại hình nào cho đúng.

(3) Để phân tổ theo tỉnh, thành phố thì doanh nghiệp bưu chính cũng phải báo cáo số liệu doanh thu phát sinh theo từng địa bàn tỉnh, thành phố.

(4) Trường hợp doanh nghiệp không thể báo cáo được theo địa bàn (đây là một thực tế) thì cơ quan Thống kê phải ước số liệu theo địa bàn. Trong khi sở cứ để ước số liệu doanh thu theo địa bàn nhìn chung là khó thuyết phục.

[2] Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

STT	Tên Biểu	Đề nghị xem xét
3	Biểu số 005.H/BCB-TTTT "Số thuê bao điện thoại, thuê bao truy nhập Internet băng rộng"	Đề nghị xem xét bổ sung ghi chú đối với số liệu báo cáo về kênh thuê riêng: Là số lượng thuê bao, không phải là số lượng theo quy đổi thành tốc độ 256Kbps.
4	Biểu số 007.H/BCB-TTTT Dung lượng băng thông kết nối internet quốc tế	Chỉ tiêu này thống kê số liệu tính đến cuối kỳ báo cáo (không phải cộng dồn từ đầu năm đến kỳ báo cáo như các chỉ tiêu về doanh thu, sản lượng cuộc gọi). Do đó, đề nghị Ban soạn thảo xem xét lược bỏ cột 2 "*Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo*".
5	Biểu số 008.N/BCB-TTTT Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Nên chăng xem xét lược bỏ Biểu này do hiện nay tỷ lệ phủ sóng của Việt Nam đã đạt mức cao, ngang với các nước có thu nhập cao, do đó số liệu hầu như sẽ không thay đổi giữa các kỳ báo cáo.
6	Biểu số 011.N/BCB-TTTT: Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Đề nghị xem xét sửa tên biểu thành "Tỷ lệ người dân ***trưởng thành*** có sử dụng dịch vụ công trực tuyến" (thêm từ "trưởng thành") và hoàn thiện lại biểu mẫu, hướng dẫn ghi biểu cho phù hợp với tên điều chỉnh. Lý do: Thực hiện các thủ tục hành chính công trực tuyến thường là những người đã có quyền công dân (từ 18 tuổi trở lên).

BỘ Y TẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1066 /BYT-KHTC V/v góp ý dự thảo Nghị định Ban hành quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.	*Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2024*

Kính gửi: Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch Đầu tư.

Bộ Y tế nhận được công văn số 460/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định Ban hành quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Vụ Kế hoạch Tài chính đã có công văn số 195/KHTC gửi các Vụ/Cục/Viện liên quan để góp ý dự thảo Nghị định, biểu mẫu và nội dung báo cáo để góp ý dự thảo.

Căn cứ vào ý kiến của các Vụ/Cục/Viện đến ngày 01/3/2024 Vụ KHTC nghiên cứu, tổng hợp và xin gửi Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch Đầu tư để hoàn thiện dự thảo.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Văn Thuấn (để báo cáo);
- Vụ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: Văn thư, KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Phan Lê Thu Hằng

TỔNG HỢP Ý KIẾN
CÁC VỤ/CỤC/VIỆN NHẬN CÔNG VĂN 195/KHTC NGÀY 01/02/2024

TT	Cơ quan/ Đơn vị	Nội dung góp ý
1	Vụ Pháp chế	Công văn số 215/PC Đề nghị rà soát danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê để bổ sung cho đầy đủ, chính xác: dân số, mật độ dân số, tỷ số giới tính khi sinh, Số bác sĩ trên 10.000 dân, Số giường bệnh trên 10.000 dân, Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống, Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi, Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi, Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin, Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng, Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên 100.000 dân, Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên 100.000 dân, Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.
2	Vụ Tổ chức Cán bộ	Công văn số 200/TCCB thống nhất đối với biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Bộ Y tế.
3	Cục Quản lý Khám, Chữa bệnh	Không có ý kiến phản hồi.
4	Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo	Nhất trí với dự thảo Nghị định tại công văn số 317/K2ĐT-CNTT
5	Viện vệ sinh dịch tế TW	Không có ý kiến phản hồi.
6	Viện Dinh Dưỡng	Một số góp ý chi tiết đính kèm Công văn số 84/VDD-KHTH.
7	Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia	Công văn số 78/TTYTQG-DA có một số ý kiến như sau: 1. Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia về cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định "Ban hành Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia", biểu mẫu và các nội dung báo cáo kèm theo;

		2. Qua nghiên cứu và rà soát nội dung biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Bộ Y tế (kèm theo dự thảo Nghị định), Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia xin có đề nghị: Tại Biểu số 005.N/BCB-YT: Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, mục 1. Khái niệm, phương pháp tính: Khái niệm "Khám bệnh, chữa bệnh từ xa là hình thức khám bệnh, chữa bệnh không trực tiếp tiếp xúc giữa người hành nghề và người bệnh mà việc khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện thông qua thiết bị, công nghệ thông tin" xin được làm rõ hơn như sau: "Khám bệnh, chữa bệnh từ xa là hình thức khám bệnh, chữa bệnh không trực tiếp tiếp xúc giữa người hành nghề và người bệnh mà việc khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện thông qua thiết bị y tế, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để trao đổi thông tin hợp lệ nhằm chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa bệnh tật và chấn thương, hỗ trợ phân tích, nghiên cứu, đánh giá, đào tạo".
8	Vụ Kế hoạch Tài chính	- Biểu số 001.N/BCB-YT Bác sĩ và giường bệnh: Bác sỹ, Số giường bệnh thuộc phân tổ ngoài công lập chỉ báo cáo khi có Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập. - Biểu số 003.N/BCB-YT Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng: Tuân thủ tên đã ghi trong Luật Thống kê, còn tên theo tham khảo quốc tế theo góp ý của Viện Dinh dưỡng thì ghi chú thêm nếu cần thiết. Nhất trí với điều chỉnh của Viện Dinh dưỡng đối với: Phân tổ về tháng tuổi, Khái niệm, phương pháp tính và Nguồn số liệu (đính kèm công văn 84/VDD-KHTH). - Biểu số 005.N/BCB-YT: Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa. Vụ KHTC nhất trí với ý kiến của Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia và đề nghị sửa theo Luật 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về khám bệnh, chữa bệnh Điều 80. Khám bệnh, chữa bệnh từ xa và hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh từ xa. - Một số chỉ tiêu liên quan đến dân số theo ý kiến của Vụ Pháp chế đã có trong dự thảo và không thuộc trách nhiệm báo cáo của Ngành Y tế.

BỘ Y TẾ **VIỆN DINH DƯỠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84 /VDD-KHTH V/v góp ý dự thảo Nghị định Ban hành Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, Ngày 07 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Vụ Kế hoạch Tài chính – Bộ Y tế

Phúc đáp công văn số 195/KHTC ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Vụ Kế hoạch Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định Ban hành Quy định chi tết nội dung chế độ báo cáo thông kê cấp quốc gia. Sau khi rà soát và nghiên cứu nội dung của Dự thảo, Viện Dinh dưỡng xin gửi một số góp ý dự thảo cho Nghị định theo mẫu phụ lục đính kèm công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ KHĐT (phụ lục góp ý được đính kèm)

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, KHTH, GSDD.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN DINH DƯỠNG

Trần Thanh Dương

Biểu số: 003.N/BCB-YT
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo: Ngày 20 tháng 4 năm sau năm báo cáo

TỶ LỆ SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM DƯỚI 05 TUỔI

Năm…

Đơn vị báo cáo:
Bộ Y tế
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi		
		Thể nhẹ cân	Thể thấp còi	Thể gầy còm
A	B	1	2	3
Tổng số	**01**			
1. Chia theo giới tính				
- Nam	02			
- Nữ	03			
2. Chia theo dân tộc				
- Kinh	04			
- Khác	05			
3. Chia theo tháng tuổi				
0 -<6 tháng	06			
6 -<12 tháng	07			
12 - <24 tháng	08			
24 -<36 tháng	09			
36 -<48 tháng	10			
48 -<60 tháng	11			
4. Chia theo mức độ				
- Mức độ vừa	12			
- Mức độ nặng	13			
5. Chia theo thành thị/ nông thôn				
- Thành thị	14			
- Nông thôn	15			
- Nông thôn miền núi	16			
6. Chia theo địa phương				
6.1. Vùng đồng bằng sông Hồng	17			

	Mã số	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi		
		Thể nhẹ cân	Thể thấp còi	Thể gầy còm
A	B	1	2	3
(Mã 17 = Mã 18 + ... + Mã 28)				
Hà Nội	18			
Vĩnh Phúc	19			
Bắc Ninh	20			
Quảng Ninh	21			
Hải Dương	22			
Hải Phòng	23			
Hưng Yên	24			
Thái Bình	25			
Hà Nam	26			
Nam Định	27			
Ninh Bình	28			
6.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc (Mã 29 = Mã 30 + ... + Mã 43)	**29**			
Hà Giang	30			
Cao Bằng	31			
Bắc Kạn	32			
Tuyên Quang	33			
Lào Cai	34			
Yên Bái	35			
Thái Nguyên	36			
Lạng Sơn	37			
Bắc Giang	38			
Phú Thọ	39			
Điện Biên	40			
Lai Châu	41			
Sơn La	42			
Hòa Bình	43			

	Mã số	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi		
		Thể nhẹ cân	Thể thấp còi	Thể gầy còm
A	B	1	2	3
6.3. Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (Mã 44 = Mã 45 + ... + Mã 58)	**44**			
Thanh Hóa	45			
Nghệ An	46			
Hà Tĩnh	47			
Quảng Bình	48			
Quảng Trị	49			
Thừa Thiên Huế	50			
Đà Nẵng	51			
Quảng Nam	52			
Quảng Ngãi	53			
Bình Định	54			
Phú Yên	55			
Khánh Hòa	56			
Ninh Thuận	57			
Bình Thuận	58			
6.4. Vùng Tây Nguyên (Mã 59 = Mã 60 + ... + Mã 64)	**59**			
Kon Tum	60			
Gia Lai	61			
Đắk Lắk	62			
Đắk Nông	63			
Lâm Đồng	64			
6.5. Vùng Đông Nam Bộ (Mã 65 = Mã 66 + ... + Mã 71)	**65**			
Bình Phước	66			
Tây Ninh	67			
Bình Dương	68			
Đồng Nai	69			

	Mã số	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi		
		Thể nhẹ cân	Thể thấp còi	Thể gầy còm
A	B	1	2	3
Bà Rịa - Vũng Tàu	70			
TP. Hồ Chí Minh	71			
6.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long (Mã 72 = Mã 73+ ... + Mã 85)	**72**			
Long An	73			
Tiền Giang	74			
Bến Tre	75			
Trà Vinh	76			
Vĩnh Long	77			
Đồng Tháp	78			
An Giang	79			
Kiên Giang	80			
Cần Thơ	81			
Hậu Giang	82			
Sóc Trăng	83			
Bạc Liêu	84			
Cà Mau	85			

Ngày ... tháng... năm...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 003.N/BCB-YT: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi được tính bằng tổng số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (SDD) 1 trong 3 thể, hoặc nhẹ cân, thấp còi hay gầy còm tính trên tổng số trẻ dưới 5 tuổi được cân đo trên địa bàn (tỉnh/huyện/xã) tại thời điểm điều tra.

Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân được xác định bởi chỉ số cân nặng theo tuổi nhỏ hơn trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể chuẩn theo giới của Tổ chức Y tế Thế giới.

Suy dinh dưỡng thể thấp còi được xác định bởi chỉ số chiều cao theo tuổi nhỏ hơn trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể chuẩn theo giới của Tổ chức Y tế Thế giới.

Suy dinh dưỡng thể gày còm được xác định bởi chỉ số cân nặng theo chiều cao nhỏ hơn trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể chuẩn theo giới của Tổ chức Y tế Thế giới.

Theo các tiêu chuẩn của Quần thể tham khảo WHO 2006, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân, thấp còi và gầy còm được phân loại khi Zscore cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng (WAZ, HAZ, WHZ) ở ngưỡng như sau: :

Chỉ số Z-score cân nặng theo tuổi (WAZ):

Z-score < -3	SDD thể nhẹ cân mức độ nặng
-3 ≤ Z-score < -2	SDD thể nhẹ cân mức độ vừa
Z-score ≥ -2	Trẻ bình thường

Chỉ số Z-score chiều cao theo tuổi (HAZ):

Z-score < -3	SDD thể thấp còi mức độ nặng
-3 ≤ Z-score < -2	SDD thể thấp còi mức độ vừa
Z-score ≥ -2	Trẻ bình thường

Chỉ số Z-score cân nặng theo chiều cao (WHZ):

Z-score < -3	SDD thể gầy còm mức độ nặng
-3 ≤ Z-score < -2	SDD thể gầy còm mức độ vừa
-2 ≤ Z-score ≤ 1	Trẻ bình thường
1 < Z-score ≤ 2	Trẻ nguy cơ thừa cân
2 < Z-score ≤ 3	Trẻ thừa cân
Z-score > 3	Trẻ béo phì

Khái niệm suy dinh dưỡng theo nghĩa rộng cũng gồm cả tình trạng thừa dinh dưỡng bao gồm thừa cân, béo phì.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 05 tuổi được cân}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 05 tuổi được đo chiều cao}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể gầy còm (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể gầy còm}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 05 tuổi được cân và đo chiều cao}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị thừa cân, béo phì (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi bị thừa cân, béo phì}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 05 tuổi được cân và đo chiều cao}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 2: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu

Tổng hợp từ điều tra dinh dưỡng do Sở Y tế các tỉnh tiến hành hàng năm.

Tổng hợp từ điều tra vùng sinh thái do Viện Dinh dưỡng tiến hàng hàng năm.

Tổng hợp từ Tổng điều tra Toàn quốc do Viện Dinh dưỡng tiến hành 5 năm và 10 năm.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 479 /BVHTTDL-KHTC V/v góp ý dự thảo Nghị định về Chế độ báo cáo thống kê cấp QG	*Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia *(gọi tắt là dự thảo Nghị định)*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

Ngày 05/10/2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 3844/BVHTTDL-KHTC về việc góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Ngày 21/12/2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 5145/BVHTTDL-KHTC về việc góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (lần 2);

Tại dự thảo Nghị định lần này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất đối với nội dung của lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, dự thảo biểu mẫu về Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng *(để báo cáo)*;
- TT Tạ Quang Đông;
- Lưu: VT, Vụ KHTC, DT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Tạ Quang Đông

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /BNV-KHTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2024*
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê)

Ngày 17/01/2024, Bộ Nội vụ nhận được Công căn số 460/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia (Dự thảo), sau khi nghiên cứu, Bộ Nội vụ cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo, ngoài ra có một số ý kiến tham gia như sau:

1. Tại Phụ lục 1 – DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ của Dự thảo, phần danh mục biểu báo cáo do Bộ Nội vụ thực hiện, đề nghị đơn vị soạn thảo thống nhất 02 biểu: Biểu 004.5N/BCB-NV và Biểu 005.5N/BCB-NV thành 01 biểu với tên gọi "**Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập**".

Lý do: Biểu 005.5N/BCB-NV trùng với nội dung của Biểu 004.5N/BCB-NV của Dự thảo và 02 biểu báo cáo trên đều là kết quả từ Cuộc điều tra thống kê cơ sở hành chính, sự nghiệp do Bộ Nội vụ thực hiện.

2. Tại Dự thảo "Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ", Phần II: Một số khó khăn, vướng mắc, bất cập:

Về nội dung của Bộ Nội vụ (tại trang 18), đề nghị sửa thành *"Bộ Nội vụ: Phần mềm gửi báo cáo thống kê cấp quốc gia* ***do Tổng cục Thống kê chủ trì, tổng hợp*** *chưa hoàn thiện để áp dụng thống nhất"* hoặc bỏ nội dung khó khăn, vướng mắc, bất cập này đối với Bộ Nội vụ.

Bộ Nội vụ gửi Tổng cục Thống kê nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Trọng Thừa (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH

Nguyễn Thị Bích Thủy

TCTK

BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 1211/BTP-PLHSHC V/v cho ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024*

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 12307
Ngày: 13.3.2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (sau đây gọi là dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp có một số ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định

Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 07/8/2023 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2023 giao *Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn* (điểm c mục 2). Tại Nghị quyết giao xây dựng Nghị định theo thủ tục rút gọn nhưng đến nay cơ quan chủ trì soạn thảo mới gửi hồ sơ xin ý kiến. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ lý do để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Về dự thảo Nghị định

a) Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1 dự thảo Nghị định)

Phạm vi của dự thảo Nghị định điều chỉnh cả *thông tin thống kê phục vụ biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)* (Điều 1). Trong khi đó, Luật Thống kê quy định *Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia* (khoản 1 Điều 41) và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã quy định phạm vi điều chỉnh *nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP)* (khoản 1 Điều 1). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung mở rộng phạm vi điều chỉnh này để cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Về nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (Điều 3 dự thảo Nghị định)

Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định đơn vị báo cáo là *bộ, ngành được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê. Cơ quan trực*

thuộc bộ, ngành tổng hợp số liệu thuộc lĩnh vực bộ, ngành được giao quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 41 Luật Thống kê quy định cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê bao gồm *cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định đầy đủ để bảo đảm bao quát các đối tượng.

c) Liên quan trực tiếp đến Nghị định này, hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất, phù hợp của dự thảo Nghị định với Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cập nhật thông tin và nội dung của Nghị định này sau khi được ban hành để xây dựng nội dung dự thảo Nghị định.

3. Về dự thảo Danh mục biểu mẫu báo cáo (Phụ lục I)

Nội dung dự thảo Danh mục biểu mẫu báo cáo có liên quan đến chức năng của các Bộ như Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp chặt chẽ với các Bộ nghiên cứu, xác định nội dung để bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong việc sử dụng thuật ngữ chuyên ngành.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, tham khảo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Đặng Hoàng Oanh (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLHS-HC(2b).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PL HÌNH SỰ-HÀNH CHÍNH

Nguyễn Thị Hạnh

TCTK

BỘ CÔNG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 425 /BCA-VP	*Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024*
V/v TGYK dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 7304
Ngày: 15.02.2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 25/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; qua nghiên cứu, Bộ Công an nhất trí với các văn bản do Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự thảo.

Bộ Công an trao đổi để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VP(TTTTCH).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Trần Quốc Tỏ

Cơ quan: Bộ Quốc phòng
Thời gian ký: 06.02.2024 13:29:06 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 483 /BQP-KHĐT V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024*

HỎA TỐC

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Quốc phòng nhận được Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu kèm theo, Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất với các dự thảo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ sung một số nội dung chi tiết vào dự thảo gồm Phụ lục (Chi tiết như Phụ lục kèm theo).

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BTL BĐBP;
- C54;
- Lưu: VT, THBĐ. TVH05.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Vũ Hải Sản

Phụ lục

MẪU BIỂU BÁO CÁO THỐNG KÊ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Văn bản số 483 /BQP-KHĐT ngày 06 / 02/2024 của Bộ Quốc phòng)

1. Biểu số 001.T/BCB-QP (Sửa đổi tuyến cửa khẩu bộ thành ''Xuất, nhập cảnh **tuyến cửa khẩu biên giới đất liền** Việt Nam - Trung Quốc'')

	Tổng số
A. NHẬP CẢNH - Tổng số Chia theo quốc tịch - - **B. XUẤT CẢNH** - Tổng số Chia theo quốc tịch - -	

Phụ biểu: Nhân viên, phương tiện và người vùng biên xuất, nhập cảnh

	Người xuất, nhập cảnh vùng biên		Nhân viên, phương tiện	
	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh
A	1	2	3	4
Tổng số				
Việt Nam				
- Đi theo giấy thông hành				
- Khác				
Trung Quốc				
- Đi theo giấy thông hành				
- Khác				

2. Biểu số 003.T/BCB-QP

	Tổng số
A	1
A. NHẬP CẢNH - Tổng số Chia theo quốc tịch - - **B. XUẤT CẢNH** - Tổng số Chia theo quốc tịch - -	

Phụ biểu: Nhân viên, phương tiện và người vùng biên xuất, nhập cảnh

	Người xuất, nhập cảnh vùng biên		Nhân viên, phương tiện	
	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh
A	1	2	3	4
Tổng số				
Việt Nam				
- Đi theo giấy thông hành				
- Khác				
Lào				
- Đi theo giấy thông hành				
- Khác				

3. Biểu số 004.T/BCB-QP

	Tổng số
A. NHẬP CẢNH - Tổng số Chia theo quốc tịch - - **B. XUẤT CẢNH** - Tổng số Chia theo quốc tịch - -	

Phụ biểu: Nhân viên, phương tiện và người vùng biên xuất, nhập cảnh

	Người xuất, nhập cảnh vùng biên		Nhân viên, phương tiện	
	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh
A	1	2	3	4
Tổng số				
Việt Nam				
- Đi theo giấy thông hành				
- Khác				
Campuchia				
- Đi theo giấy thông hành				
- Khác				

4. Biểu số 005.T/BCB-QP

	Tổng số
A. NHẬP CẢNH - Tổng số Chia theo quốc tịch - - **B. XUẤT CẢNH** - Tổng số Chia theo quốc tịch - -	

Phụ biểu: Nhân viên, phương tiện xuất, nhập cảnh

	Nhân viên, phương tiện	
	Nhập cảnh	Xuất cảnh
A	1	2
Tổng số		
Chia theo quốc tịch		
-		
-		

Biểu số 001.T/BCB-QP: Xuất cảnh, nhập cảnh tuyến cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc

1. Khái niệm, phương pháp tính

Phần A - Nhập cảnh

Tổng số nhập cảnh: Là tổng số lượt người nhập cảnh vào Việt Nam qua tất cả các cửa khẩu **tuyến biên giới đất liền** Việt Nam - Trung Quốc trong kỳ báo cáo, bao gồm cả những người nhập cảnh theo hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu.

Chia theo quốc tịch: Phần này được ghi lần lượt tên các nước có công dân nhập cảnh vào Việt Nam trong kỳ báo cáo, có bao nhiêu quốc tịch khác nhau có người nhập cảnh Việt Nam trong kỳ sẽ ghi bấy nhiêu tên nước tương ứng vào phần này. Quốc tịch ở đây được quy định lấy theo quốc tịch hiện nay của người nhập cảnh đang mang, không lấy theo quốc tịch gốc của họ đối với những người có nhiều quốc tịch.

Phần B - Xuất cảnh

Tổng số xuất cảnh: Là toàn bộ số lượt người xuất cảnh qua các cửa khẩu thuộc biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong kỳ báo cáo, bao gồm cả những người xuất cảnh theo hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu. Riêng số người Việt Nam xuất cảnh được ghi vào một dòng trong mục này, nội dung cũng bao gồm những người xuất cảnh theo hộ chiếu, theo các giấy tờ có giá trị thay cho hộ chiếu.

2. Cách ghi biểu

- Cột B - Mã số: Cột này để ghi mã số các nước có công dân nhập cảnh Việt Nam trong kỳ. Mã số nước theo quy định trong danh mục các nước/lãnh thổ phân theo khu vực địa lý hiện hành.

- Cột 1 - Tổng số: Ghi tổng số lượt người xuất hoặc nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới của Việt Nam - Trung Quốc theo các mục đích xuất - nhập cảnh và theo các nội dung phân tổ ở cột A trong biểu. Số liệu để tổng hợp và ghi vào cột này căn cứ vào báo cáo thống kê định kỳ về người xuất nhập cảnh của các đồn biên phòng cửa khẩu **tuyến biên giới đất liền** Việt Nam - Trung Quốc theo quy định hiện hành của Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

Phụ biểu: Nhân viên, phương tiện và người vùng biên xuất nhập cảnh

Phụ biểu này nhằm mục đích thống kê riêng số lượt người xuất nhập cảnh vùng biên giới theo giấy thông hành, theo các giấy tờ có giá trị khác và thống kê số người xuất nhập cảnh là nhân viên điều khiển, sử dụng phương tiện và nhân viên phục vụ trên các phương tiện xuất nhập cảnh Việt Nam. Nguồn số liệu để tổng hợp và ghi vào biểu này là báo cáo thống kê định kỳ về phương tiện xuất nhập cảnh; thống kê người xuất nhập cảnh vùng biên giới của các Đồn biên phòng cửa khẩu **tuyến biên giới đất liền** Việt Nam - Trung Quốc theo quy định của Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng hiện hành.

- Cột A: Ghi các quốc tịch và hình thức thủ tục giấy tờ của những người xuất nhập cảnh trong kỳ.

- Cột 1, 2: Ghi số lượt nhân viên điều khiển, phục vụ phương tiện xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu **tuyến biên giới đất liền** Việt Nam - Trung Quốc trong kỳ báo cáo.

- Cột 3, 4: Ghi số lượt người là dân cư trong khu vực biên giới xuất nhập cảnh qua lại giữa hai nước (xuất nhập cảnh không dùng hộ chiếu) qua các cửa khẩu của **tuyến biên giới đất liền** Việt Nam - Trung Quốc trong kỳ báo cáo.

Biểu số 002.T/BCB-QP: Xuất cảnh, nhập cảnh tuyến đường sắt Việt Nam - Trung Quốc

Nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu để tổng hợp và ghi trong phụ biểu này là căn cứ vào báo cáo thống kê định kỳ về người, phương tiện xuất nhập cảnh theo tuyến đường sắt Việt Nam - Trung Quốc của các Đồn Biên phòng cửa khẩu đường sắt theo quy định hiện hành của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên

phòng (nội dung cụ thể xem Biểu số 001.T/BCB-QP).

Biểu số 003.T/BCB-QP: Xuất cảnh, nhập cảnh tuyến Việt Nam - Lào

Nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu để tổng hợp và ghi trong phụ biểu này là căn cứ vào báo cáo thống kê định kỳ về người, phương tiện xuất nhập cảnh theo tuyến đường bộ Việt Nam - Lào của các Đồn Biên phòng cửa khẩu **tuyến biên giới đất liền** Việt - Lào theo quy định hiện hành của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (nội dung cụ thể xem Biểu số 001.T/BCB-QP).

Biểu số 004.T/BCB-QP: Xuất cảnh, nhập cảnh tuyến Việt Nam - Campuchia

Nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu để tổng hợp và ghi trong phụ biểu này là căn cứ vào báo cáo thống kê định kỳ về người, phương tiện xuất nhập cảnh theo tuyến đường bộ Việt Nam - Campuchia của các Đồn biên phòng cửa khẩu **tuyến biên giới đất liền** Việt Nam - Campuchia theo qui định hiện hành của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (nội dung cụ thể xem Biểu số 001.T/BCB-QP).

Biểu số 005.T/BCB-QP: Xuất cảnh, nhập cảnh tuyến cảng biển (điều chỉnh) viết lại như sau:

Nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu để tổng hợp và ghi trong phụ biểu này là căn cứ vào báo cáo thống kê định kỳ về người, ***phương tiện xuất nhập cảnh theo tuyến cửa khẩu cảng của các đơn vị Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng theo quy định hiện hành của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (nội dung cụ thể xem Biểu số 001.T/BCB-QP)".***

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 484 /VKSTC-C2	*Hà Nội, ngày* 05 *tháng 02 năm 2024*

Vv góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Kính gửi: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
địa chỉ: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, TP. Hà Nội.

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK, ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc "Xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia". Sau khi nghiên cứu Viện kiểm sát nhân dân có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với các dự thảo gồm " Tờ trình Chính phủ; Nghị định và 02 phụ lục" và "Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP".

2. Theo Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện 02 chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm: "Số vụ án, số bị can đã khởi tố; Số vụ án, bị can đã truy tố" *(ký hiệu 001.H/BCB-VKSTC; 002.H/BCB-VKSTC)*, đây là những chỉ tiêu Viện kiểm sát nhân dân tối cao đang thực hiện, nên Viện kiểm sát tối cao nhất trí với dự thảo Phụ lục.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi Tổng cục Thống kê, Bộ kế hoạch và Đầu tư (Cục thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê) ý kiến góp ý dự thảo Nghị định để tổng hợp chung./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Lê Minh Trí – VT VKSNDTC (để b/cáo);
- Đ/c Nguyễn Huy Tiến–PVTTT, VKSNDTC (để b/cáo);
- Đ/c Cục trưởng Cục 2 (để b/cáo);
- Các Đ/C P.Cục trưởng Cục 2 (để biết);
- Lưu: VT, Cục 2.

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỘI PHẠM VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đỗ Nguyệt Quế

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 11/TANDTC-TH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Tổng cục Thống kê)

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

Trong năm 2022, Tòa án nhân dân tối cao đã có rất nhiều văn bản góp ý[1] với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc không thể triển khai, thu thập tiêu chí thống kê "tuổi ly hôn trung bình". Trung bình mỗi năm, Tòa án nhân dân các cấp đã giải quyết hơn 233.000 vụ, việc ly hôn (trong đó có gần 210.000 vụ án ly hôn), việc thống kê "tuổi ly hôn trung bình" hiện nay chưa thể thực hiện được trên hệ thống các chỉ tiêu thống kê.

Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Ban soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia loại bỏ Biểu 002.N/BCB-TANDTC - tuổi ly hôn trung bình khỏi trách nhiệm thu thập, cung cấp của Tòa án nhân dân tối cao.

Trên đây là ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ TH (TANDTC).

TL. CHÁNH ÁN
VỤ TRƯỞNG VỤ TỔNG HỢP

Phạm Công Tuyến

[1] **(1)** Công văn số 03/CV-TH ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân tối cao về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; **(2)** Công văn số 48a/TANDTC-TH ngày 15/3/2022 về việc góp ý dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; **(3)** Công văn số 186/TANDTC-TH ngày 23/9/2022 về việc góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; **(4)** Công văn số 238/TANDTC-TH ngày 21/11/2022 về việc góp ý kiến dự thảo Quyết định ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; **(5)** Công văn số 281/TANDTC-TH ngày 21/12/2022 về việc góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (lần 03).

30/1 Báo cáo Bí thư BCS đảng, Bộ trưởng VL
Tổng cục TK

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN TỔ CHỨC	
*	*Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024*
Số 6173-CV/BTCTW	
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 145
Ngày: 30.01.2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 251/BCSĐ
Ngày: 30/01/2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

CỤC TTDL VÀ ƯDCNCTT THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 5.6(5)
Ngày: 01/...
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 460-CV/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, sau khi nghiên cứu các dự thảo, Ban Tổ chức Trung ương có một số ý kiến như sau:

1. Nhận xét chung

Ban Tổ chức Trung ương cơ bản đồng tình, thống nhất với các dự thảo Báo cáo, Tờ trình và Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; trong đó, dự thảo Nghị định đã tiếp thu một số kiến nghị, đề xuất của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số 4343-CV/BTCTW ngày 08/11/2022*.

2. Một số ý kiến góp ý cụ thể

2.1. Về dự thảo Báo cáo và Tờ trình

Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc biên tập lại nội dung những bất cập, vướng mắc liên quan đến Ban Tổ chức Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện chế độ báo cáo thống kê quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ như sau: *"Một số chỉ tiêu thống kê trong Biểu số 001.K/BCB-TWĐ về số người tham gia cấp ủy cần cập nhật các chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Trung ương* ***về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng,...*** *"*

2.2. Về dự thảo Nghị định và phụ lục kèm theo

Ban Tổ chức Trung ương cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; đồng thời, đề nghị cân nhắc điều chỉnh thời gian gửi báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương trong phụ lục I như sau: *"Đầu nhiệm kỳ (sau 30 ngày công bố* ***danh sách*** *Ban Chấp hành Trung ương)"*.

---

* Công văn số 4343-CV/BTCTW ngày 08/11/2022 của Ban Tổ chức Trung ương gửi Tổng cục Thống kê về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Ban Tổ chức Trung ương, đề nghị các đồng chí tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu và hoàn thiện dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên,
- Các đồng chí Lãnh đạo Ban,
- Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- CVP và Phó CVP (p/trách tổng hợp),
- Lưu VP, TH.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC

Hoàng Đăng Quang

Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 18/03/2024 17:20:29 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2712/BTC-THTK Về việc TGYK đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, trên cơ sở ý kiến tham gia của Bộ Tài chính tại công văn số 11056/BTC-THTK ngày 26/10/2022, công văn số 1065/BTC-THTK ngày 07/2/2023 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) và phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ ngày 25/05/2023 đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo lấy ý kiến lần này như sau:

I. Ý kiến về Dự thảo Nghị định:

- Tại Dự thảo Tờ trình Chính phủ, mục 3. Một số thay đổi của Dự thảo Nghị định so với Nghị định số 60/2018/NĐ-CP về số lượng biểu báo cáo thống kê Bộ Tài chính sửa từ "báo cáo 26 biểu: Giảm 02 biểu" thành "báo cáo 26 biểu: giảm 01 biểu" vì tại Nghị định số 60/2018/NĐ-CP Bộ Tài chính báo cáo 27 biểu.

- Dự thảo Nghị định (khoản 9 Điều 3) đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ quy định "báo cáo điện tử phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu" do việc này không khả thi.

- Nguyên tắc cung cấp số liệu

Nguồn số liệu cung cấp là số liệu báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc số liệu đảm bảo độ tin cậy, có thể sử dụng để nghiên cứu, phân tích, phục vụ công tác quản lý, điều hành của các bộ, ngành và Chính phủ.

II. Ý kiến tham gia cụ thể

1. Đối với báo cáo thuộc lĩnh vực ngân sách, kho bạc

1.1. Kỳ báo cáo: Theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, hằng tháng, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan tình hình thực hiện NSNN của tháng và lũy kế đến tháng báo cáo. Vì vậy, Bộ Tài chính sẽ cung cấp số liệu NSNN theo kỳ tháng, 3 tháng (quý I), 6 tháng, 9 tháng, cả năm. Nội dung này đã được Bộ KHĐT tiếp thu tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị định, nhưng trong Phụ lục số 1 vẫn chưa điều chỉnh cho phù hợp.

1.2. Về ngày nhận báo cáo/thời điểm báo cáo: Các văn bản hướng dẫn Luật NSNN không quy định cụ thể ngày Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, nhưng trong thực tế, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện NSNN hằng tháng vào ngày 28-29 của tháng đó, trên cơ sở số liệu thực hiện 25 ngày của tháng để ước tính cho cả tháng. Bộ Tài chính cũng không thực hiện đánh giá lại, báo cáo kết quả thực hiện của tháng sau khi kết thúc tháng. Tuy nhiên, Bộ Tài chính có thể cung cấp số liệu thực hiện thu NSNN (theo lĩnh vực, theo sắc thuế) trên cơ sở khai thác thông tin từ hệ thống TABMIS. Đối với số liệu chi NSNN do phải tổng hợp từ nhiều nguồn khác ngoài hệ thống TABMIS nên không thể tổng hợp, cung cấp số liệu đánh giá lại theo yêu cầu của Bộ KHĐT.

Đối với báo cáo kết quả thực hiện NSNN cả năm được Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội tháng 10 của năm (số ước tính) và tháng 5 năm sau (số liệu sơ bộ). Do vậy, Bộ Tài chính chỉ có thể cung cấp số liệu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt (tháng 6 của năm sau).

Đề nghị Bộ KHĐT tiếp thu và điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị định và phụ lục đính kèm cho phù hợp.

1.3. Về hệ thống chỉ tiêu, biểu mẫu

- Bộ Tài chính thống nhất danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê, gồm 06 biểu:

001.H/BCB-TC. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước

002.H/BCB-TC. Thu NSNN theo sắc thuế

003.H/BCB-TC. Tình hình thực hiện chi NSNN; kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm.

004.N/BCB-TC. Tình hình cân đối NSNN; kỳ báo cáo: Năm.

005.N/BCB-TC. Thu NSNN và cơ cấu thu; kỳ báo cáo: Năm.

006.N/BCB-TC. Chi NSNN và cơ cấu chi; kỳ báo cáo: Năm.

- Đối với biểu mẫu báo cáo 007.N/BCB-TC. Chi thường xuyên NSNN theo lĩnh vực chi: đề nghị bỏ, không đưa vào danh mục biểu mẫu báo cáo quy định tại Nghị định này; Bộ Tài chính sẽ phối hợp cung cấp dữ liệu này theo yêu cầu đặc thù theo đề nghị của Bộ KHĐT - Nội dung này Bộ Tài chính đã có ý kiến tại các văn bản góp ý dự thảo Nghị định trước đây.

1.4. Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo (Phụ lục II dự thảo Nghị định)

a) Biểu 001.H/BCB-TC. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước; kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm và biểu 002.H/BCB-TC. Thu NSNN theo sắc thuế; kỳ báo cáo: Quý, năm.

Dự thảo Nghị định đề xuất báo cáo tình hình thực hiện thu NSNN định kỳ tháng, quý, năm; số liệu kỳ báo cáo và lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo. Trong đó, quy định các mốc thời gian nhận báo cáo, như: ngày 1 hàng tháng báo cáo số liệu tháng trước tháng báo cáo; ngày 1 tháng 4 báo cáo số liệu quý I năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo; ngày 1 tháng 7 báo cáo số liệu quý II năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo, thực hiện báo cáo số liệu quý I cập nhật năm báo cáo và năm trước năm báo cáo;...

Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Phạm vi và nguồn dữ liệu:

Dữ liệu thực hiện thu NSNN và thu NSNN theo sắc thuế là dữ liệu thực hiện đến hết tháng, quý, năm. Vì vậy, Bộ Tài chính sẽ thực hiện kết xuất dữ liệu thu NSNN từ hệ thống Tabmis và báo cáo theo quy định.

Số liệu kết xuất từ hệ thống Tabmis cơ bản theo thời gian thực, không có thay đổi so lần báo cáo trước, trừ số liệu NSNN cả năm (liên quan đến kỳ chỉnh lý quyết toán). Để đảm bảo tính thống nhất dữ liệu và giảm thủ tục hành chính (giảm tần suất báo cáo), đề nghị quy định cung cấp số liệu tháng, Quý I, 6 tháng, 9 tháng của năm hiện hành, không quy định việc cập nhật số liệu tháng, quý trước và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo.

- Về ngày nhận báo cáo: Dữ liệu thu được kết xuất từ hệ thống Tabmis, cần thời gian để tổng hợp số liệu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy đề nghị rà soát, sửa lại thời điểm báo cáo cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính khả thi, tính thống nhất dữ liệu và giảm thủ tục hành chính trong tổ chức triển khai, cụ thể:

Báo cáo tháng: trong vòng 05 ngày kể từ ngày kết thúc tháng.

Báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng: trong vòng 05 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Báo cáo thực hiện thu NSNN lũy kế đến 31/12: trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

Báo cáo năm: trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chính phủ trình Quốc hội (vào kỳ họp tháng 10 năm hiện hành – ước thực hiện lần 1 và kỳ họp tháng 5 năm sau – ước thực hiện lần 2).

Số liệu quyết toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN.

b) Biểu 003.H/BCB-TC. Tình hình thực hiện chi NSNN; kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm.

Dự thảo Nghị định đề xuất báo cáo tình hình thực hiện chi NSNN định kỳ tháng, quý, năm; số liệu kỳ báo cáo và lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo. Trong đó, quy định các mốc thời gian nhận báo cáo, như: ngày 1 hàng tháng báo cáo số liệu tháng trước tháng báo cáo; ngày 1 tháng 4 báo cáo số liệu quý I năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo; ngày 1 tháng 7 báo cáo số liệu quý II năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo, thực hiện báo cáo số liệu quý I cập nhật năm báo cáo và năm trước năm báo cáo;...

Trong đó, đề nghị chi thường xuyên chi tiết cho 9 lĩnh vực: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề; chi y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình; chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể; chi khoa học công nghệ; chi văn hóa thông tin; chi phát thanh, truyền hình, thông tấn; chi thể dục thể thao; chi bảo vệ môi trường; chi bảo đảm xã hội

Ý kiến của Bộ Tài chính

- Phạm vi và nguồn dữ liệu:

Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật có quy định chế độ báo cáo chi NSNN theo các khoản chi chủ yếu (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ); trong đó chi thường xuyên chi tiết cho 13 lĩnh vực. Thực tế, các báo cáo Bộ Tài chính, Chính phủ trình cấp có thẩm quyền liên quan đến dự toán, chấp hành, quyết toán NSNN chi có số liệu chi tiết chi thường xuyên cho 2 lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ; không chi tiết theo 9 lĩnh vực chi như tại dự thảo Nghị định.

Hệ thống Tabmis cũng còn nhiều hạn chế trong tổng hợp số liệu chi NSNN; vì vậy, để tổng hợp số chi NSNN báo cáo cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính phải sàng lọc, rà soát, xử lý dữ liệu từ các nguồn: hệ thống Tabmis, báo cáo của các Vụ chuyên ngành, không sử dụng duy nhất nguồn dữ liệu từ hệ thống Tabmis.

Do đó, trước mắt, Bộ Tài chính sẽ cung cấp số liệu chi NSNN tháng, quý, năm là số liệu đã báo cáo cấp có thẩm quyền. Sau này, khi sửa Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật, nâng cấp hệ thống Tabmis, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, sửa đổi chế độ báo cáo để có thể đáp ứng yêu cầu cung cấp về dữ liệu chi NSNN theo thời gian thực.

Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng không thực hiện đánh giá lại, báo cáo kết quả thực hiện chi NSNN của tháng, quý sau khi kết thúc tháng, quý. Vì vậy, đề nghị bỏ quy định thực hiện báo cáo số liệu tháng, quý cập nhật lại và số liệu tháng, quý cùng kỳ năm trước.

- Ngày nộp báo cáo: đề nghị điều chỉnh thời gian báo cáo phù hợp với thời gian Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền và cùng thời điểm báo cáo

định kỳ tháng, quý, năm tại biểu 001.H/BCB-TC. Tình hình thực hiện thu NSNN nêu trên hoặc Bộ Kế hoạch và đầu tư chủ động khai thác từ tài liệu Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và gửi các cơ quan.

c) Các biểu 004.N/BCB-TC. Tình hình cân đối NSNN, biểu 005.N/BCB-TC. Thu NSNN và cơ cấu thu và biểu 006.N/BCB-TC. Chi NSNN và cơ cấu chi; kỳ báo cáo: Năm.

Ý kiến của Bộ Tài chính:

- Phạm vi số liệu: gồm ước thực hiện (lần 1, lần 2) và số quyết toán

Đối với biểu 006.N/BCB-TC. Chi NSNN và cơ cấu chi: Phân tổ dữ liệu chi NSNN theo các khoản chi chủ yếu (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ); trong đó chi thường xuyên chi tiết cho 02 lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề và chi khoa học công nghệ.

- Ngày nộp báo cáo: cùng thời điểm báo cáo định kỳ năm tại biểu 001.H/BCB-TC. Tình hình thực hiện thu NSNN nêu trên.

2. Đối với báo cáo thuộc lĩnh vực Chứng khoán

Tại biểu mẫu số 013.H/BCB-TC. Tình hình thị trường cổ phiếu và biểu số 014.N/BCB-TC. Tình hình thị trường trái phiếu, Bộ Tài chính đề nghị Tổng cục Thống kê đưa các cột dữ liệu "Tỷ lệ vốn hóa thị trường cổ phiếu so với Tổng sản phẩm trong nước (%)" và so với "GDP (%)" ra khỏi biểu mẫu báo cáo, vì chỉ tiêu "giá trị tổng sản phẩm trong nước" không thuộc phạm vi thống kê của Bộ Tài chính, đây là chỉ tiêu do Tổng cục Thống kê thu thập và tổng hợp.

3. Đối với báo cáo thuộc lĩnh vực xuất nhập khẩu

Bộ Tài chính đã có ý kiến tại Phiếu ghi ý kiến thành viên Chính phủ ngày 25/5/2023 gửi Văn phòng Chính phủ, trong đó có 09 ý kiến về lĩnh vực xuất nhập khẩu, có 02 ý kiến đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu; 07 ý kiến không được cơ quan soạn thảo tiếp thu nên Bộ Tài chính tiếp tục có ý kiến như sau:

(1) Đối với nội dung quy định về "*Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu được tính theo loại giá FOB hoặc tương đương đối với hàng hóa xuất khẩu và loại giá CIF hoặc tương đương đối với hàng hóa nhập khẩu theo văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê*": *Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định nội dung này dưới mỗi biểu mẫu* ***mà quy định tại nội dung về phương pháp luận*** *và xem xét lại các vấn đề sau:*

+ Về góc độ pháp luật: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại thẩm quyền hướng dẫn là cấp Bộ hay cấp Tổng cục hướng dẫn;

+ Về góc độ thực thi: để Bộ Tài chính (TCHQ)thực hiện được quy định trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo ban hành các danh mục và hướng dẫn sau:

(i) Danh mục các điều kiện giao hàng tương đương với FOB;

(ii) Danh mục các điều kiện giao hàng tương đương với CIF;

(iii) Công thức quy đổi về điều kiện FOB, CIF đối với các điều kiện giao hàng còn lại.

Các danh mục và hướng dẫn này phải được đưa cùng với dự thảo Nghị định để Bộ Tài chính (TCHQ) đóng góp ý kiến. Trong trường hợp chưa có các danh mục và hướng dẫn thì cần quy định điều khoản chuyển tiếp là Bộ Tài chính (TCHQ) sẽ cung cấp dữ liệu chưa quy đổi."

Cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu, không ban hành danh mục và hướng dẫn thống kê hàng hóa xuất khẩu theo giá loại FOB và tương đương, nhập khẩu theo giá loại CIF và tương đương và không đưa ra giải trình, làm rõ việc không tiếp thu.

Bộ Tài chính (TCHQ) đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa lại nội dung quy định về trị giá thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại mục c, phần 1- Khái niệm và phương pháp tính như sau:

"*Trị giá thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:*

- Đối với hàng hóa phải nộp thuế xuất khẩu hoặc nhập khẩu và các loại thuế liên quan trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thì trị giá thống kê là trị giá tính thuế của hàng hóa.

- Đối với hàng hóa không phải nộp thuế xuất khẩu hoặc nhập khẩu và các loại thuế liên quan trong quá trình làm thu tục xuất khẩu, nhập khẩu thì trị giá thống kê là trị giá khai báo của hàng hóa được cơ quan hải quan chấp nhận.

- Trị giá thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tính bằng Đô la Mỹ (USD). Cơ quan hải quan căn cứ vào quy định hiện hành về tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để quy đổi các ngoại tệ về đồng Đô la Mỹ".

Bên cạnh đó, tại phần "*Xác định trị giá thống kê trong những trường hợp đặc thù*", **bỏ phần gạch đầu dòng số 10 quy định về** "*Hàng hóa kèm dịch vụ: Trị giá thống kê xác định theo giá FOB và tương đương (đối với hàng hóa xuất khẩu), giá CIF và tương đương (đối với hàng nhập khẩu) của hàng hóa và loại trừ các phí dịch vụ*".

Lý do: Hiện nay có rất nhiều điều kiện giao hàng khác nhau, không có văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn nào xác định các điều kiện tương đương và công thức quy đổi. Cơ quan Thống kê Trung ương không hướng dẫn. Bên cạnh đó với lưu lượng dữ liệu ngày càng lớn, Bộ Tài chính (TCHQ) không có đầy đủ các nguồn lực và căn cứ để thực hiện.

(2) Đối với ý kiến: "*Để thực hiện thống kê theo Biểu số 022.T/BCB-TC – Xuất khẩu sang một số nước/vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu và Biểu số 023.T/BCB-TC – Nhập khẩu từ một số nước/vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung vào Nghị định các danh mục*

sau, đồng thời bổ sung quy định "Cơ quan có thẩm quyền cập nhật, bổ sung các danh mục này trong trường hợp có sự thay đổi":

+ Danh mục các nước/vùng lãnh thổ chủ yếu;

+ Danh mục các nước/vùng lãnh thổ thành viên EU;

+ Danh mục các nước thành viên ASEAN;

+ Danh mục các nước/vùng lãnh thổ có ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với Việt Nam."

Cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu ý kiến trên, không đưa ra giải trình, làm rõ việc không tiếp thu. Bộ Tài chính bảo lưu ý kiến và đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu.

(3) Đối với ý kiến: "*tại Điều 4 quy định về "Hiệu lực thi hành" đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét quy định lại về thời hạn hiệu lực thi hành của Nghị định là sau 90 ngày kể từ ngày ký" để Bộ Tài chính (TCHQ) có thêm thời gian chuẩn bị.*"

Cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu, vẫn để trống thời hạn có hiệu lực. Cụ thể, tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định vẫn đang để quy định "*1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ....tháng...năm 2024.*"

Bộ Tài chính bảo lưu ý kiến này vì đề xuất của Bộ Tài chính đúng với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 151) và Bộ Tài chính (TCHQ) cần có thời gian chuẩn bị. Theo đó, thời điểm hiệu lực đề nghị tối thiểu sau 90 ngày kể từ ngày ký và thời hạn này phải được nêu rõ trong Tờ trình Chính phủ."

(4) Đối với ý kiến: "*Bộ Tài chính đề xuất tại Phụ lục I-Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê kèm Nghị định bổ sung thêm cột "Phương thức gửi báo cáo", trong đó đối với các biểu mẫu của Bộ Tài chính (TCHQ) đề nghị nêu rõ phương thức gửi báo cáo là phương thức điện tử.*"

Cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu ý kiến trên, không đưa ra giải trình, làm rõ việc không tiếp thu.

Bộ Tài chính bảo lưu ý kiến này vì từ trước đến nay Bộ Tài chính (TCHQ) đều gửi báo cáo theo phương thức điện tử. Bên cạnh đó, tại Điều 9 của Dự thảo Nghị định quy định các bộ, ngành được chọn gửi báo cáo thống kê bằng văn bản (bản giấy) hoặc báo cáo điện tử (được ký số). Bộ Tài chính (TCHQ) chọn báo cáo theo phương thức điện tử.

(5) Đối với ý kiến: "*Các nội dung về "Người lập biểu, người kiểm tra biểu, thủ trưởng đơn vị, ký, họ tên, đóng dấu" có trên các biểu mẫu của Bộ Tài chính (TCHQ): đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ các nội dung này do có những biểu mẫu như 024.H/BCB-TC, 025.H/BCB-TC có dữ liệu lớn, không phù hợp với báo cáo giấy mà báo cáo bằng dữ liệu điện tử nên sẽ không thể hiện được các nội dung về họ tên, ký, đóng dấu. Do vậy, để đồng nhất 12 biểu mẫu, Bộ Tài*

chính (TCHQ) đề xuất bỏ các nội dung này. Từ trước đến nay, Bộ Tài chính (TCHQ) đều đang thực hiện báo cáo theo phương thức điện tử.

Đối với biểu mẫu số 025.H/BCB-TC và 026.H/BCB-TC: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ quy định "Đối với báo cáo bằng file dữ liệu gửi báo cáo bằng file dữ liệu kèm theo Công văn" do Bộ Tài chính (TCHQ) gửi báo cáo theo phương thức điện tử."

Cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu, không đưa ra giải trình, làm rõ việc không tiếp thu.

Bộ Tài chính (TCHQ) bảo lưu ý kiến này vì từ trước đến nay Bộ Tài chính (TCHQ) đều gửi báo cáo theo phương thức điện tử. Bên cạnh đó, tại Điều 9 của Dự thảo Nghị định quy định các bộ, ngành được chọn gửi báo cáo thống kê bằng văn bản (bản giấy) hoặc báo cáo điện tử. Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị hoặc báo cáo điện tử (được ký số). Bộ Tài chính (TCHQ) chọn báo cáo theo phương thức điện tử, không chọn báo cáo theo bản giấy nên đề nghị bỏ các nội dung về người lập biểu, người kiểm tra biểu, thủ trưởng đơn vị, ký, họ tên, đóng dấu trên tất cả các biểu mẫu của Bộ Tài chính (TCHQ).

(6) Đối với ý kiến về cách ghi biểu của biểu số 024.H/BCB-TC-Xuất khẩu hàng hóa và 025.H/BCB-TC-Nhập khẩu hàng hóa theo quý/năm đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại hướng dẫn ghi cột C như sau: Đơn vị tính ghi "Đơn vị tính thống kê". Cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu.

Bộ Tài chính (TCHQ) bảo lưu ý kiến này do thực tế có việc một mã hàng được doanh nghiệp khai với nhiều đơn vị tính khác nhau nên Bộ Tài chính (TCHQ) sẽ tổng hợp báo cáo theo đơn vị tính thống kê-là đơn vị tính lượng quy đổi sử dụng trong các biểu mẫu thống kê. Nội dung này cũng đã được quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ.

(7) Đối với với ý kiến về "*biểu mẫu số 008.Q/BCB-TC: Bộ Tài chính - Tổng cục Hải quan (Cục Thuế xuất nhập khẩu) thực hiện theo dõi số thu từ thuế xuất nhập khẩu theo Cục Hải quan tỉnh, thành phố (nơi doanh nghiệp mở tờ khai và thực hiện nộp thuế) theo từng tháng. Trong trường hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu số liệu thu ngân sách nhà nước theo kỳ báo cáo nêu tại Biểu số 008.Q/BCB-TC, số liệu có thể được chiết suất từ nguồn dữ liệu TABMIS (hệ thống Kho thu chi NSNN).*

Bên cạnh đó, Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có báo định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về số thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu (Biểu số 01/TKQG – Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn kèm Nghị định 94/2022/NĐ-CP).

Do vậy Bộ Tài chính đề xuất loại bỏ biểu mẫu này để tránh trùng lặp, tạo gánh nặng báo cáo."

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính có ý kiến tiếp đối với các nội dung mới phát sinh trong dự thảo Nghị định lần này như sau:

(8) Đối với các biểu mẫu số 015.K/BCB-TC-Xuất khẩu hàng hóa theo kỳ và 016.K/BCB-TC-Nhập khẩu hàng hóa theo kỳ: đề nghị không bổ sung kỳ tháng, không bổ sung phụ lục biểu kỳ tháng. Thay vào đó các biểu mẫu 015.K/BCB-TC-Xuất khẩu hàng hóa theo kỳ, 016.K/BCB-TC-Nhập khẩu hàng hóa theo kỳ, 017.T/BCB-TC-Xuất khẩu hàng hóa theo tháng, 018.T/BCB-TC-Nhập khẩu hàng hóa theo tháng sửa lại "Ngày nhận báo cáo: 03 ngày làm việc sau kỳ báo cáo".

(9) Bổ sung thêm vào "Danh mục nhóm/mặt hàng chủ yếu" các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu, cụ thể như sau:

- Đối với xuất khẩu:

+ Bổ sung 04 nhóm/mặt hàng xuất khẩu có trị giá lớn được tách từ nhóm "Hàng hóa khác", gồm:

TT	Nhóm/mặt hàng xuất khẩu bổ sung:	Trị giá xuất khẩu (Triệu USD)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chế phẩm thực phẩm khác	536	507
2	Dầu mỡ động thực vật	728	619
3	Sản phẩm dệt đã hoàn thiện khác	1.462	1.281
4	Hàng điện gia dụng và linh kiện	2.207	2.708

+ Tách nhóm hàng "*Kim loại thường khác và sản phẩm*" thành 2 nhóm hàng là "*Kim loại thường khác (trong đó có thống kê riêng mặt hàng "đồng")* và "*Sản phẩm từ kim loại thường khác*".

STT	Nhóm/mặt hàng xuất khẩu tách:	Trị giá xuất khẩu (Triệu USD)	
		Năm 2022	Năm 2023
5	Kim loại thường khác:	1.897	1.569
	- Đồng	534	578
6	Sản phẩm từ kim loại thường khác	2.636	2.448

- Đối với nhập khẩu:

Bổ sung 03 nhóm/mặt hàng nhập khẩu có trị giá lớn được tách từ nhóm "Hàng hóa khác", gồm:

STT	Nhóm/mặt hàng nhập khẩu bổ sung:	Trị giá nhập khẩu (Triệu USD)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Thịt và các sản phẩm từ thịt	2.208	2.119
2	Sắn và sản phẩm từ sắn:	1.176	809
	- Sắn	1.176	808

3	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	446	356

Lý do bổ sung:

- Đây là các nhóm hàng có trị giá lớn. Nhiều nhóm hàng xuất khẩu bổ sung đã được thống kê ở biểu nhập khẩu và ngược lại. Vì thế, việc bổ sung các mặt hàng này tạo sự tương đồng về mặt hàng ở cả biểu xuất khẩu và nhập khẩu.

- Việc bổ sung thêm các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có trị giá lớn giúp tạo thuận lợi cho việc theo dõi, phân tích, hoạch định chính sách của các cấp lãnh đạo, các cơ quan quản lý nhà nước;

- Không phát sinh nhiều công việc do việc thống kê này phần lớn được thực hiện tự động trên hệ thống.

(10) Đối với biểu mẫu số 017.T/BCB-TC-Xuất khẩu hàng hóa theo tháng đề nghị sửa lại tên hàng "25. Gỗ và sản phẩm gỗ" thành "Gỗ và sản phẩm gỗ".

(11) Tại các biểu mẫu đề nghị bổ sung dấu ngoặc đơn vào dòng ký hiệu các cột. Ví dụ (A), (1), (2),...

(12) Đối với biểu mẫu số 021.T/BCB-TC-Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu chia theo địa phương: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sắp xếp tên các tỉnh, thành phố theo thứ tự alphabet để người sử dụng tiện tra cứu và tránh gánh nặng phải sửa lại hệ thống báo cáo hiện nay đang thực hiện.

(13) Đối với biểu mẫu số 026.H/BCB-TC- Hàng hóa tái xuất khẩu: sửa lại ngày nhận báo cáo là "*15 ngày sau kỳ báo cáo quý*", bỏ "*ngày nhận báo cáo năm*" do báo cáo số liệu của quý IV hàng năm đã bao gồm số liệu lũy kế của cả năm.

(14) Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa lại nội dung quy định về "*Phương tiện lưu giữ thông tin, hình ảnh*" tại điểm 11-Các hàng hóa đặc thù thuộc mục b1, phần 1-Khái niệm và phương pháp tính như sau:

"*- Phương tiện lưu giữ thông tin, hình ảnh: Băng từ, đĩa từ, CD-ROM, thẻ thông minh,... đã hoặc chưa ghi âm, hình, dữ liệu, trò chơi điện tử, phần mềm,..., được sản xuất để dùng chung cho mọi khách hàng hoặc để mua/bán thông thường (trừ các loại được sản xuất theo yêu cầu riêng của khách hàng hoặc bản gốc phim ảnh, tác phẩm nghệ thuật, chương trình truyền hình, chương trình biểu diễn nghệ thuật,...);*"

(15) Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa lại nội dung quy định về "*Phương tiện trung gian dùng để chứa thông tin, hình ảnh, chứa phần mềm được sản xuất theo yêu cầu hoặc đơn đặt hàng riêng*" tại điểm 6-Các hàng hóa đặc thù thuộc mục b2, phần 1-Khái niệm và phương pháp tính như sau:

"*Phương tiện lưu giữ thông tin, hình ảnh, chứa phần mềm được sản xuất theo yêu cầu hoặc đơn đặt hàng riêng; bản gốc phim ảnh, tác phẩm nghệ thuật, chương trình truyền hình, chương trình biểu diễn nghệ thuật,...*"

(16) Đối với nội dung quy định tại mục "2.Cách ghi biểu": đề nghị sửa nội dung:*"Biểu số 015.K/BCB-TC: Xuất khẩu hàng hóa (kỳ 15 ngày, kỳ tháng);Biểu số 016.K/BCB-TC: Nhập khẩu hàng hóa (kỳ 15 ngày, kỳ tháng)"* thành: *"Biểu số 015.K/BCB-TC:Xuất khẩu hàng hóa (kỳ 15 ngày);Biểu số 016.K/BCB-TC:Nhập khẩu hàng hóa (kỳ 15 ngày)."*

Tất cả các nội dung góp ý đối với các biểu mẫu và phương pháp luận thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nêu trên được chi tiết như trong phụ lục đính kèm.

4. Ý kiến khác

Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tài chính có ý kiến tham gia (02 lần) họp cấp kỹ thuật (01 lần) và ý kiến tham gia của thành viên Chính phủ (01 lần). Để đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện, Bộ Tài chính kiến nghị Bộ Kế hoạch & Đầu tư nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, nếu chưa đồng ý với các góp ý nêu trên thì đề nghị tiếp tục trao đổi, làm rõ việc không tiếp thu trước khi ban hành.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- NSNN, QLBH, QLN, KBNN,
- TCNH, UBCK, TCHQ;.
- Lưu: VT, THTK (4 bản).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ TÀI CHÍNH
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Minh Ngọc

Phụ lục

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN THỐNG KÊ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

(Kèm theo Công văn số: 2712 /BTC-THTK ngày 18 /03/2024 của Bộ Tài chính)

Biểu số: 015.K/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../...../2024
Ngày nhận báo cáo: 03 ngày làm việc sau kỳ báo cáo.

XUẤT KHẨU HÀNG HÓA

Kỳ ... tháng … năm …
(Từ ngày ... đến ngày .... tháng … năm …)

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

STT		Đơn vị tính	Kỳ báo cáo		Lũy kế đến hết kỳ báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng trị giá	USD	x		x	
	Trong đó: Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	USD	x		x	
	Nhóm/Mặt hàng chủ yếu (*)					
1	Hàng thủy sản	USD	x		x	
2	Hàng rau quả	"	x		x	
3	Hạt điều	Tấn				
4	Cà phê	"				
5	Chè	"				
6	Hạt tiêu	"				
7	Gạo	"				
8	Sắn và các sản phẩm từ sắn:	"				
	- Sắn	"				
9	Dầu mỡ động thực vật	USD	x		x	
10	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	x		x	
11	Chế phẩm thực phẩm khác	"	x		x	
12	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	"	x		x	

STT		Đơn vị tính	Kỳ báo cáo		Lũy kế đến hết kỳ báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
13	Quặng và khoáng sản khác	Tấn				
14	Clanhke và xi măng	"				
15	Than các loại	"				
16	Dầu thô	"				
17	Xăng dầu các loại	"				
18	Hóa chất	USD	x		x	
19	Sản phẩm hóa chất	"	x		x	
20	Phân bón các loại	Tấn				
21	Chất dẻo nguyên liệu	"				
22	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	x		x	
23	Cao su	Tấn				
24	Sản phẩm từ cao su	USD	x		x	
25	Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	"	x		x	
26	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	"	x		x	
27	Gỗ và sản phẩm gỗ:	"	x		x	
	- Sản phẩm gỗ	"	x		x	
28	Giấy và các sản phẩm từ giấy	"	x		x	
29	Xơ, sợi dệt các loại	Tấn				
30	Hàng dệt, may:	USD	x		x	
	- Vải các loại	"	x		x	
31	Vải mành, vải kỹ thuật khác	"	x		x	
32	Sản phẩm dệt đã hoàn thiện khác	"	x		x	
33	Giày dép các loại	"	x		x	
34	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	"	x		x	
35	Sản phẩm gốm, sứ	"	x		x	
36	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy	"	x		x	

STT		Đơn vị tính	Kỳ báo cáo		Lũy kế đến hết kỳ báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
	tinh					
37	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	"	x		x	
38	Sắt thép các loại	Tấn				
39	Sản phẩm từ sắt thép	USD	x		x	
40	Kim loại thường khác:	Tấn				
	- Đồng	"				
41	Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD				
42	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	"	x		x	
43	Hàng điện gia dụng và linh kiện	"	x		x	
44	Điện thoại các loại và linh kiện	"	x		x	
45	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	"	x		x	
46	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	"	x		x	
47	Dây điện và dây cáp điện	"	x		x	
48	Phương tiện vận tải và phụ tùng:	"	x		x	
	- Tàu thuyền các loại	"	x		x	
	- Phụ tùng ô tô	"	x		x	
49	Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	"	x		x	
50	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	"	x		x	
51	Hàng hóa khác	"	x		x	

Ghi chú: (*) Danh mục mặt hàng chu yếu được sửa đổi hoặc cập nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê.

Biểu số: 016.K/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày .../.../2024
Ngày nhận báo cáo: 03 ngày làm việc sau kỳ báo cáo.

NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

Kỳ ... tháng ... năm ...
(Từ ngày ... đến ngày .... tháng ... năm ...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

STT		Đơn vị tính	Kỳ báo cáo		Lũy kế đến hết kỳ báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng trị giá	USD	x		x	
	Trong đó: Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	USD	x		x	
	Nhóm/Mặt hàng chủ yếu (*)					
1	Thịt và các sản phẩm từ thịt	USD	x		x	
2	Hàng thủy sản	"	x		x	
3	Sữa và sản phẩm sữa	"	x		x	
4	Hàng rau quả	"	x		x	
5	Hạt điều	Tấn				
6	Sắn và sản phẩm từ sắn:	"				
	- Sắn	"				
7	Lúa mì	"				
8	Ngô	"				
9	Đậu tương	"				
10	Dầu mỡ động thực vật	USD	x		x	
11	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	x		x	
12	Chế phẩm thực phẩm khác	"	x		x	
13	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	"	x		x	
14	Nguyên phụ liệu thuốc lá	"	x		x	
15	Quặng và khoáng sản khác	Tấn				
16	Than các loại	"				
17	Dầu thô	"				
18	Xăng dầu các loại:	"				

STT		Đơn vị tính	Kỳ báo cáo		Lũy kế đến hết kỳ báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
	- Xăng	"				
	- Diesel	"				
	- Mazut	"				
	- Nhiên liệu bay	"				
19	Khí đốt hóa lỏng	"				
20	Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD	x		x	
21	Hóa chất	"	x		x	
22	Sản phẩm hóa chất	"	x		x	
23	Nguyên phụ liệu dược phẩm	"	x		x	
24	Dược phẩm	"	x		x	
25	Phân bón các loại:	Tấn				
	- Phân Ure	"				
	- Phân NPK	"				
	- Phân DAP	"				
	- Phân SA	"				
	- Phân Kali	"				
26	Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD	x		x	
27	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	"	x		x	
28	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn				
29	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	x		x	
30	Cao su	Tấn				
31	Sản phẩm từ cao su	USD	x		x	
32	Gỗ và sản phẩm gỗ	"	x		x	
33	Giấy các loại	Tấn				
34	Sản phẩm từ giấy	USD	x		x	
35	Bông các loại	Tấn				
36	Xơ, sợi dệt các loại	"				
37	Vải các loại	USD	x		x	

STT		Đơn vị tính	Kỳ báo cáo		Lũy kế đến hết kỳ báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
38	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	"	x		x	
39	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	"	x		x	
40	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	"	x		x	
41	Phế liệu sắt thép	Tấn				
42	Sắt thép các loại:	"				
	- Phôi thép	"				
43	Sản phẩm từ sắt thép	USD	x		x	
44	Kim loại thường khác:	Tấn				
	- Đồng	"				
45	Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD	x		x	
46	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	"	x		x	
47	Hàng điện gia dụng và linh kiện	"	x		x	
48	Điện thoại các loại và linh kiện	"	x		x	
49	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	"	x		x	
50	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	"	x		x	
51	Dây điện và dây cáp điện	"	x		x	
52	Ô tô nguyên chiếc các loại:	Chiếc				
	- Ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	"				
	- Ô tô trên 9 chỗ ngồi	"				
	- Ô tô vận tải	"				
53	Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD	x		x	
54	Xe máy và linh kiện, phụ tùng	"	x		x	
55	Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	"	x		x	
56	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	"	x		x	
57	Hàng hóa khác	"	x		x	

Ghi chú: (*) Danh mục mặt hàng chủ yếu được sửa đổi hoặc cập nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê

Biểu số: 017.T/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo: 03 ngày làm việc sau tháng báo cáo.

XUẤT KHẨU HÀNG HÓA

Tháng …

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

STT		Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng trị giá	USD	x		x	
	Trong đó: Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	USD	x		x	
	Nhóm/Mặt hàng chủ yếu (*)					
1	Hàng thủy sản	USD	x		x	
2	Hàng rau quả	"	x		x	
3	Hạt điều	Tấn				
4	Cà phê	"				
5	Chè	"				
6	Hạt tiêu	"				
7	Gạo	"				
8	Sắn và các sản phẩm từ sắn	"				
	- Sắn	"				
9	Dầu mỡ động thực vật	USD	x		x	
10	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	x		x	
11	Chế phẩm thực phẩm khác		x		x	
12	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	"	x		x	
13	Quặng và khoáng sản khác	Tấn				
14	Clanhke và xi măng	"				
15	Than các loại	"				
16	Dầu thô	"				

STT		Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
17	Xăng dầu các loại	"				
18	Hóa chất	USD	x		x	
19	Sản phẩm hóa chất	"	x		x	
20	Phân bón các loại	Tấn				
21	Chất dẻo nguyên liệu	"				
22	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	x		x	
23	Cao su	Tấn				
24	Sản phẩm từ cao su	USD	x		x	
25	Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	"	x		x	
26	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	"	x		x	
27	Gỗ và sản phẩm gỗ:	"	x		x	
	- Sản phẩm gỗ	"	x		x	
28	Giấy và các sản phẩm từ giấy	"	x		x	
29	Xơ, sợi dệt các loại	Tấn				
30	Hàng dệt, may:	USD	x		x	
	- Vải các loại	"	x		x	
31	Vải mành, vải kỹ thuật khác	"	x		x	
32	Sản phẩm dệt đã hoàn thiện khác	"	x		x	
33	Giày dép các loại	"	x		x	
34	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	"	x		x	
35	Sản phẩm gốm, sứ	"	x		x	
36	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	"	x		x	
37	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	"	x		x	
38	Sắt thép các loại	Tấn				
39	Sản phẩm từ sắt thép	USD	x		x	

STT		Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
40	Kim loại thường khác	Tấn				
	- Đồng	"				
41	Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD	x		x	
42	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	"	x		x	
43	Hàng điện gia dụng và linh kiện	"	x		x	
44	Điện thoại các loại và linh kiện	"	x		x	
45	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	"	x		x	
46	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	"	x		x	
47	Dây điện và dây cáp điện	"	x		x	
48	Phương tiện vận tải và phụ tùng	"	x		x	
49	Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	"	x		x	
50	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	"	x		x	
51	Hàng hóa khác	"	x		x	

Ghi chú: (*) Danh mục mặt hàng chủ yếu được sửa đổi hoặc cập nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê.

Biểu số: 018.T/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo: 03 ngày làm việc sau tháng báo cáo.

NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

Tháng …

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

STT	Mặt hàng chủ yếu	Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng trị giá	USD	x		x	
	Trong đó: Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	USD	x		x	
	Nhóm/Mặt hàng chủ yếu (*)					
1	Thịt và các sản phẩm từ thịt	USD	x		x	
2	Hàng thủy sản	"	x		x	
3	Sữa và sản phẩm sữa	"	x		x	
4	Hàng rau quả	"	x		x	
5	Hạt điều	Tấn				
6	Sắn và sản phẩm từ sắn:	"				
	- Sắn	"				
7	Lúa mì	"				
8	Ngô	"				
9	Đậu tương	"				
10	Dầu mỡ động thực vật	USD	x		x	
11	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	x		x	
12	Chế phẩm thực phẩm khác	"	x		x	
13	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	"	x		x	
14	Nguyên phụ liệu thuốc lá	"	x		x	
15	Quặng và khoáng sản khác	Tấn				
16	Than các loại	"				

STT	Mặt hàng chủ yếu	Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
17	Dầu thô	"				
18	Xăng dầu các loại	"				
19	Khí đốt hóa lỏng	"				
20	Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD	x		x	
21	Hóa chất	"	x		x	
22	Sản phẩm hóa chất	"	x		x	
23	Nguyên phụ liệu dược phẩm	"	x		x	
24	Dược phẩm	"	x		x	
25	Phân bón các loại	Tấn				
26	Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD	x		x	
27	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	"	x		x	
28	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn				
29	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	x		x	
30	Cao su	Tấn				
31	Sản phẩm từ cao su	USD	x		x	
32	Gỗ và sản phẩm gỗ	"	x		x	
33	Giấy các loại	Tấn				
34	Sản phẩm từ giấy	USD	x		x	
35	Bông các loại	Tấn				
36	Xơ, sợi dệt các loại	"				
37	Vải các loại	USD	x		x	
38	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	"	x		x	
39	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	"	x		x	
40	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	"	x		x	

STT	Mặt hàng chủ yếu	Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)
41	Phế liệu sắt thép	Tấn				
42	Sắt thép các loại	"				
43	Sản phẩm từ sắt thép	USD	x		x	
44	Kim loại thường khác	Tấn				
45	Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD	x		x	
46	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	"	x		x	
47	Hàng điện gia dụng và linh kiện	"	x		x	
48	Điện thoại các loại và linh kiện	"	x		x	
49	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	"	x		x	
50	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	"	x		x	
51	Dây điện và dây cáp điện	"	x		x	
52	Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc				
53	Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD	x		x	
54	Xe máy và linh kiện, phụ tùng	"	x		x	
55	Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	"	x		x	
56	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	"	x		x	
57	Hàng hóa khác	"	x		x	

Ghi chú: (*) Danh mục mặt hàng chủ yếu được sửa đổi hoặc cập nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê

Biểu số: 019.T/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo: 10 ngày làm việc sau tháng báo cáo

XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

Tháng …

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

	Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng trị giá	USD	x		x	
Nhóm/Mặt hàng chủ yếu (Dựa trên danh mục nhóm/mặt hàng chủ yếu của Biểu số 015.K/BCB-TC)					

Biểu số: 020.T/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo: 10 ngày làm việc sau tháng báo cáo

NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

Tháng …

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

	Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng trị giá	USD	x		x	
Nhóm/Mặt hàng chủ yếu (Dựa trên danh mục nhóm/mặt hàng chủ yếu của Biểu số 016.K/BCB-TC)					

Biểu số: 021.T/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày ...../...../2024
Ngày nhận báo cáo: 10 ngày làm việc sau tháng báo cáo

TRỊ GIÁ XUẤTKHẨU, NHẬP KHẨU CHIA THEO ĐỊA PHƯƠNG

Tháng …

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: USD

	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Tháng báo cáo	Lũy kế đến hết tháng báo cáo	Tháng báo cáo	Lũy kế đến hết tháng báo cáo
A	(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng trị giá				
An Giang				
Bà Rịa - Vũng Tàu				
Bắc Cạn				
Bắc Giang				
Bạc Liêu				
Bắc Ninh				
Bến Tre				
Bình Định				
Bình Dương				
Bình Phước				
Bình Thuận				
Cà Mau				
Cần Thơ				
Cao Bằng				
Đà Nẵng				
Đắc Nông				
Đăk Lăk				
Điện Biên				
Đồng Nai				
Đồng Tháp				
Gia Lai				

	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Tháng báo cáo	Lũy kế đến hết tháng báo cáo	Tháng báo cáo	Lũy kế đến hết tháng báo cáo
A	(1)	(2)	(3)	(4)
Hà Giang				
Hà Nam				
Hà Nội				
Hà Tĩnh				
Hải Dương				
Hải Phòng				
Hậu Giang				
Hòa Bình				
Hưng Yên				
Khánh Hòa				
Kiên Giang				
Kon Tum				
Lai Châu				
Lâm Đồng				
Lạng Sơn				
Lào Cai				
Long An				
Nam Định				
Nghệ An				
Ninh Bình				
Ninh Thuận				
Phú Thọ				
Phú Yên				
Quảng Bình				
Quảng Nam				
Quảng Ngãi				
Quảng Ninh				

	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Tháng báo cáo	Lũy kế đến hết tháng báo cáo	Tháng báo cáo	Lũy kế đến hết tháng báo cáo
A	(1)	(2)	(3)	(4)
Quảng Trị				
Sóc Trăng				
Sơn La				
Tây Ninh				
Thái Bình				
Thái Nguyên				
Thanh Hóa				
Thừa Thiên - Huế				
Tiền Giang				
TP Hồ Chí Minh				
Trà Vinh				
Tuyên Quang				
Vĩnh Long				
Vĩnh Phúc				
Yên Bái				

Biểu số: 022.T/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo: 10 ngày làm việc sau tháng báo cáo

XUẤT KHẨU SANG MỘT SỐ NƯỚC, VÙNG LÃNH THỔ CHIA THEO MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng …

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Nước (*)/mặt hàng chu yếu	Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
(Dựa trên danh mục nhóm/mặt hàng chủ yếu của Biểu số 015.K/BCB-TC)					

Ghi chú: (*) Danh sách nước bao gồm đầy đủ các nước, vùng lãnh thổ thuộc khối ASEAN.EU, các nước có ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với Việt Nam. Danh mục khối nước được cập nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê.

Biểu số: 023.T/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo: 10 ngày làm việc sau tháng báo cáo

NHẬP KHẨU TỪ MỘT SỐ NƯỚC, VÙNG LÃNH THỔ CHIA THEO MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng …..

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Nước(*)/mặt hàng chủ yếu	Đơn vị tính	Tháng báo cáo		Lũy kế đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
(Dựa trên danh mục nhóm/mặt hàng chủ yếu của Biểu số 016.K/BCB-TC)					

Ghi chú: (*) Danh sách nước bao gồm đầy đủ các nước, vùng lãnh thổ thuộc khối ASEAN,EU, các nước có ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với Việt Nam. Danh mục khối nước được cập nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê.

Biểu số: 024.H/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo:
Báo cáo quý: 60 ngày sau kỳ báo cáo quý
Báo cáo năm: Ngày 30 tháng 9 năm sau năm báo cáo

XUẤT KHẨU HÀNG HÓA

(Báo cáo quý, năm bằng file dữ liệu)

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Mã số hàng hóa (AHTN8 số)	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính thống kê	Nước, vùng lãnh thổ cuối cùng hàng đến	Phương thức vận chuyển (*)	Kỳ báo cáo (quý, năm)	
					Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(1)	(2)

Ghi chú: - Danh mục khối nước được cập nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê.

Biểu số: 025.H/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo:
Báo cáo quý: 60 ngày sau kỳ báo cáo quý
Báo cáo năm: Ngày 30 tháng 9 năm sau năm báo cáo

NHẬP KHẨU HÀNG HÓA
(Báo cáo quý, năm bằng file dữ liệu)

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Mã số hàng hóa (AHTN 8 số)	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính thống kê	Nước, vùng lãnh thổ xuất xứ	Phương thức vận chuyển (*)	Kỳ báo cáo (quý, năm)	
					Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(1)	(2)

Ghi chú. - Danh mục khối nước được cập nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê.

Biểu số: 026.H/BCB-TC
Ban hành kèm theo Nghị định số …../2024/NĐ-CP ngày …../…../2024
Ngày nhận báo cáo: 15 ngày sau kỳ báo cáo quý

HÀNG HÓA TÁI XUẤT KHẨU
Quý. Năm

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo		Lũy kế	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng trị giá	USD	x		x	
Trong đó: Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)		x		x	
(Mặt hàng: Dựa theo danh mục mặt hàng của Biểu 016.K/BCB-TC)					

Từ Biểu số 015.K/BCB-TC đến Biểu số 026.H/BCB-TC

Thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam được thực hiện theo "Hệ thống thương mại chung".

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Khái niệm

a.1) Hàng hóa xuất khẩu gồm toàn bộ hàng hóa có xuất xứ trong nước và hàng hóa nước ngoài tái xuất khẩu, được đưa ra nước ngoài, làm giảm nguồn của cải, vật chất của đất nước.

- Hàng hóa có xuất xứ trong nước là hàng hoá được khai thác, sản xuất, chế biến trong nước theo các quy định về xuất xứ hàng hóa của Việt Nam;

- Hàng hóa tái xuất khẩu là hàng hóa có xuất xứ nước ngoài mà trước đó đã được nhập khẩu và được thống kê là hàng nhập khẩu, sau đó lại xuất khẩu nguyên trạng hoặc chỉ chế biến giản đơn, bảo quản, đóng gói lại, không làm thay đổi tính chất cơ bản của hàng hóa.

*a.2)*Hàng hóa nhập khẩu gồm toàn bộ hàng hóa có xuất xứ nước ngoài và hàng Việt Nam tái nhập khẩu, được đưa từ nước ngoài vào Việt Nam, làm tăng nguồn của cải, vật chất của đất nước.

- Hàng hoá có xuất xứ nước ngoài là hàng hóa được khai thác, sản xuất, chế biến ở nước ngoài theo các quy định về xuất xứ hàng hóa của Việt Nam;

- Hàng hóa tái nhập khẩu là hàng hóa của Việt Nam đã xuất khẩu và được thống kê vào hàng xuất khẩu trước đó, sau đó lại nhập khẩu nguyên trạng hoặc chỉ chế biến giản đơn, bảo quản, đóng gói lại, không làm thay đổi tính chất cơ bản của hàng hóa.

b) Phạm vi thống kê

b.1) Hàng hóa được tính trong thống kê xuất khẩu, nhập khẩu gồm:

(1) Hàng hóa mua/bán theo các hợp đồng thương mại thông thường ký với nước ngoài;

(2) Hàng hóa thuộc loại hình hàng đổi hàng với nước ngoài, không sử dụng các hình thức thanh toán;

(3) Hàng hóa thuộc các hợp đồng gia công, lắp ráp ký với nước ngoài, có hoặc không thay đổi quyền sở hữu, bao gồm: Thành phẩm hoàn trả sau gia công, lắp ráp; nguyên liệu/vật tư xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, lắp ráp; hàng hóa làm mẫu phục vụ cho gia công, lắp ráp; máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ gia công, lắp ráp, được thoả thuận trong hợp đồng gia công, lắp ráp.

(4) Hàng hóa thuộc các giao dịch giữa doanh nghiệp mẹ với doanh nghiệp con, chi nhánh đầu tư trực tiếp ở nước ngoài, hàng hóa giao dịch giữa người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt;

(5) Hàng hóa tái xuất/tái nhập: Hàng hoá nước ngoài/hàng hóa trong nước đã nhập khẩu/xuất khẩu và được thống kê vào nhập khẩu/xuất khẩu trước đó, sau đó lại xuất khẩu/nhập khẩu nguyên dạng hoặc chỉ sơ chế, bảo quản, đóng gói lại, không làm thay đổi tính chất cơ bản của hàng hoá, trừ hàng hóa tạm nhập khẩu/tạm xuất khẩu phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan và phải tái xuất/tái nhập theo quy định của pháp luật;

(6) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc loại hình vay nợ, viện trợ Chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức quốc tế và các hình thức viện trợ nhân đạo khác;

(7) Hàng hóa thuộc hợp đồng thuê/cho thuê tài chính (máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải), theo đó người thuê có quyền lợi, trách nhiệm, chịu rủi ro,... liên quan đến hàng hóa. Nếu trong hợp đồng không xác định rõ các nội dung trên thì căn cứ vào thời hạn thuê là 12 tháng trở lên;

(8) Hàng hóa trả lại trong kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu (hàng hóa mà trước đó đã được thống kê vào hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu, sau đó được tái nhập hoặc tái xuất);

(9) Hàng hóa tạm nhập, tạm xuất có thời hạn để sử dụng tạm thời cho mục đích cụ thể nhưng sau đó được chuyển đổi loại hình hải quan để không thực hiện tái xuất, tái nhập. Những hàng hóa đó bao gồm: Hàng hóa hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm; tài liệu hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, khám chữa bệnh, nghiên cứu và phát triển sản phẩm; phương tiện vận tải, công ten nơ và các thiết bị liên quan đến vận tải; các động sản khác;

(10) Hàng hoá mua/bán, trao đổi qua biên giới, không có hợp đồng thương mại;

(11) Các hàng hóa đặc thù:

- Vàng phi tiền tệ: Là vàng ở các dạng bột, thanh, thỏi, miếng, xu, vàng trang sức,... dưới dạng tinh chế, thô hoặc dạng bán sơ chế do các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại (trừ ngân hàng, tổ chức khác nhận ủy quyền thực hiện giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) xuất khẩu, nhập khẩu cho mục đích kinh doanh, sản xuất, gia công, chế tác,... theo quy định của pháp luật.

- Tiền giấy, chứng khoán chưa phát hành, tiền xu không hoặc chưa đưa vào lưu thông; các bộ sưu tập tiền xu hoặc tiền giấy;

- Phương tiện lưu giữ thông tin, hình ảnh: Băng từ, đĩa từ, CD-ROM, thẻ thông minh,... đã hoặc chưa ghi âm, hình, dữ liệu, trò chơi điện tử, phần mềm,..., được sản xuất để dùng chung cho mọi khách hàng hoặc để mua/bán thông thường (trừ các loại được sản xuất theo yêu cầu riêng của khách hàng hoặc bản gốc phim ảnh, tác phẩm nghệ thuật, chương trình truyền hình, chương trình biểu diễn nghệ thuật,...);

- Hàng hóa gửi hoặc nhận qua đường bưu điện hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh;

- Điện năng xuất khẩu, nhập khẩu;

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sử dụng phương thức thương mại điện tử: Việc trao đổi thông tin, đặt hàng, ký kết hợp đồng thương mại và thanh toán với nước ngoài được thực hiện qua mạng Internet nhưng hàng hóa được đưa ra khỏi/đưa vào lãnh thổ Việt Nam, thực hiện các thủ tục hải quan thông thường, được tính đến trong thống kê nếu hàng hóa thuộc phạm vi thống kê;

- Hàng hóa, nhiên liệu bán cho các phương tiện vận tải nước ngoài sử dụng trong hành trình giao thông quốc tế; hàng hóa, nhiên liệu mua để sử dụng trong hành trình giao thông quốc tế;

- Dầu thô và khoáng sản được khai thác trong khu vực thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, hải phận quốc tế, vùng chồng lấn được mua, bán với nước ngoài;

- Thiết bị giàn khoan do doanh nghiệp mua/bán ngoài khơi, không thực hiện tờ khai hải quan;

- Máy bay, tàu thuyền và phương tiện vận tải khác thuộc các giao dịch không thực hiện tờ khai hải quan;

- Hàng hóa nhận được từ các tổ chức quốc tế ở nước ngoài hoặc gửi đi cho các tổ chức quốc tế (trừ hàng hóa gửi hoặc nhận giữa các tổ chức quốc tế);

- Hàng hóa là tài sản di chuyển, hàng hóa là hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh phải khai theo quy định;

- Chất thải và phế liệu có giá trị thương mại;

- Vệ tinh trong trường hợp có thay đổi quyền sở hữu giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với nước ngoài.

b.2) Hàng hóa không tính trong thống kê gồm:

(1) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ: Hàng hóa do thương nhân Việt Nam ký hợp đồng mua/bán với thương nhân nước ngoài nhưng được giao/nhận tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài.

(2) Hàng hóa do thương nhân Việt Nam mua của nước ngoài và bán thẳng cho nước thứ ba, hàng hóa không về Việt Nam hoặc có về Việt Nam nhưng không làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thông thường tại Hải quan Việt Nam.

(3) Hàng hóa mua/bán tại các cửa hàng miễn thuế (Duty Free Shop).

(4) Hàng hóa tạm nhập, tạm xuất có thời hạn sau đó được tái xuất, tái nhập như: Hàng tham dự triển lãm, hội chợ, giới thiệu sản phẩm; tài liệu hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, khám chữa bệnh, nghiên cứu và phát triển sản phẩm; phương tiện vận tải, công ten nơ và các thiết bị liên quan đến vận tải.

(5) Hàng hoá chỉ đơn thuần đi qua lãnh thổ Việt Nam với mục đích chuyển tải, quá cảnh.

(6) Các loại hàng hóa đặc thù gồm:

- Hàng hoá thuộc hợp đồng cho thuê hoặc đi thuê hoạt động (máy bay, tàu thuyền, máy móc thiết bị): Không có sự chuyển quyền sở hữu đối với hàng hóa sau thời gian thuê/cho thuê;

- Hàng hoá của Chính phủ Việt Nam gửi hoặc nhận với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế của Việt Nam ở nước ngoài;

- Hàng hóa gửi và nhận của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của nước ngoài, cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam;

- Vàng tiền tệ: Vàng thuộc giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc các tổ chức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ủy quyền xuất khẩu, nhập khẩu cho mục đích dự trữ, cân đối tiền tệ theo qui định của pháp luật;

- Tiền xu đang lưu hành, tiền giấy, tiền séc và chứng khoán đã phát hành trong khâu lưu thông;

- Hàng hóa với chức năng là phương tiện rỗng dùng để chứa hàng hóa: Công-ten-nơ, các thùng, chai, lọ và các loại khác theo phương thức quay vòng chỉ nhằm mục đích vận chuyển hàng hóa;

- Các sản phẩm, nội dung truyền nhận theo phương thức điện tử (phần mềm, các sản phẩm âm thanh, hình ảnh, phim, sách điện tử và loại khác);

- Phương tiện lưu giữ thông tin, hình ảnh, chứa phần mềm được sản xuất theo yêu cầu hoặc đơn đặt hàng riêng: bản gốc phim ảnh, tác phẩm nghệ thuật, chương trình truyền hình, chương trình biểu diễn nghệ thuật....

- Hàng hóa đưa ra hoặc đưa vào lãnh thổ Việt Nam bất hợp pháp;

- Hàng hóa đưa vào hoặc đưa ra khỏi lãnh thổ hải quan của Việt Nam với mục đích sửa chữa hoặc bảo trì nếu hoạt động đó không làm thay đổi xuất xứ của hàng hóa;

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là vũ khí, khí tài nhằm bảo vệ lợi ích, chủ quyền và an ninh quốc gia thuộc các danh mục bí mật của nhà nước;

- Chất thải, phế liệu không có trị giá thương mại.

c) Phương pháp tính

Thời điểm thống kê: Là thời điểm cơ quan Hải quan chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan.

Những thay đổi trên tờ khai hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan sẽ được cập nhật vào hệ thống thông tin hải quan và được điều chỉnh trong các báo cáo thống kê.

Trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo, cơ quan thống kê sẽ ngừng cập nhật các thay đổi trên tờ khai hải quan.

Trị giá thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- Đối với hàng hóa phải nộp thuế xuất khẩu hoặc nhập khẩu và các loại thuế liên quan trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thì trị giá thống kê là trị giá tính thuế của hàng hóa.

- Đối với hàng hóa không phải nộp thuế xuất khẩu hoặc nhập khẩu và các loại thuế liên quan trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thì trị giá thống kê là trị giá khai báo của hàng hóa được cơ quan hải quan chấp nhận.

- Trị giá thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tính bằng Đô la Mỹ (USD). Cơ quan hải quan căn cứ vào quy định hiện hành về tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để quy đổi các ngoại tệ về đồng Đô la Mỹ.

Xác định trị giá thống kê trong những trường hợp đặc thù

-Trường hợp tờ khai hải quan đăng ký một lần nhưng xuất khẩu hoặc nhập khẩu nhiều lần thì trị giá thống kê là trị giá thực tế của hàng hóa khi xuất khẩu, nhập khẩu;

- Tiền giấy, tiền kim loại và các giấy tờ có giá chưa phát hành, chưa đưa vào lưu thông: Trị giá thống kê là chi phí để sản xuất ra tiền giấy, tiền kim loại và các giấy tờ có giá (không phải là mệnh giá của tiền giấy, tiền kim loại hay các giấy tờ có giá này);

- Phương tiện trung gian dùng để chứa thông tin bao gồm: Băng từ, đĩa từ, CD-ROM, thẻ thông minh và các phương tiện trung gian khác đã hoặc chưa chứa thông tin, trừ loại được sản xuất theo yêu cầu hoặc đơn đặt hàng riêng: Thống kê theo trị giá hải quan toàn bộ của các hàng hóa này (không phải chỉ là trị giá của các phương tiện trung gian chưa có thông tin);

- Hàng hóa được phép ghi giá tạm tính khi đăng ký tờ khai hải quan thì trị giá thống kê phải được điều chỉnh khi có giá chính thức trên tờ khai sửa đổi, bổ sung;

- Hàng gia công, chế biến, lắp ráp: Tính trị giá toàn bộ hàng hoá nguyên liệu trước khi gia công, chế biến, lắp ráp và toàn bộ giá trị thành phẩm hoàn trả sau gia công, chế biến, lắp ráp;

- Các giao dịch không khai trị giá (ví dụ: hàng đổi hàng, hàng viện trợ nhân đạo,...) thì trị giá của hàng hóa trong thống kê được tính theo nguyên tắc xác định trị giá hải quan;

- Hàng trả lại: Trị giá thống kê là trị giá hàng hóa được định giá theo trị giá của giao dịch xuất khẩu hoặc nhập khẩu ban đầu;

- Điện năng xuất khẩu, nhập khẩu: Trị giá thống kê là trị giá khai trên tờ khai hải quan;

- Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: Tính trị giá của hàng hóa trên cơ sở giá bán của hàng hóa tương tự (loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng cho thuê như chi phí đào tạo, bảo trì, phí tài chính);

Loại tiền và tỷ giá: Trị giá thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tính bằng Đô la Mỹ (USD). Cơ quan hải quan căn cứ vào quy định hiện hành về tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để quy đổi các ngoại tệ sử dụng trong thống kê.

*Đơn vị tính thống kê:*Là đơn vị tính quy đổi sử dụng trong các biểu mẫu thống kê. Các đơn vị tính lượng khác nhau được quy đổi về đơn vị tính thống nhất trong biểu mẫu căn cứ vào các dữ liệu từ hồ sơ hải quan.

Nước đối tác thương mại:

Xuất khẩu: Thống kê theo "nước, vùng lãnh thổ cuối cùng hàng đến": Là nước hoặc vùng lãnh thổ mà tại thời điểm xuất khẩu, người khai hải quan biết được hàng hoá của Việt Nam sẽ được chuyển đến để bốc dỡ, không tính nước mà hàng hoá trung chuyển, quá cảnh.

Nhập khẩu: Thống kê theo "nước, vùng lãnh thổ xuất xứ" là nước hoặc vùng lãnh thổ mà tại đó hàng hóa được nuôi trồng, khai thác, sản xuất hoặc chế biến, theo các quy định về xuất xứ hàng hóa của Việt Nam.

2. Cách ghi biểu

Quy định cách ghi số liệu:

- Không phải thu thập số liệu và báo cáo: Biểu thị bằng dấu gạch chéo (X);

- Hiện tượng kinh tế không phát sinh: Biểu thị bằng dấu gạch ngang (-);

- Hiện tượng kinh tế có phát sinh nhưng chưa thu thập được số liệu báo cáo: Biểu thị bằng dấu 3 chấm (...).

Biểu số 015.K/BCB-TC: Xuất khẩu hàng hóa (kỳ 15 ngày)

Biểu số 016.K/BCB-TC: Nhập khẩu hàng hóa (kỳ 15 ngày)

Biểu số 017.T/BCB-TC: Xuất khẩu hàng hóa (tháng)

Biểu số 018.T/BCB-TC: Nhập khẩu hàng hóa (tháng)

Biểu số 019.T/BCB-TC: Xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài(FDI) (tháng)

Biểu số 020.T/BCB-TC: Nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài(FDI) (tháng)

- Cột A:

+ Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu: Ghi tổng trị giá toàn bộ các nhóm/mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi thống kê nêu tại mục a và b.1;

+ Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Ghi tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi thống kê của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (là doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật - gọi tắt là doanh nghiệp FDI). Danh sách doanh nghiệp FDI do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố và cập nhật khi có thay đổi;

+ Danh mục nhóm/mặt hàng chủ yếu: Danh mục nhóm mặt hàng chủ yếu trong biểu 015.K/BCB-TC, 016.K/BCB-TC, 017.T/BCB-TC, 018.T/BCB-TC: được sửa đổi hoặc cập

nhật theo đề xuất của Tổng cục Thống kê.

+ Danh mục nhóm/mặt hàng chủ yếu trong biểu 019.T/BCB-TC và 020.T/BCB-TC được lựa chọn dựa trên danh mục biểu 015.K/BCB-TC và 016.K/BCB-TC theo nguyên tắc:tổng trị giá của các nhóm/mặt hàng xuất khẩu/nhập khẩu chủ yếu chiếm tỷ trọng trên 90% tổng trị giá xuất khẩu/nhập khẩu của khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Những mặt hàng nằm trong 10% còn lại sẽ được gom vào nhóm "Hàng hóa khác" của biểu. Định kỳ ba năm một lần, danh mục này sẽ được đánh giá lại và điều chỉnh theo nguyên tắc trên và theo đề xuất của Tổng cục Thống kê.

- Cột B: Ghi đơn vị tính tương ứng với nhóm/mặt hàng chủ yếu;

- Cột 1 và 2: Ghi số liệu tổng hợp về lượng, trị giá xuất khẩu/nhập khẩu hàng hóa tương ứng phát sinh trong kỳ/tháng báo cáo;

- Cột 3 và 4: Ghi số liệu lũy kế về lượng, trị giá xuất khẩu/nhập khẩu hàng hóa tương ứng phát sinh từ ngày 01/01 đến hết kỳ/tháng báo cáo, bao gồm cả số liệu đã được điều chỉnh, cập nhật của các kỳ/tháng báo cáo trước theo quy định về kiểm tra, điều chỉnh số liệu của cơ quan Hải quan;

Biểu số 021.T/BCB-TC: Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu chia theo địa phương (tháng)

- Cột A: Ghi tên của toàn bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Số liệu của mỗi tỉnh, thành phố được tổng hợp từ tờ khai hải quan xuất khẩu, nhập khẩu của toàn bộ các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký mã số doanh nghiệp tại tỉnh, thành phố đó;

- Cột 1 và 2: Ghi số liệu tổng hợp trị giá xuất khẩu của tháng báo cáo, lũy kế đến hết tháng báo cáo của từng tỉnh, thành phố bao gồm cả các số liệu đã được điều chỉnh, cập nhật của các tháng báo cáo trước theo quy định về kiểm tra, điều chỉnh số liệu của cơ quan Hải quan;

- Cột 3 và 4: Ghi số liệu tổng hợp trị giá nhập khẩu của tháng báo cáo, lũy kế đến hết tháng báo cáo của từng tỉnh, thành phố bao gồm cả các số liệu đã được điều chỉnh, cập nhật của các tháng báo cáo trước theo quy định về kiểm tra, điều chỉnh số liệu của cơ quan Hải quan.

Biểu số 022.T/BCB-TC: Xuất khẩu sang một số nước, vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu (tháng)

Biểu số 023.T/BCB-TC: Nhập khẩu từ một số nước, vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu (tháng)

- Cột A: Ghi tên các nước, vùng lãnh thổ theo quy định của mục c) về "nước đối tác thương mại" và các nhóm/mặt hàng chủ yếu có trị giá xuất khẩu, nhập khẩu lớn theo danh mục của Biểu số 016.K/BCB-TC và Biểu số 017.K/BCB-TC;

Danh mục các nước, vùng lãnh thổ trong 2 biểu báo cáo này bao gồm:

+ Các nước là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), các nước đối tác thương mại lớn của ASEAN;

+ Các nước là thành viên của Liên minh châu Âu (EU);

+ Các nước có ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với Việt Nam;

+ Các nước có trị giá xuất khẩu, nhập khẩu lớn tính theo từng châu lục và các trường hợp khác theo rà soát hàng năm về trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Tổng cục Hải quan.

- Cột 1 và 2: Ghi số liệu về trị giá xuất khẩu, nhập khẩu sang/từ nước đối tác thương mại tương ứng ở cột A; lượng và trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của từng nhóm/ mặt hàng chủ yếu của nước đối tác thương mại đó phát sinh trong tháng báo cáo;

- Cột 3 và 4: Ghi số liệu về trị giá xuất khẩu, nhập khẩu sang/từ nước đối tác thương mại tương ứng ở Cột A; lượng và trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của từng nhóm/mặt hàng chủ yếu của nước đối tác thương mại đó phát sinh từ ngày 01/01 đến hết tháng báo cáo, bao gồm cả các số liệu đã được điều chỉnh, cập nhật của các tháng báo cáo trước theo quy định về kiểm tra, điều chỉnh số liệu của cơ quan Hải quan.

Biểu số 024.H/BCB-TC: Xuất khẩu hàng hóa (quý, năm) - Dạng file dữ liệu chi tiết, gửi bằng phương tiện máy tính.

Biểu số 025.H/BCB-TC: Nhập khẩu hàng hóa (quý, năm) - Dạng file dữ liệu chi tiết, gửi bằng phương tiện máy tính.

- Cột A (Mã số hàng hóa): Ghi mã số hàng hóa tương ứng với mô tả hàng hóa theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (Bộ Tài chính ban hành), cấp mã AHTN8 chữ số;

- Cột B (Mô tả hàng hóa): Ghi rõ mô tả hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam tương ứng với mã của hàng hóa ở cột A;

- Cột C (Đơn vị tính thống kê): Ghi đơn vị tính thống kê;

- Cột D: Ghi tên các nước, vùng lãnh thổ theo quy định của mục c) về "nước đối tác thương mại".

+ Nước, vùng lãnh thổ cuối cùng hàng đến (Biểu số 024.H/BCB-TC): Là nước, vùng lãnh thổ mà tại thời điểm xuất khẩu, người khai hải quan biết được hàng hoá của Việt Nam sẽ được chuyển đến nước, vùng lãnh thổ đó để bốc dỡ, không tính nước, vùng lãnh thổ mà hàng hoá trung chuyển, quá cảnh;

+ Nước, vùng lãnh thổ xuất xứ (Biểu số 025.H/BCB-TC): Là nước, vùng lãnh thổ mà tại đó hàng hóa được nuôi trồng, khai thác, sản xuất hoặc chế biến, theo các quy định về xuất xứ hàng hóa của Việt Nam.

- Cột E: Ghi phương thức vận chuyểnhàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phân chia theo:

+ Đường không;

+ Đường thủy;

+ Đường bộ;

+ Loại khác.

- Cột 1 và 2: Ghi số liệu lượng và trị giá xuất khẩu, nhập khẩu tương ứng của từng dòng hàng hóa phát sinh trong quý (đối với báo cáo quý) và cả năm (đối với báo cáo năm), bao gồm cả các số liệu được đã được điều chỉnh, cập nhật trong kỳ báo cáo theo quy định về kiểm tra, điều chỉnh số liệu của cơ quan Hải quan.

Biểu số 026.H/BCB-TC: Hàng hóa tái xuất khẩu (Quý, năm)

- Cột A:

+ Tổng trị giá hàng hóa tái xuất khẩu: Ghi tổng trị giá toàn bộ các nhóm/mặt hàng tái xuất khẩu xác định được tối đa theo quy định về phạm vi thống kê nêu tại mục a và b.1;

+ Trị giá hàng hóa tái xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Ghi tổng trị giá hàng hóa tái xuất khẩu thuộc phạm vi thống kê của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (là doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật - gọi tắt là doanh nghiệp FDI). Danh sách doanh nghiệp FDI do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố và cập nhật khi có thay đổi;

+ Mặt hàng: Ghi mặt hàng tái xuất khẩu (theo danh mục mặt hàng của Biểu 015.K/BCB-TC) phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột B: Ghi đơn vị tính tương ứng với nhóm/mặt hàng chủ yếu trong Biểu 015.K/BCB-TC;

- Cột 1 và 2: Ghi số liệu tổng hợp về lượng, trị giá hàng hóa tái xuất khẩu phát sinh trong quý báo cáo;

- Cột 3 và 4: Ghi số liệu lũy kế về lượng, trị giá hàng hóa tái xuất khẩu phát sinh từ ngày 01/01 đến hết quý báo cáo, bao gồm cả số liệu đã được điều chỉnh, cập nhật của các quý báo cáo trước theo quy định về kiểm tra, điều chỉnh số liệu của cơ quan Hải quan.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1167 /NHNN-DBTK V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày19 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Quý Bộ về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến như sau:

I. Đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

1. Tại Khoản 9 Điều 3 quy định "Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị hoặc *báo cáo điện tử (được ký số)* để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu": Ngày 06/03/2020, Tổng cục thống kê gửi các bộ, ngành công văn số 288/TCTK-PPCĐ thông báo chính thức áp dụng ứng dụng Chế độ báo cáo thống kê điện tử là kênh gửi - nhận các báo cáo thuộc Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ. Theo đó, việc gửi báo cáo trên ứng dụng Chế độ báo cáo thống kê điện tử chưa có nội dung báo cáo điện tử được ký số. Do đó, để đảm bảo triển khai quy định tại khoản 2 Điều 3 khi Nghị định có hiệu lực thi hành, đề nghị Tổng cục thống kê có hướng dẫn đối với các bộ ngành để thực hiện gửi báo cáo điện tử (được ký số).

2. Đề nghị nghiên cứu kết cấu lại nội dung của các điều để tránh trùng lắp. Ví dụ: Phạm vi thống kê (Khoản 2, Điều 3), Đối tượng áp dụng (Khoản 3, Điều 3)... trùng với nội dung tại Điều 1 "Phạm vi điều chỉnh" và Điều 2 "Đối tượng áp dụng". Trường hợp cần làm rõ nội hàm các khái niệm, thuật ngữ nào có thể nghiên cứu bổ sung điều về giải thích từ ngữ như kỳ báo cáo thống kê, báo cáo thống kê đột xuất.

3. Tại Điều 3 của Dự thảo Nghị định, mục 6 có đề cập đến ký hiệu kỳ báo cáo là "2 năm, 5 năm" tuy nhiên tại mục 7 không thấy đề cập đến kỳ báo cáo này; đồng thời tại mục 7 có đề cập kỳ báo cáo "6 tháng, 9 tháng" mà không thấy đề cập ở mục 6. Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, xem xét, điều chỉnh nội dung này cho phù hợp.

4. Đối với các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II dự thảo Nghị định, đề nghị Quý Bộ chỉnh sửa theo nội dung cụ thể như sau:

- *Đối với mẫu biểu 004.Q/BCB-NHNN*: Tại mục b điểm 1 "Phương pháp tính": Đề nghị bỏ việc thống kê "Luật doanh nghiệp nhà nước" do tại Luật doanh nghiệp 2020 đã quy định nội dung về Doanh nghiệp nhà nước, đồng thời không ghi cụ thể số năm ban hành của các Văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể sửa như sau "*... phù hợp với quy định hiện hành tại Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã.*"

- *Đối với mẫu biểu 007.H/BCB-NHNN*:

+ Đề nghị Quý Bộ chỉnh sửa Phần A "Lãi suất tiền gửi, lãi suất phát hành giấy tờ có giá và lãi suất cho vay" của Biểu số 007.H/BCB-NHNN *(mẫu biểu đính kèm công văn này).*

+ Đối với Phần B "Lãi suất cho vay, gửi tiền bình quân trên thị trường liên ngân hàng" của Biểu số 007.H/BCB-NHNN, đề nghị bỏ kỳ hạn 12 tháng do: **(i)** Theo quy định tại Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/06/2012 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2013/TT-NHNN ngày 07/01/2013 và Thông tư số 18/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016), thời hạn cho vay giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối đa ***dưới 1 năm***, trừ trường hợp TCTD cho vay đối với công ty cho thuê tài chính là công ty con của TCTD đó. **(ii)** Đối với các trường hợp được phép giao dịch với thời hạn từ 1 năm trở lên, doanh số giao dịch rất nhỏ, hiếm phát sinh, không có tính đại diện cho xu hướng lãi suất trên thị trường do các đối tác tham gia giao dịch thường có quan hệ về sở hữu. Vì vậy, không nên đưa lãi suất kỳ hạn 12 tháng vào chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

5. Nguồn số liệu báo cáo hiện nay NHNN thu thập và tổng hợp không có đầy đủ thông tin để cung cấp theo như dự thảo Nghị định quy định. Để có thông tin cung cấp theo đề nghị tại dự thảo Nghị định, NHNN phải thu thập từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, NHNN đề nghị Bộ KHĐT cân nhắc về thời gian hiệu lực thi hành của Nghị định trên cơ sở cân nhắc khả năng các bộ, ngành triển khai thực hiện (trong đó NHNN cần chuẩn bị nhân lực, công nghệ.... và phải triển khai đến các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). Trường hợp NHNN chưa ban hành thông tư thay thế Thông tư 35/2015/TT-NHNN và Thông tư 11/2018/TT-NHNN trong khi Nghị định đã có hiệu lực, NHNN đề nghị tiếp tục gửi Bộ KHĐT số liệu (Biểu 004.Q/BCB-NHNN và Biểu 005.Q/BCB-NHNN) theo như mẫu biểu báo cáo mà hiện nay NHNN cung cấp định kỳ cho Bộ KHĐT theo quy định tại Nghị định 60/2018/NĐ-CP. *(Ý kiến này đã được NHNN gửi Bộ KHĐT tại công văn số*

6951/NHNN-DBTK ngày 04/10/2022 và công văn số 9253/NHNN-DBTK ngày 29/12/2022).

II. Đối với Dự thảo tờ trình Chính phủ và dự thảo báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ: NHNN không có ý kiến bổ sung đối với nội dung dự thảo.

Trên đây là ý kiến của NHNN xin gửi tới Quý Bộ để tổng hợp chung./.

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- PTĐ Phạm Thanh Hà (để b/c);
- Lưu VP, DBTK (PV. Hùng).

Đính kèm:
- Biểu 007 Phần A.

TL.THỐNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ DỰ BÁO, THỐNG KÊ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Biểu số: 007.H/BCB-NHNN

Ban hành kèm theo Nghị định số .....//2024/NĐ-CP ngày ...../...../2024

Ngày nhận báo cáo:

Số chính thức quý: 45 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ báo cáo

Số chính thức năm: 90 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ báo cáo

LÃI SUẤT

(Quý, Năm)

Kỳ báo cáo: ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo:

Tổng cục Thống kê

PHẦN A: LÃI SUẤT TIỀN GỬI, LÃI SUẤT PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ VÀ LÃI SUẤT CHO VAY

Đơn vị tính: %/năm

	Mã số	Lãi suất bình quân
A	B	1
I. LÃI SUẤT VND		
1. LÃI SUẤT TIỀN GỬI		
- Không kỳ hạn	01	
- Có kỳ hạn		
+ Kỳ hạn 3 tháng	02	
+ Kỳ hạn 6 tháng	03	
+ Kỳ hạn 12 tháng	04	
+ Kỳ hạn 24 tháng	05	
2. LÃI SUẤT PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ		
- Loại dưới 12 tháng	06	
- Loại từ 12 tháng trở lên	07	
3. LÃI SUẤT CHO VAY		
- Cho vay ngắn hạn	08	
- Cho vay trung hạn và dài hạn	09	
II. LÃI SUẤT USD		
1. LÃI SUẤT TIỀN GỬI		

	Mã số	Lãi suất bình quân
A	B	1
- Không kỳ hạn	10	
- Có kỳ hạn		
+ Kỳ hạn 3 tháng	11	
+ Kỳ hạn 6 tháng	12	
+ Kỳ hạn 12 tháng	13	
+ Kỳ hạn 24 tháng	14	
2. LÃI SUẤT CHO VAY		
- Cho vay ngắn hạn	15	
- Cho vay trung hạn và dài hạn	16	

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 007.H/BCB-NHNN: Lãi suất

A. Lãi suất tiền gửi, lãi suất phát hành giấy tờ có giá và lãi suất cho vay

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Khái niệm

Lãi suất là giá phải trả cho việc sử dụng vốn. Lãi suất huy động gồm lãi suất tiền gửi và lãi suất phát hành giấy tờ có giá, là tỷ lệ giữa số tiền lãi so với số vốn huy động. Lãi suất cho vay là tỷ lệ giữa số tiền lãi và số tiền cho vay.

b) Phương pháp tính

Lãi suất tiền gửi, lãi suất phát hành giấy tờ có giá và lãi suất cho vay được báo cáo theo mức lãi suất trả sau. Lãi suất tiền gửi bình quân, lãi suất phát hành giấy tờ có giá bình quân và lãi suất cho vay bình quân quý và năm cho từng loại kỳ hạn được tính theo phương pháp bình quân gia quyền giữa số dư tiền gửi/số dư phát hành giấy tờ có giá/dư nợ cho vay với lãi suất tiền gửi/lãi suất phát hành giấy tờ có giá/lãi suất cho vay tương ứng áp dụng cho khoản tiền gửi/ phát hành giấy tờ có giá/cho vay đó.

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi lãi suất tiền gửi bình quân, lãi suất phát hành giấy tờ có giá bình quân và lãi suất cho vay bình quân bằng VND, USD theo loại kỳ hạn.

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

SAO Y
BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
Thời gian ký: 24/01/2024 16:33:20 +07:00

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 205 /BHXH-KHĐT V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Sau khi nghiên cứu, BHXH Việt Nam về cơ bản nhất trí với nội dung các dự thảo. Ngoài ra, xin tham gia ý kiến vào Phụ lục II Biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với BHXH Việt Nam như sau:

1. Tại điểm a, mục 2 (trang 18) của dự thảo, đề nghị bổ sung nội dung hướng dẫn biểu số 003.N/BCB-BHXH: "số người hưởng một lần từ nguồn quỹ BHXH: Ghi tổng số người được hưởng các chế độ BHXH một lần do quỹ BHXH chi trả (bao gồm cả chế độ ngắn hạn ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe...) tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo".

2. Tại điểm b mục 1.2 (trang 28) của dự thảo, đề nghị sửa đổi, bổ sung khái niệm chi BHXH: "chi BHXH nguồn quỹ BHXH là số tiền chi cho đối tượng hưởng các chế độ BHXH, tiền chi mua BHYT cho người hưởng các chế độ từ nguồn quỹ BHXH".

BHXH Việt Nam kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng cục Thống kê :
- Tổng Giám đốc (để b/c):
- Lưu: VT, KHĐT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Đào Việt Ánh

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1253 /BGTVT-KHĐT	*Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2024*
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

CỤC TTDL VÀ ỨDCNTT THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 526(6)
Ngày: 05/2/24
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Tổng cục Thống kê)

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Về việc này, Bộ GTVT có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất nội dung các biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Bộ GTVT tại dự thảo kèm theo văn bản số 460/BKHĐT-TCTK nêu trên.

2. Để hoàn chỉnh dự thảo Nghị định, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục II như sau:

- Tại mục giải thích Biểu số 03.N/BCB-GTVT về năng lực bốc xếp của cảng thủy nội địa: đề nghị điều chỉnh đoạn "Năng lực bốc xếp mới tăng của cảng thủy nội địa là khả năng bốc xếp hàng hóa thông qua cảng mới tăng *là năng lực tăng* thêm do hoạt động đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới..." thành "Năng lực bốc xếp mới tăng của cảng thủy nội địa là khả năng bốc xếp hàng hóa thông qua cảng mới tăng thêm do hoạt động đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới ...".

- Tại mục giải thích Biểu số 005.N/BCB-GTVT về năng lực bốc xếp của cảng biển: đề nghị điều chỉnh đoạn "Cảng biển là khu vực bao gồm vùng đất cảng và vùng nước cảng, được xây dựng kết cấu hạ tầng, lắp đặt trang thiết bị cho tàu thuyền *đến, rời* để bốc dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện dịch vụ khác" thành "Cảng biển là khu vực bao gồm vùng đất cảng và vùng nước cảng, được xây dựng kết cấu hạ tầng, lắp đặt trang thiết bị cho tàu thuyền *ra, vào hoạt động* để bốc dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện dịch vụ khác".

- Tại mục giải thích Biểu số 001.Q/BCB-VĐTC về kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng: Đề nghị bổ sung giải thích "Khối lượng thực hiện dự án/công trình" bao gồm cả khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu và chưa được nghiệm thu của dự án/công trình.

- Giải thích Biểu số 003.Q/BCB-VĐTC về danh mục các dự án, công trình thực hiện thuộc nguồn vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng có nội dung mục 1

(Khái niệm, phương pháp tính) trùng với giải thích Biểu 001.Q/BCB-VĐTC, đề nghị xem xét bỏ nội dung bị trùng lặp.

Đề nghị Tổng cục Thống kê tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Danh Huy (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KHĐT(TAMNTM).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KHĐT
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lưu Quang Thìn

Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 20.02.2024 15:1

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1018 /BCT-KH V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định), Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Đối với Biểu 001.N/BCB-CT. Số lượng chợ, Biểu 002.N/BCB-CT. Số lượng siêu thị, trung tâm thương mại

Tại Công văn số 141/BCT-KHTC ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia (văn bản kèm theo), Bộ Công Thương đề nghị sửa biểu mẫu, kỳ báo cáo là 2 năm, vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8, vì Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định Kỳ công bố là "Năm" và công cụ để lấy số liệu từ Chương trình điều tra thống kê quốc gia, nhưng theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia quy định kỳ lấy số liệu lại là "2 năm".

- Tại Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ số 140/PLYK/2023 ngày 09 tháng 05 năm 2023 đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (văn bản kèm theo), Bộ trưởng Bộ Công Thương đã đồng ý thông qua Dự thảo Nghị định và ghi ý kiến khác như văn bản đính kèm.

Vì vậy, Bộ Công Thương đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉnh sửa Biểu 001.N/BCT-CT và 002.N/BCT-CT theo như đề nghị tại Công văn số 141/BCT-KH và Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ trên đây.

2. Đối với Biểu 005.N/BCB-CT. Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường

Tại Mục 2. Cách ghi biểu, đề nghị sửa đổi như sau:

- Bỏ cụm từ "đạt tiêu chuẩn môi trường" trong giải thích "Cột 3: Ghi tỷ lệ cụm công nghiệp ... *đạt tiêu chuẩn môi trường* ...thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo".

- Sửa công thức thành "Cột 3 = (Cột 2 : Cột 1) x 100".

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC (2b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

Phan Thị Thắng

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1253 /BXD-KHTC	*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024*
V/v ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 1079
Ngày: 26.3.2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Bộ Xây dựng nhận được công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng thống nhất với nội dung dự thảo các biểu mẫu báo cáo liên quan đến Bộ Xây dựng.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Sinh

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2459 / BNN-KH V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia	*Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024*

Kính gửi: Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp văn bản 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia (viết tắt là Nghị định); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản số 6652/BNN-KH ngày 05/10/2022 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia.

Đến nay, dự thảo Nghị định gửi kèm theo *(văn bản số 5919/BKHĐT-TCTK ngày 26/7/2023 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ)* đã cơ bản tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ Nghị định theo góp ý tại văn bản số 6652/BNN-KH ngày 05/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đề nghị Tổng cục Thống kê nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tưu hoàn thiện dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- Lưu: VT, KH.

TL.BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trần Gia Long

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VỤ TỔNG HỢP KTQD

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Phúc đáp đề nghị của Quý Tổng cục về góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (gọi tắt là dự thảo Nghị định) thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia, Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân có ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Về cơ sở pháp lý, đề nghị Quý Tổng cục rà soát, bổ sung đầy đủ căn cứ pháp lý quy định tại *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật thống kê* (Luật số 01/2021/QH15) dẫn đến việc phải xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/4/2018.

- Theo khoản 1 Điều 41 Luật Thống kê quy định: *"**Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia** được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia"*.

Về nội dung các chỉ tiêu thống kê quốc gia, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP. Đồng thời, dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trình Chính phủ xem xét phê duyệt. Do đó, khi dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2022/NĐ-CP được thông qua, đề nghị Quý Tổng cục rà soát, đảm bảo nội dung, biểu mẫu báo cáo thực hiện chế độ thống kê cấp quốc gia phải phù hợp với quy định của Luật Thống kê, Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022.

2. Đối với dự thảo Nghị định

- Tại Điều 1 dự thảo Nghị định nêu: *"Nghị định này quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia..."* tuy nhiên, Nghị định không quy định nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia đối với các chỉ tiêu thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê

chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp. Đề nghị làm rõ nội dung này tại dự thảo Tờ trình và nội dung Nghị định và biểu mẫu kèm theo Nghị định.

- Tại khoản 9 Điều 3 về Phương thức gửi báo cáo, đề nghị nghiên cứu quy định báo cáo theo chế độ báo cáo điện tử, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với Phần II Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo:

Mục 24. Biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành sử dụng vốn đầu tư công, để phục vụ biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP, gồm 3 biểu: (1) Kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng; (2) Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm; (3) Danh mục các dự án, công trình thực hiện thuộc nguồn vốn đầu tư công do bộ, ngành sử dụng. Biểu (2 và Biểu (3) có nội dung thống kê ghi tại biểu giống nhau, đối với Biểu (2), cách ghi biểu Quý 1 năm báo cáo là toàn bộ danh sách dự án hoàn thành/dự kiến hoàn thành trong năm báo cáo sẽ trùng với nội dung đã được báo cáo ở Biểu (3).

Tại nội dung giải thích biểu số 3 (trang 13), đề nghị sửa đổi, bổ sung khái niệm về kế hoạch vốn đầu tư công như sau:

"Kế hoạch vốn đầu tư công: Là số kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước giao cho các bộ, cơ quan trung ương tại Quyết định ***và Thông báo của cấp có thẩm quyền*** *về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm. Kế hoạch vốn đầu tư công trong năm báo cáo gồm cả kế hoạch vốn được giao trong năm và kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm báo cáo".*

Bên cạnh đó, các biểu về kế hoạch/dự án đầu tư công do bộ, ngành sử dụng hiện nay đang được tổng hợp trên Hệ thống Thông tin về đầu tư công. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân đang chủ trì xây dựng dự thảo Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về việc lập, thẩm định, giao, điều chỉnh, theo dõi, đánh giá kế hoạch chương trình, dự án đầu tư công trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công, đề nghị Quý Tổng cục rà soát, phối hợp để xây dựng chế độ báo cáo chung, tránh trùng lặp và tăng thủ tục hành chính trong quá trình ban hành Nghị định.

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Vụ Tổng hợp KTQD, đề nghị Quý Tổng cục nghiên cứu, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Vụ TH.

VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Tâm

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1225 /BLĐTBXH-VPC	*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024*
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) có ý kiến như sau:

- Nhất trí với nội dung thay đổi của Dự thảo Nghị định so với Nghị định số 60/2018/NĐ-CP của Chính phủ liên quan đến việc bổ sung 02 chỉ tiêu của Bộ LĐTBXH về "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo" và "Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp".

- Tuy nhiên đối với chỉ tiêu "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo", theo quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ, thì đây là chỉ tiêu kép gồm: (i) Tỷ lệ lao động số qua đào tạo có bằng, chứng chỉ (%); (ii) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo.

Hiện nay, chỉ tiêu "Tỷ lệ lao động số qua đào tạo có bằng, chứng chỉ" thuộc trách nhiệm của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) triển khai thu thập báo cáo thông qua cuộc Điều tra lao động – việc làm hàng quý; trong khi chỉ tiêu "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo" chỉ được Bộ LĐTBXH báo cáo tổng hợp hàng năm.

Do vậy, để phù hợp với quy định trong dự thảo Nghị định về báo cáo hàng quý đối với "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo", đề nghị Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) bổ sung thêm các câu hỏi trong phiếu Điều tra lao động – việc làm để thu thập báo cáo "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo".

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ để hoàn thiện dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Bá Hoan

Cơ quan: Bộ Ngoại giao
Email: ttll.mfa@mofa.gov.vn
Thời gian ký: 07.02.2024 08:53:35 +07:00

BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 680 /BNG-QTTV	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Quý Bộ về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, trong phạm vi lĩnh vực phụ trách, Bộ Ngoại giao nhất trí và không có ý kiến bổ sung.

Bộ Ngoại giao xin gửi ý kiến nêu trên để Quý Bộ tổng hợp và trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: HC, QTTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hằng

ỦY BAN DÂN TỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số:210 /UBDT-KHTC V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày* 01 *tháng* 02*năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

Ủy ban Dân tộc nhất trí với kết cấu và nội dung của dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định và Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo Thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc gửi Quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Tổng cục Thống kê;
- Lưu VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Nông Thị Hà

SAO Y KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
Thời gian ký: 02/02/2024 16:14:01 +07:00

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 147/KTNN-PC	*Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024*
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(qua Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê)

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; sau khi nghiên cứu Dự thảo văn bản, Kiểm toán nhà nước nhất trí với nội dung của dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Trên đây là ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Kiểm toán nhà nước trân trọng gửi Quý cơ quan nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng KTNN (để b/c);
- Phó Tổng KTNN Đặng Thế Vinh;
- Lưu: VT, PC.

KT. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Đặng Thế Vinh

THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 183 /TTCP-KHTH V/v cho ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày02 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thanh tra Chính phủ nhận được Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Sau khi nghiên cứu, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau:

Về cơ bản, Thanh tra Chính phủ nhất trí với các nội dung của dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Ngoài ra, Thanh tra Chính phủ đề nghị bổ sung vào Tờ trình Chính phủ lý do điều chỉnh tăng thêm 03 chỉ tiêu báo cáo đối với Bộ, ngành sử dụng vốn đầu tư công (theo các mẫu báo cáo 001.Q/BCB-VĐTC; 002.Q/BCB-VĐTC; 003.Q/BCB-VĐTC theo Phụ lục đính kèm Nghị định). Đồng thời, do các chỉ tiêu này ít biến động trong năm, để giảm thủ tục hành chính, Thanh tra Chính phủ đề xuất điều chỉnh kỳ của 03 báo cáo này từ "*Quý*" sang *"Năm"*.

Trên đây ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Thanh tra Chính phủ trân trọng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, xem xét và tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng TTCP (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Đặng Công Huẩn;
- Lưu: VT, Vụ KHTH.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

Đặng Công Huẩn

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 189/TNVN-VP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024*
V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đài Tiếng nói Việt Nam (Đài TNVN) nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK, ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi nghiên cứu, Đài TNVN nhất trí với dự thảo Nghị định trên do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng và không có ý kiến khác.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, VP (KTPC).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Hùng

BAN QUẢN LÝ LĂNG **CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70 /BQLL-VP V/v tham gia ý kiến đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh có báo cáo như sau:

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Tờ trình, Nghị định Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh nhất trí với các Dự thảo nêu trên.

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng cục Thống kê, Bộ KHĐT;
- Lãnh đạo BQL Lăng;
- Văn phòng BQL Lăng;
- Lưu: VT, KHTC. S06.

TRƯỞNG BAN

Phạm Hải Trung

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 148/TTX-VP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2024*
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Sau khi nghiên cứu, Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) nhận thấy dự thảo đã bám sát nội dung quy định tại Luật Thống kê (sửa đổi) và khắc phục những hạn chế, vướng mắc khi thực hiện Nghị định 60/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/4/2018 về việc quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở đó, TTXVN nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến khác. Xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, VP (THKTPC).

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Nguyễn Tuấn Hùng

→TTĐL

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 150 /THVN-VP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024*

V/v góp ý dự thảo Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 382
Ngày: 30.01.2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

VỤ CTTĐL VÀ UDCNCTTHỐNG KÊ
ĐẾN Số: 427 (E)
Ngày: 02/02/2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Gồm: dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục (gọi tắt là Dự thảo).

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Đài Truyền hình Việt Nam đã nghiên cứu và nhất trí với nội dung của Dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/cáo);
- VP (P.TKTHPC);
- Lưu: VT, VP.

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Lê Quyền

Ký bởi: Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
Ngày ký: 01-04-2024 15:00:19

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 604/UBQLV-PCKS V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2024*

HỎA TỐC
Đến trước ngày .....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin thống kê)

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Ủy ban) nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định). Sau khi nghiên cứu, Ủy ban có một số ý kiến như sau:

1. Theo nội dung Dự thảo Nghị định và Phụ lục I quy định về danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê (kèm theo Dự thảo Nghị định), Ủy ban là đơn vị không thuộc danh mục thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê, do vậy, Ủy ban không có ý kiến đối với nội dung Dự thảo Nghị định.

2. Đối với việc xây dựng Dự thảo Nghị định "*theo trình tự, thủ tục rút gọn*", đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát thủ tục đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015[1], Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2016[2] và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nội dung Dự thảo Nghị định có liên quan đến hoạt động của một số doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu. Vì vậy, đề nghị Quý Bộ gửi lấy ý kiến góp ý của các doanh nghiệp (trong đó có các Tập đoàn, Tổng công ty) chịu tác động bởi chính sách.

Ủy ban trân trọng phúc đáp Quý Bộ để tổng hợp, hoàn thiện Dự thảo Nghị định, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch Ủy ban (để b/c);
- PCTUB Nguyễn Cảnh Toàn (để b/c);
- Vụ trưởng Vụ Pháp chế, KSNB (để b/c);
- Lưu: VT, PCKS.

HG

TL. CHỦ TỊCH
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Vũ Thị Nhung

[1] Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015[1] sửa đổi, bổ sung ngày 18 tháng 6 năm 2020;
[2] Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 0173 /LĐTM-PC V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024*

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 458
Ngày: 05.02.2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 17/01/2024, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK của Quý Cơ quan về việc góp ý **Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia** (sau đây gọi tắt là Dự thảo).

VCCI đã tiến hành triển khai lấy ý kiến rộng rãi của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trên phạm vi cả nước là đối tượng chịu sự tác động của Dự thảo này bằng phương thức đăng tải công khai trên trang web www.vibonline.com.vn của VCCI.

Tuy nhiên, đến nay VCCI chưa nhận được ý kiến nào liên quan đến Dự thảo. Vậy, VCCI thông báo để Quý Cơ quan được biết và sẽ chuyển tới Quý Cơ quan các góp ý được gửi tới sau này (nếu có).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thường trực (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

TL. CHỦ TỊCH
KT. TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ
PHÓ TRƯỞNG BAN

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

Phạm Ngọc Thạch

TCTC

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CỔNG TTĐT CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 226 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 13397
Ngày: 20.03.2024
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ trì soạn thảo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- VPCP: Vụ KTTH, PL;
- TGĐ;
- Lưu: VT, DLĐT. PH

TỔNG GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ * CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

Nguyễn Hồng Sâm

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TP. HÀ NỘI

Số: 71/CTK-TTTT
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Cục thu thập và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Thực hiện Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/20224 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn bản số 901/VP-KTTH của UBND Thành phố về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê đồng ý với nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, Cục Thống kê trân trọng gửi Quý Cục để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Lưu: VT, TTTT.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Đậu Ngọc Hùng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 96/CTK-TTTT V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hà Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 248/UBDN-KTTH ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc giao Cục Thống kê tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia theo văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024. Sau khi phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, Cục Thống kê Hà Giang hoàn toàn nhất trí với các dự thảo:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

(2) Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục (phụ lục 1 và phụ lục 2);

(3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia của ngành Thống kê và đơn vị có liên quan, Cục Thống kê Hà Giang tổng hợp và trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh Hà Giang (Báo cáo);
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TTTT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THỐNG KÊ TỈNH HÀ GIANG

Tăng Bá Tuyên

TKDT

3

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 903/UBND-TH V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Cao Bằng, ngày 18 tháng 4 năm 2024*

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 380
Ngày: 20/4/2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thông tin thống kê - Tổng cục Thống kê

Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhận được Công văn số 581/TCTK-TTDL ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Tổng cục Thống kê, về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi nghiên cứu, xem xét nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia và các văn bản liên quan gửi kèm. Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định và có góp ý như sau:

CỤC TTDL VÀ ỨDCNTT THỐNG KÊ
Số: 157(E-G)
Ngày: 23/4/2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Phần Phụ lục II, Biểu mẫu báo cáo và giải thích áp dụng đối với Bộ Công An

+ Biểu 002.H/BCB-CA "Tai nạn giao thông" và Biểu 003.H/BCB-CA "Tình hình cháy, nổ": Phần giải thích khái niệm, phương pháp tính có định nghĩa: "Người chết do tai nạn giao thông gồm toàn bộ số người bị chết do các tai nạn giao thông gây ra"; "Người chết do cháy, nổ gồm toàn bộ số người bị chết do các vụ cháy, nổ gây ra". Tuy nhiên, nhiều trường hợp khi xảy ra tai nạn, cháy nổ, người bị nạn bị thương, sau đó đi cấp cứu, điều trị một thời gian sau mới chết, do đó đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn để thống nhất cách hiểu, phương pháp tính trong toàn quốc, bảo đảm thống nhất số liệu.

+ Biểu 004.H/BCB-CA có tên biểu: "Tình hình cứu hộ, cứu nạn trong phòng cháy và chữa cháy", đề nghị đổi tên Biểu mẫu thành: "Tình hình cứu hộ, cứu nạn", bỏ cụm từ "trong phòng cháy và chữa cháy", do trong biểu mẫu thống kê có những sự cố, tai nạn không thuộc các vụ cháy mà thuộc các vụ tai nạn, sự cố như: Sập, đổ nhà, công trình, thiết bị, máy móc, cây cối; Sạt lở đất, đá; Có người bị mắc kẹt trong nhà, công trình, trên cao, dưới sâu, trong thiết bị, trong hang, hầm; công trình ngầm; Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa khi có yêu cầu; Đuối nước tại sông, suối, thác nước, hồ, ao, giếng nước, hố sâu có nước, bãi tắm... do đó, nên bỏ cụm từ "trong phòng cháy và chữa cháy" tại tên Biểu mẫu tránh gây hiểu nhầm cho cán bộ thống kê và bảo đảm tính hợp lý của biểu mẫu.

Tại phần giải thích biểu mẫu, mục khái niệm, phương pháp tính có nội dung: "Cứu hộ là hoạt động cứu phương tiện, tài sản khỏi nguy hiểm do sự cố, tai nạn, bao gồm: Phát hiện, định vị, mở lối tiếp cận phương tiện, tài sản bị nạn,

bố trí phương tiện, dụng cụ, lực lượng cứu nạn, cứu hộ; xác định, ngăn chặn, loại bỏ các yếu tố nguy hiểm đe dọa an toàn phương tiện, tài sản; đưa phương tiện, tài sản khỏi vị trí nguy hiểm và các biện pháp khác đưa phương tiện, tài sản đến vị trí an toàn". Tuy nhiên, tại biểu mẫu không có cột, hàng thể hiện hoạt động cứu phương tiện, tài sản khỏi nguy hiểm, sự cố, tai nạn... đề nghị thêm cột, hàng đối với chỉ tiêu cứu hộ hoặc nếu không thêm cột, hàng chỉ tiêu cứu hộ thì bỏ phần giải thích khái niệm cứu hộ do không cần thiết, không phục vụ để giải thích chỉ tiêu nào trong biểu mẫu.

+ Biểu 005.N/BCB-CA "Hệ số an toàn giao thông đường bộ": Có một số số liệu trong Biểu 005.N/BCB-CA không phải do lực lượng Công an trực tiếp chủ trì, theo dõi như: "Dân số trung bình", "Tổng số km đường bộ", do đó đề nghị Nghị định quy định rõ trách nhiệm trao đổi, phối hợp giữa các đơn vị liên quan, cung cấp kịp thời, chính xác số liệu trong thực hiện biểu mẫu.

Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng kính gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê - Tổng cục Thống kê để tổng hợp./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP;
- Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Nguyễn Bích Ngọc

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:175 /CTK-TKTH
V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: - Cục thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT Thống kê
- UBND tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện công văn số 581/TCTK-TTDL ngày 2 tháng 4 năm 2024 của Tổng cục Thống kê về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Thực hiện Công văn số 2084/UBND-TH ngày 02/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao cho Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu và thực hiện các nội dung công văn số 581/TCTK-TTDL ngày 02/4/2024 của Tổng cục Thống kê về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Ngày 04/4/2024 Cục Thống kê Bắc Kạn đã có công văn số 170/CTK-TKTH gửi các sở, ban, ngành liên quan tham gia đóng góp ý kiến với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi tổng hợp các ý kiến tham gia, đóng góp của các sở, ngành và các đơn vị liên quan vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn báo cáo cụ thể như sau:

Đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia về cơ bản các đơn vị, sở ngành hoàn toàn nhất trí và xin có ý kiến bổ xung thêm đối với chế độ báo cáo của Bộ công an.

+ Tại "dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia" đối với Bộ Công an có thêm biểu mẫu báo cáo "Tình hình cứu hộ, cứu nạn trong phòng cháy và chữa cháy".

+ Tuy nhiên, tại "dự thảo Tờ trình" chưa làm rõ nguyên nhân, sự cấp thiết cần phải bổ sung biểu mẫu trên vào chế độ báo cáo thống kê. Vì vậy đề nghị Tổng cục Thống kê, đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo bổ sung thêm nội dung những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn, sự cấp thiết vào "dự thảo Tờ trình"

Cục Thống kê Bắc Kạn báo cáo Cục thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT Thống kê, Tổng cục Thống kê để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền theo quy định./.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC KẠN
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thị Minh Quyên

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Cục (để b/c);
- Lưu: VT, TKTH.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TUYÊN QUANG

Số: 20 /CTK-TH
V/v tham gia góp ý dự thảo.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: - Tổng cục Thống kê;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Văn bản số 270/UBND-TH ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi nghiên cứu dự thảo và trên cơ sở tổng hợp các ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành có liên quan. Cục Thống kê Tuyên Quang nhất trí với các nội dung đã nêu trong dự thảo, bao gồm: Dự thảo Tờ trình chính phủ; Dự thảo Nghị định và Phụ lục; Dự thảo báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Cục Thống kê Tuyên Quang trân trọng góp ý./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Cục trưởng, PCT CTK TQ;
- Lưu VT-TH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TUYÊN QUANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Lê Thị Thu Nga

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 666 /UBND-TH V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Lào Cai, ngày 06 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin, Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; văn bản dự thảo gồm có:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

(2) Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục gồm:

- Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê;

- Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành.

(3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu các bản dự thảo nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến bổ sung.

Đề nghị Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin, Tổng cục Thống kê tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng cục Thống kê;
- TT. UBND tỉnh;
- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH4.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Trịnh Xuân Trường

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /CTK-TH
V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Điện Biên, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Thực hiện Công văn số 313/UBND-TH ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Cục Thống kê được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo; và tổng hợp ý kiến tham gia bằng văn bản gửi trực tiếp Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh (để báo cáo) trước ngày 02/02/2024.

Ngày 19/01/2024, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên đã ban hành Công văn số 40/CTK-TH về việc tham gia ý kiến đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, gửi các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố.

Tính đến 16 giờ 00 phút, ngày 30/01/2024 Cục Thống kê tỉnh Điện Biên đã nhận được 16 ý kiến nhất trí và có một ý kiến (Sở Tư pháp) tham gia góp ý vào Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị định

a) Điều 2 về Đối tượng áp dụng, đề nghị sửa như sau để quy định được ngắn gọn "Các cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, bao gồm: Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Ban Tổ chức Trung ương Đảng (sau đây gọi tắt là bộ, ngành)".

b) Điều 3 về Nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm quy định về "Thời gian chốt số liệu báo cáo" để quy định được đầy đủ.

- Khoản 7, đề nghị sửa nội dung "Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch và được quy định cụ thể của từng biểu mẫu báo cáo thống kê, bao gồm:" như sau để bảo đảm tính chính xác "Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch và được quy định cụ thể trong từng biểu mẫu báo cáo thống kê, bao gồm:"; thiết kế lại khoản 7 theo bố cục các điểm (a, b, c ...) để phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Khoản 10 đề nghị sửa như sau để bảo đảm phù hợp với ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật: "10. Biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia gồm danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này), biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

c) Phần Nơi nhận, đề nghị bổ sung cơ quan nhận văn bản "Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp".

2. Đối với Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị định

a) Phụ lục I

- Cột "Ngày nhận báo cáo" đề nghị sửa thành "Ngày nhận báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo" để nội dung được đầy đủ.

- Đối với các báo cáo tại số thứ tự 74, 75, 76, 81, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại nội dung tại cột Ngày nhận báo cáo "Số liệu năm (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12) trước năm báo cáo và năm báo cáo" để quy định được rõ ràng, thống nhất, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.

b) Phụ lục II, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo để nội dung được đầy đủ, cụ thể. Ngoài các nội dung trên, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát các lỗi chính tả, thể thức, kỹ thuật trình bày để bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là tổng hợp ý kiến tham gia góp ý của tỉnh Điện Biên, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐIỆN BIÊN
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Bùi Văn Thường

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
THANH TRA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81 /TTr-VP
V/v tham gia dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Điện Biên, ngày 30 tháng 01 năm 2024

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 438
Ngày: 03.02.2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: - Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh Điện Biên.

Thực hiện Văn bản số 313/UBND-TH ngày 19/01/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định, Thanh tra tỉnh có ý kiến như sau:

- Tại Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, đề nghị chia tách thành các Điều chi tiết nhằm quy định tách bạch, cụ thể nội dung chế độ báo cáo, nội dung chia tách như sau:

+ Điều 3. Mục đích

+ Điều 4: Phạm vi thống kê

+ Điều 5: Đối tượng áp dụng

+ Điều 6: Chế độ thông tin báo cáo (bao gồm: Đơn vị báo cáo, nhận báo cáo, ký hiệu biểu, kỳ báo cáo, thời hạn nhận báo cáo, phương thức gửi báo cáo, biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê).

- Tại khoản 1 điều 4. "Nghị định này có hiệu lực từ ngày .... tháng.... năm 2024", đề nghị điều chỉnh thành "Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký".

Thanh tra tỉnh gửi Tổng cục Thống kê và Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên tổng hợp báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

CHÁNH THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THANH TRA VIỆT NAM
THANH TRA TỈNH ĐIỆN BIÊN

Phan Văn Thống

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63 /CTK-TH V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Lai Châu, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê
Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 331/UBND-TH ngày 24/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao Cục Thống kê tỉnh tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia, theo nội dung Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, qua nghiên cứu các dự thảo; Cục Thống kê Lai Châu nhất trí với các dự thảo:

1- Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

2- Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục kèm theo;

3- Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến tham gia dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia; Cục Thống kê Lai Châu (báo cáo thay UBND tỉnh) báo cáo Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê, Tổng cục Thống kê theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận: - Như trên - UBND tỉnh Lai Châu; - Lãnh đạo Cục; - Lưu: VT, NV.	**CỤC TRƯỞNG** CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM CỤC THỐNG KÊ TỈNH LAI CHÂU TỔNG CỤC THỐNG KÊ **Lê Lâm Bằng**

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**
Số: 1524 /UBND- TH V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thu tập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê- Tổng cục Thống kê.

Thực hiện công văn số 581/ TCTK-TTDL ngày 02/4/2024 của Tổng cục Thống kê về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

UBND tỉnh Sơn La báo cáo Tổng cục Thống kê, Cục Thu tập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê- Tổng cục Thống kê các nội dung sau:

1. UBND tỉnh không nhận được công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đã liên hệ với Cục Thu tập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê- Tổng cục Thống kê xin lại văn bản này.

2. Sau khi nghiên cứu các dự thảo văn bản gửi kèm theo công văn số 460/BKHĐT-TCTK, UBND tỉnh Sơn La nhất trí với các dự thảo văn bản.

Trân trọng báo cáo Cục Thu tập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê- Tổng cục Thống kê tổng hợp./.

Nơi nhận: - Như trên; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c); - Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c); - Các đ/c PCT UBND tỉnh; - Cục Thống kê tỉnh; - VP UBND tỉnh (LĐ, phòng TH); - Lưu: VT, TH (V.Hải).	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Lê Hồng Minh**

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:103/CTK-TH
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

Yên Bái, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:
- Tổng cục Thống kê;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Thực hiện Văn bản số 460//BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Văn bản số 216/UBND-TKTH ngày 18/01/2024, Cục Thống kê tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu nội dung: (i) dự thảo Tờ trình Chính phủ, (ii) dự thảo Nghị định của Chính phủ, (iii) dự thảo Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Qua nghiên cứu và tổng hợp ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành cơ bản đều nhất trí với nội dung của các dự thảo và tham gia thêm vào nội dung Phụ lục I như sau:

Đối với Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê (áp dụng đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Ký hiệu biểu số 001.N/BCB-KHĐT, đề nghị nghiên cứu, chuyển nhiệm vụ báo cáo sang Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện *(theo mục số 21, phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021),* chỉ tiêu này thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Trên đây là tổng hợp tham gia dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, thừa lệnh Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, Cục Thống kê tỉnh Yên Bái trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Đào Thị Thanh Vân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 148 /UBND-THNV V/v tham gia góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hoà Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến vào Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia ý kiến với các nội dung sau:

I. Cơ bản nhất trí với các nội dung của Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia và Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo.

II. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung liên quan đến Biểu áp dụng cho các bộ ngành với nội dung cụ thể sau:

1. Biểu mẫu số 005.N/BCB-GDĐT

- Học sinh tốt nghiệp giáo dục phổ thông đưa vào kỳ báo cáo ngày 31/3 năm sau năm báo cáo có thể gây khó khăn cho cơ sở giáo dục do thống kê giáo dục thực hiện theo năm học, học sinh tốt nghiệp các cấp học vào tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, sang tháng 9 hàng năm ngành giáo dục đã thực hiện thống kê cho năm học mới, do vậy số liệu tốt nghiệp là của năm học trước.

2. Biểu mẫu Báo cáo 003.H/BCB-TC

- Tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

Báo cáo tháng ngày nhận báo cáo là Ngày 01 hàng tháng (số liệu tháng trước tháng báo cáo). Để nghị sửa đổi nhận báo cáo là Ngày 05 hàng tháng (số liệu tháng trước tháng báo cáo)

Báo cáo Quý I ngày nhận báo cáo là ngày 01 tháng 4: Số liệu quý I (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/3) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo. Để nghị sửa đổi nhận báo cáo là Ngày 05 tháng 4: Số liệu quý I (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/3) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo.

Báo cáo Quý II ngày nhận báo cáo là ngày 01 tháng 7: Số liệu quý I (từ

ngày 01/4 đến hết ngày 30/6) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo. Để nghị sửa đổi nhận báo cáo là Ngày 05 tháng 7: Số liệu quý II (từ ngày 01/4 đến hết ngày 30/6) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo.

Báo cáo Quý III ngày nhận báo cáo là ngày 01 tháng 10: Số liệu quý I (từ ngày 01/7 đến hết ngày 30/9) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo. Để nghị sửa đổi nhận báo cáo là Ngày 05 tháng 10: Số liệu quý III (từ ngày 01/4 đến hết ngày 30/6) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo.

Báo cáo năm ngày nhận báo cáo là Ngày 01 tháng 01 năm sau năm báo cáo: Số liệu năm (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) trước năm báo cáo và năm báo cáo. Để nghị sửa đổi nhận báo cáo là Ngày 05 tháng 01 năm sau năm báo cáo: Số liệu năm (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) trước năm báo cáo và năm báo cáo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, THNV (D)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Công Sứ

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HÒA BÌNH

Số: 98 /CTK-TKTH
V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Bình, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân tỉnh

Cục Thống kê tỉnh nhận được công văn số 625/VPUBND-THNV, ngày 19/01/2024 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc tổng hợp ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Cục Thống kê Hòa Bình đã ban hành công văn số 78/CTK-TKTH gửi các sở, ban, ngành có liên quan tham gia góp ý vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Qua tổng hợp ý kiến của các sở, ban, ngành có liên quan tham gia góp ý. Về cơ bản đều đồng thuận với:

- Tờ trình Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

- Nghị định Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

- Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Bên cạnh đó một số đơn vị có một số ý kiến kiến nghị như sau:

- Sở giáo dục và đào tạo có kiến nghị. Biểu mẫu số 005.N/BCB-GDĐT - Học sinh tốt nghiệp giáo dục phổ thông đưa vào kỳ báo cáo ngày 31/3 năm sau năm báo cáo có thể gây khó khăn cho cơ sở giáo dục do thống kê giáo dục thực hiện theo năm học, học sinh tốt nghiệp các cấp học vào tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, sang tháng 9 hàng năm ngành giáo dục đã thực hiện thống kê cho năm học mới, do vậy số liệu tốt nghiệp là của năm học trước.

- Kho bạc nhà nước kiến nghị sửa đổi mẫu Báo cáo 003.H/BCB TC - Tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

Báo cáo tháng ngày nhận báo cáo là Ngày 01 hàng tháng (số liệu tháng trước tháng báo cáo). Đề nghị sửa đổi nhận báo cáo là **Ngày 05 hàng tháng (số liệu tháng trước tháng báo cáo)**

Báo cáo Quý I ngày nhận báo cáo là ngày 01 tháng 4: Số liệu quý I (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/3) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo. Đề nghị sửa đổi nhận báo cáo là **Ngày 05 tháng 4: Số liệu quý I (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/3) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo.**

Báo cáo Quý II ngày nhận báo cáo là ngày 01 tháng 7: Số liệu quý I (từ ngày 01/4 đến hết ngày 30/6) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo. Để nghị sửa đổi nhận báo cáo là **Ngày 05 tháng 7: Số liệu quý II (từ ngày 01/4 đến hết ngày 30/6) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo.**

Báo cáo Quý III ngày nhận báo cáo là ngày 01 tháng 10: Số liệu quý I (từ ngày 01/7 đến hết ngày 30/9) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo. Để nghị sửa đổi nhận báo cáo là **Ngày 05 tháng 10: Số liệu quý III (từ ngày 01/4 đến hết ngày 30/6) năm báo cáo và số liệu cùng kỳ năm trước năm báo cáo.**

Báo cáo năm ngày nhận báo cáo là Ngày 01 tháng 01 năm sau năm báo cáo: Số liệu năm (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) trước năm báo cáo và năm báo cáo. Để nghị sửa đổi nhận báo cáo là **Ngày 05 tháng 01 năm sau năm báo cáo: Số liệu năm (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) trước năm báo cáo và năm báo cáo.**

Trên đây là tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan. Cục Thống kê tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Lưu: VT, TKTH (D).

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH HÒA BÌNH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Văn Thạch

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 81 /CTK-TKTH

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo Thống kê quốc gia

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:
- Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng TTTK, Tổng cục Thống kê;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 319/UBND-TH ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và đầu tư tại Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024.

Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê nhất trí với các tài liệu dự thảo Nghị định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia bao gồm:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ.

2. Dự Thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia.

3. Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo Thống kê quốc gia ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH THÁI NGUYÊN
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Quang

13

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 146 /UBND-TH	*Lạng Sơn, ngày 29 tháng 01 năm 2024*

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Lạng Sơn nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.

UBND tỉnh Lạng Sơn kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng cục Thống kê;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thông kê;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VP, TH (VMĐ).

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Phạm Hùng Trường

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 214 /CTK-TH

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Báo cáo thống kê cấp quốc gia

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 391/UBND-TKTH ngày 19/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Báo cáo thống kê cấp quốc gia và Công văn số 581/TCTK-TTDL ngày 02/4/2024 của Tổng cục Thống kê về xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Báo cáo thống kê cấp quốc gia. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổng hợp ý kiến tham gia của sở, ban, ngành đối với dự thảo Nghị định trên, kết quả tổng hợp ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ: 100% sở, ban, ngành đều nhất trí với bố cục, nội dung của dự thảo Tờ trình.

2. Về dự thảo Nghị định và 02 phụ lục: 100% sở, ban, ngành đều nhất trí với bố cục, nội dung của dự thảo Nghị định và 02 phụ lục.

3. Về Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ: 100% sở, ban, ngành đều nhất trí với bố cục, nội dung của báo cáo.

Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh trân trọng báo cáo Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT,TH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH QUẢNG NINH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Ngô Thị Vân

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC GIANG

Số: 30 /CTK-TH

V/v tham gia góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng Cục Thống kê

Thực hiện nội dung Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia. Công văn số 383/UBND-TH, ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh về thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo đồng thời xin ý kiến một số cơ quan có liên quan trên địa bàn, Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang có một số nội dung góp ý như sau:

1. Tại Phụ lục I, Biểu mẫu báo cáo 001.H/BCB-TC; 002.H/BCB-TC đề nghị ngày nhận báo cáo tháng, quý, năm là: Ngày 05 hàng tháng; ngày 05 tháng 4; ngày 05 tháng 7; ngày 05 tháng 10 và ngày 05 tháng 01 năm sau năm báo cáo, không để ngày nhận báo cáo là ngày 01 hàng tháng như dự thảo.

Lý do, sau 05 ngày thì số liệu tổng hợp sẽ đầy đủ hơn, chính xác hơn, do các báo cáo tháng, quý được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu từ cơ quan Kho bạc nhà nước, liên quan đến việc điều tiết ngân sách các cấp thường có độ trễ nhất định, trong thực tế thường trễ từ 2-3 ngày làm việc.

2. Phần trình bày Phụ lục: dưới Tên phụ lục có đường kẻ ngang; đánh số trang (Phụ lục II) theo quy định tại Điều 76, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

Được sự ủy quyền của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, Cục Thống kê trân trọng báo cáo. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin, Tổng cục Thống kê) nghiên cứu, tiếp thu./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC GIANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Đồng Văn Sủng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ

Số: 64 /CTK-TKTH

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê - Tổng cục Thống kê

Thực hiện Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Văn bản số 325/UBND-KTTH ngày 19/01/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc giao Cục Thống kê chủ trì tham gia ý kiến đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi triển khai nghiên cứu Dự thảo, bao gồm: (i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (ii) Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục; (iii) Dự thảo Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ; tỉnh Phú Thọ nhất trí với các nội dung trong Dự thảo.

Trên đây là ý kiến tham gia vào Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia của tỉnh Phú Thọ, trân trọng gửi Tổng cục Thống kê để tổng hợp, hoàn thiện Dự thảo./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- UBND tỉnh: BC;
- CT, các PCT Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Hiền Minh

17

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:61 /CTK-TKTH V/v tham gia góp ý vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

Thực hiện Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (viết gọn là Dự thảo). UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Văn bản số 685/UBND-KT5 ngày 25/01/2024 giao các Sở, ngành, UBND các huyện/thành phố tham gia góp ý vào Dự thảo; gửi Cục Thống kê tỉnh để tổng hợp, báo cáo Tổng cục Thống kê theo yêu cầu.

Cục Thống kê tỉnh thực hiện chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện/thành phố theo nội dung Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh. Qua nghiên cứu Dự thảo Tờ trình Chính phủ; Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục kèm theo; Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ và tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành, UBND các huyện/thành phố; tỉnh Vĩnh Phúc hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì thêm.

Trên đây là ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị định của các Sở, ngành, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Cục Thống kê tỉnh tổng hợp báo cáo Tổng cục Thống kê, UBND tỉnh./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lãnh đạo Cục; - Lưu: VT, TH.	**CỤC TRƯỞNG** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CỤC THỐNG KÊ TỈNH VĨNH PHÚC TỔNG CỤC THỐNG KÊ **Nguyễn Hồng Phong**

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

Số: 60 /CTK-TKTH
V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:
- Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (sau đây viết gọn lại là dự thảo Nghị định) và Công văn số 309/UBND-KTTH ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao cho Cục Thống kê Bắc Ninh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định nêu trên;

Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức triển khai thực hiện thông qua Công văn số 53/CTK-TKTH ngày 29/01/2024 cho các đơn vị thuộc Cục Thống kê và các cơ quan, đơn vị sở ban ngành có liên quan để lấy ý kiến tham gia dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Kết quả tổng hợp ý kiến từ ý kiến của các đơn vị có liên quan của tỉnh cho thấy: Tỉnh Bắc Ninh hoàn toàn nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, bao gồm:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

(2) Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục gồm:

- Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê;
- Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành.

(3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Vậy, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh trân trọng gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp; đồng thời báo cáo UBND tỉnh Bắc Ninh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- VPUBND tỉnh;
- LĐ Cục;
- Lưu: TKTH, VT.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Vũ Minh Giang

Phụ lục VI

BIỂU MẪU BÁO CÁO VỀ LĨNH VỰC XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông tư số ...../2022/TT-BKHĐT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu số: 002.N/BCC-XHMT
Ban hành kèm theo thông tư số ...../2022/TT-BKHĐT ngày ...../...../2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Ngày nhận báo cáo: Ngày 30 tháng 11 năm báo cáo

BÁO CÁO CHÍNH THỨC
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
(Có tại ngày 30 tháng 9 năm 20...)

- Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê.....
- Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra	
				Công lập	Tư thục
A	B	C	1	2	3
1. Trường học	01	Trường			
- Trường tiểu học	02	"			
Trong đó: Trường đạt chuẩn quốc gia	...	"			
- Trường trung học cơ sở	03	"			
Trong đó: Trường đạt chuẩn quốc gia	...	"			
- Trường trung học phổ thông	04	"			
Trong đó: Trường đạt chuẩn quốc gia	...	"			
- Trường tiểu học và trung học cơ sở	06	"			
Trong đó: Trường đạt chuẩn quốc gia	...	"			
- Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông	07	"			
Trong đó: Trường đạt chuẩn quốc gia	...	"			
- Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông	08	"			
Trong đó: Trường đạt chuẩn quốc gia	...	"			
2. Lớp học	10	Phòng			
3. Phòng học	11	Phòng			
4. Giáo viên	24	Người			
a. Tiểu học	25	"			
Trong tổng số:					
- Nữ	26	Người			
- Dân tộc thiểu số	27	"			

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra	
				Công lập	Tư thục
A	B	C	1	2	3
- Có bằng cử nhân		"			
- Có bằng Thạc sĩ trở lên	...	"			
- Đạt chuẩn trở lên	28	Người			
b. Trung học cơ sở	29	Người			
Trong tổng số:					
- Nữ	30	Người			
- Dân tộc thiểu số	31	"			
- Có bằng cử nhân		"			
- Có bằng Thạc sĩ trở lên	...	"			
- Đạt chuẩn trở lên	32	Người			
c. Trung học phổ thông	33	"			
Trong tổng số:					
- Nữ	34	Người			
- Dân tộc thiểu số	35	"			
- Có bằng cử nhân		"			
- Có bằng Thạc sĩ trở lên	...	"			
- Đạt chuẩn trở lên	36	Người			
5. Học sinh	37				
6. Số học sinh bình quân một giáo viên	56				
7. Số học sinh bình quân một lớp học	60				

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập biểu	Người kiểm tra biểu	Cục trưởng
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1242 /UBND-VP V/v tham gia ý kiến về Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Hải Dương, ngày 08 tháng 4 năm 2024*

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng cục Thống kê.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công văn số 581/TCTK-TTDL ngày 02/4/2024 của Tổng cục Thống kê về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nhất trí với các nội dung Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê xin ý kiến gồm:

- Dự thảo Tờ trình Chính phủ;
- Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục kèm theo;
- Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương báo cáo để Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu. VT, TH.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Nguyễn Viết Hải

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TP HẢI PHÒNG

Số: 90 /CTK-TH
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ TTTK,
Tổng cục Thống kê

Thực hiện Văn bản số 581/TCTK-TTDL ngày 02/4/2024 của Tổng cục Thống kê về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Ngày 04/4/2024 Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có Văn bản số 2228/VP-TH giao Cục Thống kê thành phố chủ trì cùng các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; gửi văn bản tham gia ý kiến về Tổng cục Thống kê đúng thời gian quy định.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng nhất trí với nội dung của bản dự thảo đã đề ra và không có ý kiến tham gia thêm.

Cục Thống kê thành phố Hải Phòng kính gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Phạm Xuân Phương

21

SAO Y

Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
01.02.2024 15:53:15 +07:00

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HƯNG YÊN

Số: 49 /CTK-TH

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Tổng cục Thống kê (Vụ PPCĐ)

Thực hiện văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Tổng cục Thống kê và số 164/UBND-TH ngày 19/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Cục Thống kê đã triển khai lấy ý kiến các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh đối với các dự thảo sau:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

(2) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia và hệ thống biểu mẫu kèm theo;

(3) Dự thảo Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Trên cơ sở nghiên cứu và tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành và địa phương, tỉnh Hưng Yên cơ bản nhất trí với nội dung các dự thảo trên và không có ý kiến bổ sung khác.

Cục Thống kê Hưng Yên trân trọng báo cáo Tổng cục Thống kê (Vụ PPCĐ) và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ T.HƯNG YÊN
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Đào Trọng Truyền

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÁI BÌNH

Số: 22 /CTK-TH
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin

Thực hiện Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Thực hiện Công văn số 261/UBND-TH ngày 19/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Cục Thống kê tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia ý kiến dự thảo như sau:

1. Nhất trí với các nội dung: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục gồm: Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê; Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành. (3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Tham gia ý kiến đối với các biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể: Biểu 001.Q/BCB-TTTT (Doanh thu dịch vụ bưu chính) và biểu 002.N/BCB-TTTT (Sản lượng, doanh thu dịch vụ bưu chính) đề nghị chia sản lượng hoặc doanh thu đối với dịch vụ thư hay dịch vụ gói kiện, hàng hóa thành 04 loại cho thống nhất, gồm: đi trong nước, đến trong nước, từ Việt Nam đi các nước, từ các nước đến Việt Nam.

Cục Thống kê tỉnh trân trọng báo cáo Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh để tổng hợp chung./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để Bc);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH THÁI BÌNH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Tăng Bá Phúc

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69 /CTK-TH	*Hà Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2024*
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi:

- Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTTTK, TCTK;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Thực hiện Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 259/VPUB-TH ngày 22/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Hà Nam về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Cục Thống kê Hà Nam đã nghiên cứu và lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan, sau khi nghiên cứu và qua các ý kiến của các đơn vị đều nhất trí với các nội dung trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Cục Thống kê Hà Nam kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê để tổng hợp, hoàn thiện./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, TH.	**CỤC TRƯỞNG** CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM CỤC THỐNG KÊ TỈNH HÀ NAM TỔNG CỤC THỐNG KÊ **Vũ Đại Dương**

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/CTK-TKTH V/v góp ý Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Nam Định, ngày 30 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi:

- Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và UDCNTTTK);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Thực hiện Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn số 19/VPUBND-VP2 ngày 19/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Nam Định về việc góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Cục Thống kê tỉnh Nam Định được UBND tỉnh Nam Định ủy quyền báo cáo kết quả góp ý như sau:

Sau khi nghiên cứu dự thảo các tài liệu: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ, (2) Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục (gồm Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê; Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành), (3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ; Cục Thống kê tỉnh Nam Định nhất trí với các nội dung dự thảo trên.

Cục Thống kê tỉnh Nam Định trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: - Như trên; - VP UBND tỉnh Nam Định; - Lãnh đạo Cục Thống kê; - Lưu: VT, TKTH.	**CỤC TRƯỞNG** CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM CỤC THỐNG KÊ TỈNH NAM ĐỊNH TỔNG CỤC THỐNG KÊ **Nguyễn Văn Ty**

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ NINH BÌNH

Số: 71 /CTK-TKTH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng thông tin thống kê

Thực hiện Công văn số 460/BKH-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Cục Thống kê Ninh Bình đã nghiên cứu dự thảo và gửi văn bản xin ý kiến các đơn vị liên quan.

Kết quả tổng hợp ý kiến: Các đơn vị hoàn toàn nhất trí với nội dung của dự thảo. Cục Thống kê Ninh Bình trân trọng gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng thông tin thống kê để tổng hợp chung./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH NINH BÌNH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Bùi Văn Đồng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /CTK-TH	*Thanh Hoá, ngày 02 tháng 02 năm 2024*
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Văn Thi tại Công văn số 1067/UBND-THKH ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao góp ý vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê Thanh Hóa tham gia đóng góp ý kiến như sau:

Nhất trí với nội dung các tài liệu, gồm:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

(2) Dự thảo Nghị định gồm 02 phụ lục:

- Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê;

- Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành.

(3) Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Cục Thống kê Thanh Hóa trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi (để b/c);
- Lưu: VT, TH.

Q. CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Mạnh Hiệp

27

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09 / CTK-TH V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Nghệ An, ngày 29 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi:

- Uỷ ban Nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin Thống kê, Tổng cục Thống kê.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bùi Thanh An tại công văn số 550/UBND-TH ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (thực hiện chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Giao cho Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu góp ý dự thảo, tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ các nội dung góp ý, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An đã gửi đến các đơn vị trên địa bàn tỉnh toàn bộ Dự thảo để xin ý kiến của các đơn vị. Nội dung góp ý bao gồm:

1, Dự thảo tờ trình Thủ tướng Chính phủ;

2, Dự thảo Nghị định và 02 phụ lục gồm:

- Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê;
- Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Bộ, ngành.

3, Dự thảo Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp Quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018-NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Đến ngày 29/01/2024, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An đã nhận được ý kiến góp ý của các đơn vị và tổng hợp, kết quả cơ bản các đơn vị nhất trí như dự thảo đã được xây dựng, riêng Sở Lao động – TB&XH có ý kiến bổ sung như sau: Đề xuất dự thảo điều chỉnh Biểu số 002.N/BCB- LĐTBXH (số thứ tự 142, mục 23 phụ lục I) dự thảo Nghị định của Chính phủ về "Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp" của Bộ Lao động - TB và XH sang Bộ Giáo dục và Đào tạo để phù hợp với quy định tại Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018- 2025".

Cục Thống kê tỉnh Nghệ An báo cáo UBND tỉnh và Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin Thống kê, Tổng cục Thống kê xem xét và tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo cục (để biết);
- Lưu: VT, TH.

K.T CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH NGHỆ AN
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Trung Kiên

SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Thời gian ký: 31/01/2024 15:57:53 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 852 /UBND-TH	*Nghệ An, ngày 31 tháng 01 năm 2024*
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; sau khi nghiên cứu, Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia kèm theo Công văn nêu trên.

2. Một số ý kiến góp ý cụ thể:

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh chỉ tiêu "Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp" *(Biểu số 002.N/BCB-LĐTBXH, số thứ tự 142, mục 23 Phụ lục I)* hiện đang phân công Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sang Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lý do: Để phù hợp với quy định tại Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018- 2025".

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin Thống kê);
- Chủ tịch, PCT (KT) UBND tỉnh;
- Cục Thống kê;
- CVP, PVP TH UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thanh An

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35 /CTK-TH
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTTTK, Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 460/UBND-TH3 ngày 25/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc giao góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Cục Thống kê đã tổng hợp các ý kiến đóng góp từ các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Cơ bản các Sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện nhất trí với nội dung và hình thức của dự thảo và có một số ý kiến đề xuất như sau:

- Đề nghị bỏ quy định về "Đối tượng áp dụng" tại Khoản 3, Điều 3 của dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Điều 2 của dự thảo Nghị định, không cần phải quy định lại để tránh trùng lặp.

- Tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 và Khoản 9, Điều 3 của dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung thêm cụm từ " và tương đương" vào sau cụm từ "bộ, ngành" thành cụm từ "bộ, ngành và tương đương".

- Tại khoản 7, Điều 3 của dự thảo Nghị định: đề nghị bỏ nội dung "báo cáo thống kê 9 tháng".

- Tại Phụ lục I. Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê có một số danh mục, biểu mẫu kỳ báo cáo là 2 năm nhưng ngày báo cáo là 31/3 năm sau năm báo cáo cụ thể ở biểu 008.2N/BCB-TNMT; 003.2N/BCB-KHCN; 005.2N/BCB-KHCN và có một số biểu kỳ báo cáo 2 năm như biểu 003.2N/BCB-CT; 004.2N/BCB-CT. Đề nghị các chỉ tiêu biểu mẫu có kỳ báo cáo 2 năm một lần nên chuyển về kỳ báo cáo mỗi năm một lần để phục vụ kịp thời, có tính so sánh đồng nhất và lưu trữ dữ liệu thống kê hàng năm.

Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTTTK, Tổng cục Thống kê xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c)
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH HÀ TĨNH

Trần Thanh Bình

Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 30/01/2024 15:22:32

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 187 /UBND-TH	*Quảng Bình, ngày 30 tháng 01 năm 2024*
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo Thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê - Tổng cục Thống kê.

UBND tỉnh Quảng Bình nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Quảng Bình hoàn toàn nhất nhất trí với các dự thảo:

(1) Dự thảo tờ trình Chính phủ;

(2) Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục (phụ lục I và phụ lục II);

(3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia của UBND tỉnh Quảng Bình, kính gửi Tổng cục Thống kê tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục Thống kê;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Mạnh Hùng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 84 /CTK-TKTH	*Quảng Trị, ngày 02 tháng 02 năm 2024*

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

Kính gửi: Cục TTDL và Ứng dụng CNTT thống kê

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị có Công văn số 496/UBND-TH về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia theo Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Cục Thống kê chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia ý kiến đối với các dự thảo. Sau khi nghiên cứu bản dự thảo Tờ trình Chính phủ; dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục liên quan (Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê; Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành); dự thảo báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan; Cục Thống kê Quảng Trị hoàn toàn thống nhất với Bố cục và Nội dung của các bản dự thảo.

Vậy Cục Thống kê Quảng Trị báo cáo để Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH QUẢNG TRỊ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Quốc Kế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1224/UBND-TH V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia; sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất với dự thảo nêu trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cục Thống kê;
- Cục Thống kê tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Văn Phương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THỪA THIÊN HUẾ

Số: 49 /CTK-TH

V/v trả lời Văn bản số 916/UBND-TH ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

Cục Thống kê Thừa Thiên Huế nhận được Văn bản số 916/UBND-TH ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ Báo cáo thống kê cấp quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sau khi phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị liên quan về việc góp ý dự thảo văn bản nêu trên, Cục Thống kê thống nhất với dự thảo.

Cục Thống kê kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT,TH.

CỤC TRƯỞNG

CỤC THỐNG KÊ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Ngô Liều

32
TCTK

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 712 /UBND-TH	*Đà Nẵng, ngày 02 tháng 02 năm 2024*

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 6823 Ngày: 06.02.2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

UBND thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Sau khi nghiên cứu nội dung các dự thảo, UBND thành phố Đà Nẵng có ý kiến như sau:

- Đối với dự thảo Tờ trình: UBND thành phố xét thấy cơ quan dự thảo đã tiếp thu, điều chỉnh tất cả các nội dung địa phương đã góp ý lần trước (theo Công văn số 5313/UBND-TH ngày 27 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng), UBND thành phố Đà Nẵng thống nhất cao với dự thảo lần này và không có ý kiến gì thêm.

- Đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia: UBND thành phố Đà Nẵng cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo lần này. Tuy nhiên, trong phần Phụ lục II kèm theo Nghị định, đề nghị cơ quan soạn thảo hướng dẫn cụ thể hơn về cách thu thập, tổng hợp đối với một số chỉ tiêu có phân tổ đến cấp tỉnh và nguồn số liệu lấy từ chế độ báo cáo của các bộ, ngành, cụ thể:

+ Biểu số 003.2N/BCB-CT "Số thương nhân có giao dịch thương mại điện tử" (Mã cấp tỉnh T1306, mã cấp quốc gia tương ứng 1309): Chỉ tiêu này thuộc Chế độ báo cáo của Bộ Công Thương và phân công Sở Công Thương thực hiện báo cáo định kỳ hai năm một lần, nguồn số liệu từ Điều tra thống kê thương mại điện tử. Tuy nhiên, ngành Công Thương không triển khai điều tra, vì vậy Sở Công Thương không có cơ sở thực hiện thu thập, báo cáo theo quy định.

+ Biểu 004.2N/BCB-CT "Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp" (Mã cấp tỉnh T0903, mã quốc gia tương ứng 0907): Chỉ tiêu này thuộc Chế độ báo cáo của Bộ Công Thương và phân công Sở Công Thương thực hiện báo cáo định kỳ hai năm một lần, nguồn số liệu từ Điều tra năng lực sản xuất của một số sản sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, ngành công thương không triển khai điều tra, cho đến nay Sở Công Thương vẫn không đủ cơ sở để thực hiện thu thập, báo cáo theo quy định.

+ Biểu số 005.H/BCB-VHTTDL "Số lượt khách du lịch nội địa" (Mã cấp tỉnh T1702, mã quốc gia tương ứng 1706): Chỉ tiêu này thuộc Chế độ báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ở cấp tỉnh phân công Sở Du Lịch thực hiện báo cáo định kỳ quý, năm; nguồn số liệu từ Điều tra thông tin khách du lịch

nội địa. Tuy nhiên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không triển khai điều tra và Sở Du lịch cũng không có cơ sở để thực hiện báo cáo theo quy định. Cho đến nay Sở Du lịch vẫn đang sử dụng số liệu thống kê khách do cơ sở lưu trú và cơ sở lữ hành phục vụ của Cục Thống kê cấp tỉnh công bố, được tổng hợp từ Điều tra Thương mại và Dịch vụ; điều tra doanh nghiệp; điều tra cá thể thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia do ngành thống kê thực hiện.

+ Đối với các chỉ tiêu thuộc chế độ báo cáo của bộ, ngành đề nghị cơ quan soạn thảo cần xác định cụ thể cơ quan nào chịu trách nhiệm triển khai điều tra thu thập thông tin, vì hiện nay tất cả các cuộc điều tra thống kê đều do ngành thống kê thực hiện, các sở, ban, ngành không có chức năng điều tra thống kê.

- Đối với dự thảo Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ: Hiện nay, việc thực hiện biểu mẫu báo cáo đối với một số chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh có liên quan đến chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng vẫn chưa thể thực hiện được. Tuy nhiên, trong báo cáo chưa đề cập đến, cụ thể các chỉ tiêu sau:

+ Chỉ tiêu "Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp" (Mã cấp tỉnh theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg là T0909, mã cấp quốc gia tương ứng 0907): Theo quy định, chỉ tiêu này sẽ do Sở Công Thương thực hiện báo cáo định kỳ 02 năm một lần. Tuy nhiên, đến nay Sở Công Thương vẫn chưa thể thực hiện được do không có cơ sở để thu thập, tổng hợp báo cáo.

+ Chỉ tiêu "Số lượt khách du lịch nội địa" (Mã cấp tỉnh theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg là T1706, mã quốc gia tương ứng 1706): Chỉ tiêu này phân công Sở Du Lịch thực hiện báo cáo. Tuy nhiên, đến nay Sở Du lịch không có cơ sở để thực hiện báo cáo theo quy định.

Trên đây là một số ý kiến góp ý của UBND thành phố Đà Nẵng, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục rà soát, hoàn thiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBND TP (để b/cáo);
- Tổng cục Thống kê;
- Văn phòng UBND TP: CVP, các PCVP;
- Cục Thống kê TP;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Kỳ Minh

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 93 /CTK-TTTT V/v xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Quảng Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Thực hiện Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Công văn số 529/UBND-TH ngày 22/012024 của UBND tỉnh Quảng Nam giao Cục Thống kê Quảng Nam chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành và đơn vị liên quan nghiên cứu cho ý kiến về dự thảo Nghị định này.

Cục Thống kê Quảng Nam ban hành Công văn số 78/CTK-TTT ngày 25/01/2024 triển khai đến các Sở, Ban, ngành và đơn vị liên quan xin ý kiến dự thảo Nghị định nêu trên.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định, Cục Thống kê Quảng Nam và các đơn vị Sở, Ban, ngành liên quan của tỉnh thống nhất với các nội dung: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Nghị định và 02 phụ lục kèm theo; (3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Cục Thống kê Quảng Nam kính gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận: - Cục TTDL&UDCNTT (b/c); - UBND tỉnh (b/c); - Lãnh đạo Cục (b/c); - Lưu: VT, TTTT.	**KT. CỤC TRƯỞNG** **PHÓ CỤC TRƯỞNG** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CỤC THỐNG KÊ T QUẢNG NAM TỔNG CỤC THỐNG KÊ **Lê Nho Hùng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 529/UBND-TH V/v ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Quảng Nam, ngày 22 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thống kê tỉnh

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 về xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành và đơn vị liên quan nghiên cứu cho ý kiến về dự thảo Nghị định nêu trên, gồm:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

(2) Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục gồm:

- Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê;

- Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành.

(3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Văn bản góp ý gửi về Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội và theo địa chỉ thư điện tử: phongthietke@gso.gov.vn **trước ngày 02/02/2024** và báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo./.

(Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được gửi kèm trên Trục văn bản liên thông)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ KH&ĐT;
- CT, PCT UBND tỉnh Nguyễn Hồng Quang;
- Tổng cục Thống kê;
- CVP;
- Lưu: VT, TH(Hảo).

D:\2024\THONG KE\GOP Y TONG DIEU TRA NT-NN 2025\Du thao ND noi dung BC Thong ke\24.01.18. Gop y du thao Nghi dinh quy dinh chi tiet che do BC thong ke cap Quoc gia.doc

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Như Công

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ QUẢNG NGÃI

Số: 71 /CTK-TH

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:
- Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi,

Thực Công văn số 439/UBND-KTTH ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia theo nội dung Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê đã triển khai lấy ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, qua đó thống nhất với dự thảo Nghị định nêu trên.

Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Tổng cục Thống kê và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH QUẢNG NGÃI
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Hùng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 143 /CTK-TH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê Quốc gia

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh Bình Định;
- Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

Thực hiện Công văn số 460/BKHĐT ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia;

Thực hiện Công văn số 468/ UBND-TH ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giao Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia theo chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn nêu trên;

Cục Thống kê Bình Định đã gửi Công văn đến 23 đơn vị *(có Công văn và Danh sách đơn vị gửi kèm)* để xin ý kiến góp ý bằng văn bản về:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

2. Dự thảo Nghị định và 02 Phụ lục gồm:

- Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê;

- Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành.

3. Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Các đơn vị được xin ý kiến và các phòng nghiệp vụ tại cơ quan Cục Thống kê sau khi nghiên cứu các nội dung nêu trên đều thống nhất với nội dung của các dự thảo, không có ý kiến tham gia.

Cục Thống kê Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê, UBND tỉnh Bình Định, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH ĐỊNH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Thị Mỹ

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ YÊN

Số: 236 /CTK-TTTT

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 09 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 518/TCTK-TTDL ngày 02/4/2024 của Tổng cục Thống kê về việc góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Công văn 1912/UBND-TH ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Phú Yên giao Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Cục Thống kê đã triển khai đến các phòng thuộc Cục góp ý dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định và 02 phụ lục được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ https://www.gso.gov.vn/vanban/ kèm theo công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch Đầu tư. Qua tổng hợp kết quả góp ý, Cục Thống kê tỉnh Phú Yên **thống nhất** Dự thảo các nội dung gồm:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính Phủ.

(2) Dự thảo Nghị định và 02 phụ lục gồm:

- Phụ lục 1: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê.

- Phụ lục 2: Biểu mẫu báo cáo Thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Bộ, ngành.

(3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính Phủ.

Cục Thống kê tỉnh Phú Yên báo cáo Tổng cục Thống kê (qua Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin) và UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, TTTT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ YÊN
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Cao Thanh Sơn

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 223 /CTK-TTTTTK

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện công văn số 3631/UBND-TH ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa dự thảo công văn góp ý "Dự thảo Nghị định quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia" kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TTTTTK.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Lê Trung Viên

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /UBND-TH	*Khánh Hòa, ngày tháng 4 năm 2024*
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Tổng cục Thống kê)

Ngày 11/10/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đề nghị UBND tỉnh góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia tại Công văn số 1645/TCTK-TTDL; theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 10358/UBND-TH ngày 25/10/2022 góp ý dự thảo Nghị định nêu trên. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, địa phương Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện dự thảo Nghị định (lần 1).

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản pháp luật hiện hành Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tiếp tục rà soát, sửa đổi và hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã ban hành Công văn số 581/TCTK-TTDL ngày 02/4/2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia gửi các Bộ, ngành và địa phương góp ý (lần 2);

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định và các danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê cấp quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) gửi kèm Công văn 581, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thống nhất với các nội dung dự thảo Nghị định và các danh mục biểu mẫu báo cáo.

Trân trọng ./.

Nơi nhận: - Như trên; - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; - Chánh Văn phòng UBND tỉnh; - Lưu: VT.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66 /CTK-TKTH	*Ninh Thuận, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

Tiếp nhận Công văn số 307/VPUB-KTTH ngày 22/01/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao cho Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, có ý kiến góp ý và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Ngày 23/01/2024, Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận có Công văn số 51/CTK-TKTH gửi các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan về xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Qua nghiên cứu và tổng hợp góp ý kiến Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận góp ý xem xét hiệu chỉnh, bổ sung một số nội dung như sau:

1. Về thể thức kỹ thuật trình bày

Đối với dự thảo Nghị định: Tại căn cứ pháp lý thứ 1, 2. Đề nghị trình bày sau mỗi căn cứ phải xuống dòng để đúng với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và mẫu số 01 của Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

2. Về nội dung

Các đơn vị liên quan cơ bản thống nhất với các dự thảo Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ và Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự thảo Nghị định của Chính phủ Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận báo cáo Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê tổng hợp, tham mưu./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo CTK;
- VP UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT.

CỤC TRƯỞNG

CỤC THỐNG KÊ TỈNH NINH THUẬN

Nguyễn Văn Hương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BÌNH THUẬN

Số: 32 /CTK-TTTTTK

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ cáo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Thực hiện Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 402/VP-TH ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Cục Thống kê Bình Thuận thống nhất như dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Cục Thống kê Bình Thuận về dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. /.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TTTTTK.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH THUẬN
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Phạm Quốc Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1137 /UBND-KTTH	*Kon Tum, ngày 04 tháng 4 năm 2024*
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 581/TCTK-TTDL ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Tổng cục Thống kê về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thống nhất đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia do Tổng cục Thống kê chủ trì soạn thảo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum kính gửi Tổng cục Thống kê biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, KTTH. SKHĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Ngô Việt Thành

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH GIA LAI

Số: 61 /CTK-TKTH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê;
- UBND tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; văn bản số 263/VP-KTTH về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Qua nghiên cứu, thảo luận và tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị đều thống nhất với bản dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Cục Thống kê tỉnh Gia Lai kính gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê và UBND tỉnh Gia Lai tổng hợp./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Lưu: VT, TKTH.

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THỐNG KÊ TỈNH GIA LAI

Ký bởi: Cục Thống kê tỉnh Gia Lai
Email: gialai@gso.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Ngày ký: 30-01-2024 07:28:08 +07:00

Nguyễn Đình Tâm

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21 /CTK-TTTTTK Về việc góp ý kiến Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	*Đắk Lắk, ngày 02 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin

Thực hiện Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 551/UBND-TH ngày 19/01/2024 về việc góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Ngày 23/01/2024. Cục Thống kê đã triển khai công văn số 14/CTK-TTTTTK gửi đến các đơn vị liên quan (sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố). Đến nay, một số đơn vị đã trả lời, qua tổng hợp cho thấy hầu hết đồng ý với các Dự thảo, Cục thống kê tổng hợp một số ý kiến có góp ý cụ thể như sau:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ:

Thống nhất như dự thảo. Không có ý kiến gì thêm.

(2) Dự thảo Nghị định và 2 phụ lục:

a- Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk có ý kiến: Tại biểu số 005.N/BCB-BHXH (Thu, chi quỹ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp): Chi hoạt động quản lý chỉ để chung một dòng chứ không tách theo từng nguồn quỹ.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến điều chỉnh một số biểu ở phần "23.Bộ Lao động Thương binh và Xã hội", như sau:

+ Biểu 001.H/BCB-LĐTBXH. Tỷ lệ lao động qua đào tạo: Ngày nhận báo cáo Kỳ báo cáo năm "Báo cáo năm: ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo" điều chỉnh thành: "ngày 31 tháng 01 năm sau năm báo cáo".

+ Biểu 002.N/BCB-LĐTBXH. Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp: Ngày nhận báo cáo Kỳ báo cáo năm "Báo cáo năm: ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo" điều chỉnh thành: "ngày 31 tháng 01 năm sau năm báo cáo".

b- Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành:

Thống nhất như dự thảo. Không có ý kiến gì thêm.

(3) Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia ban hành theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của chính phủ:

Thống nhất như dự thảo. Không có ý kiến gì thêm.

Cục Thống kê Đắk Lắk báo cáo Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng Cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Cục (b/c);
- Lưu: VT, TTTTTK.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Quang Phước

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 195 /CTK-TTTTTK

Đắk Nông, ngày 05 tháng 4 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông nhận được Công văn số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17/01/2024 của Tổng cục Thống kê; Công văn số 461/UBND-KT ngày 19/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Sau khi nghiên cứu 02 dự thảo và 01 báo cáo tại Văn bản nêu trên, Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ: Thống nhất như dự thảo.

2. Về dự thảo Nghị định

- Tại Điều 2: Đề nghị sửa lại thành: Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, bao gồm: Bộ, cơ quan ngang bộ,...

3. Về Phụ lục

- Phụ lục II. Chế độ báo cáo áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Biểu số 008.H/BCB-NHNN: Ngày nhận báo cáo bổ sung thêm số chính thức năm.

4. Về báo cáo Tổng kết theo Nghị đinh số 60/2018/NĐ-CP: Thống nhất như báo cáo.

Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông kính gửi Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê) biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Các Phòng thuộc Cơ quan Cục;
- Lưu: VT; TTTTTK.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK NÔNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Văn Tỉnh

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ LÂM ĐỒNG

Số :80 /CTK-TH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 01 *tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê, Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Văn bản số 460/BKHĐT-TCTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn bản số 613/UBND-TH1 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Thừa ủy nhiệm của UBND tỉnh Lâm Đồng, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã nghiên cứu và tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị, tham gia ý kiến như sau:

Đối với Dự thảo Nghị định: Đề nghị đánh số thứ tự của dự thảo là **Dự thảo 2**, theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ: Dự thảo 2 là dự thảo được Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định gửi và đăng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ hoặc của cơ quan chủ trì soạn thảo, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: TH, VT.

Q. CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH LÂM ĐỒNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Công Thạnh

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 29 /CTK-TKTH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn số 225/VPUBND-TH ngày 25/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Trên cơ sở góp ý kiến các Sở, ngành. Cục Thống kê đã tổng hợp "DỰ THẢO" Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia để UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê *(có dự thảo kèm theo)*.

Cục Thống kê kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Kiều Hữu Quang